

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Thị Cỏ May

Tiểu sử

Sinh quán ở miền Nam. Hiện ngụ cư tại Pháp.

Tác phẩm

Bút ký khảo luận văn hoá, xã hội và chính trường.



Nam Phương Hoàng Hậu

(xem Nam Phương Hoàng Hậu: 100 năm sinh nhật và 50 năm kỷ nhật tại Paris và Đi thăm mộ Nam Phương Hoàng Hậu)

Mục Lục

Nguyễn Thị Mạnh Mạnh – 2

Đọc lại tuần báo Phụ nữ Tân Văn – 13

Nam Phương Hoàng Hậu: 100 năm sinh nhật và 50 năm kỷ nhật tại Paris - 17

Đi thăm mộ Nam Phương Hoàng Hậu – 21

Phụ đính I:

Đông Dương bách tuế - 25

Hồn ở đâu bây giờ ? - 31

Hà Nội bên bờ sông Lot - 34

Nhớ lũy tre làng – 49

Phụ đính II:

“Cậu Ấm” Nguyễn Văn Thành – 53

Nguyễn Thị Cỏ May với Nguyễn Triều vong thổ - 72

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Nguyễn Thị Mạnh Mạnh Nữ lưu Nam kỳ và tuần báo Phong Hóa ở Hà Nội

Vào đầu thập niên 30, nhóm các ông Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Tú Mỡ ... ở Hà nội họp nhau làm tờ tuần báo Phong Hóa nhằm phê phán, chỉ trích, có khi đã kích mạnh bằng giọng văn châm biếm và bằng tranh biếm họa, những thói tục của giới bình dân trong xã hội kém mở mang của một đất nước bị thực dân Pháp đô hộ .



Nhóm Phong Hóa được may mắn thuộc gia đình khá giả, được ăn học theo Tây, có kẻ được qua Tây ăn học, nên nhìn thấy xã hội miền Bắc hãy còn đắm chìm trong những thói tục xưa, nhứt là nếp sống của đại đa số dân chúng trong tăm tối, không biết giữ gìn vệ sinh... làm cho họ cảm thấy bức dọc, muốn vung tay làm cho cái xã hội ấy bùng vỡ đi. Nhưng đường hướng cải thiện thì chưa thấy rõ, mà châm biếm, đả kích thì khá mạnh bạo. Những điều họ châm biếm, đả kích không phải sai nhưng chỉ mới nhằm những thói tục hay nếp sống của dân chúng kém mở mang, chớ chưa vươn lên tới tầng gọi là Phong Hóa như họ chủ trương, trong lúc đó, nơn danh Phong Hóa, họ lại tỏ ra khá hung hăng công kích hai phụ nữ Nam kỳ Nguyễn thị Mạnh Mạnh và Phan thị Nga tới Hà nội, vùng lãnh địa của họ, hô hào bảo vệ Nữ quyền. Vì nữ quyền cũng là thứ thói hư tật xấu được biểu hiện bằng " Lý Toét và Xã Xệ " của họ? Nữ quyền không phải là thứ Phong Hóa mà họ đòi hỏi?



Y phục thay đổi để làm cho người mặc đẹp hơn, tiện lợi hơn cũng là một chủ đề của Phong Hoá. Thời trang Pháp có bề dày lịch sử 150 năm và vừa được tổ chức triển lãm tại Tòa Đô

chánh Paris hồi tháng 7 vừa qua để nhắc nhở cho dân chúng cái di sản phi vật thể quốc gia. Kho tàng lịch sử thời trang Pháp cất giữ cả 10000 y phục từ 150 năm qua. Và y phục Pháp vẫn cải tiến hằng năm và theo mùa. Ở Hà nội, chiếc áo dài phụ nữ được đề nghị thay đổi từ đầu những năm 30 do nhà vẽ kiểu thời trang Cát Tường Lemur. Ông dựa trên chiếc áo dài cổ truyền của phụ nữ ở Bắc để cải tiến. Và từ đó, chiếc áo dài phụ nữ ở Hà nội không ngừng được thêm thắt nhưng vẫn trên căn bản có sẵn. Ông Cát Tường cũng là thành viên của nhóm Phong Hóa.

Chiếc áo dài Việt nam vẫn bám theo người phụ nữ Việt nam ra hải ngoại ngày nay, và đôi khi đem lại cho vài ba phụ nữ ngoại quốc một vẻ đẹp mới lạ, quả thật là một sáng tạo quan trọng vì mang một nét văn hóa dân tộc.

Lịch sử chiếc áo dài phụ nữ Hà thành từ họa sĩ Cát Tường đã được phổ biến hồi tháng 6 trên Đài TV SBTN ở California, Huê Kỳ. Cũng trong thời gian lập lại lịch sử chiếc áo dài ấy, Ông Nguyễn Trọng Hiền, thứ nam của Họa sĩ Cát Tường Lemur, có công sưu tập toàn bộ tuần báo Phong Hóa, chụp hình lại, thu vào đĩa nhựa lưu giữ và phổ biến miễn phí. Ông đã biếu Cỏ May hai tài liệu lịch sử này.

Trước đây có đọc Nguyễn Tà Cúc bình luận về chiếc áo dài Lemur, về những công kích của nhóm Phong Hóa nhằm hai Nữ lưu nam kỳ lúc diễn thuyết ở Hà nội và Hải phòng. Cỏ May rất ngạc nhiên và tự hỏi tại sao những người làm Phong Hóa lại có những lời lẽ "chệch hướng" như vậy đối với đồng nghiệp? Mà lại là nữ đồng nghiệp! Nay có trong tay tuần báo Phong Hóa, Cỏ May mở ra đọc cho biết sự thật có phải như vậy không? Và cũng đọc qua vài thông tin về Bà Nguyễn thị Mạnh Mạnh và Phan thị Nga để biết hai bà đã vi phạm "tội phạm thương" chẳng, mà phải bị những nhà báo Phong Hóa xỉ vả thậm tệ như vậy?

Hồ hào cải cách y phục

Nhóm Phong Hóa đưa chiếc áo dài Lemur lên trang nhứt tuần báo Phong Hóa để kêu gọi nữ giới hưởng ứng dưới hình thức bức thư gởi cho một ông Nghị. Họ đưa ra nét đẹp của người mặc và bài bác kiểu áo dài cũ. Về y phục đàn ông, họ chủ trương ăn mặc theo Tây phương như người Âu châu là tiện lợi hơn hết. Theo nhà báo Nhị Linh của Phong Hóa, chiếc áo dài Lemur làm toát ra nét dịu dàng, đường cong mềm mại của người phụ nữ thì âu phục sẽ làm nổi cộm những nét cứng rắn, hùng dũng của nam giới. Trong thời gian đưa ra kiểu mẫu Áo dài Lemur, họ vẫn tiếp tục và kiên trì chiến dịch đả phá những thói tục cũ, điển hình như "cái áo the thâm tàng" ở Lý Toét và Xã Xệ. Bài báo "Về đẹp của các bà, các cô" viết, xin trích khá dài để bạn đọc có dịp đọc qua một bài báo trên Phong Hóa của đầu thập niên 30 ở Hà nội:

"Thưa ông Nghị,

Tôi tiếp được bức thư của ông. Tôi rất lấy làm cảm động về những lời khuyên khích trong thư. Thưa ông, chẳng qua tôi là người giới thiệu với độc giả Phong Hoá những ý kiến của ông bàn về sự cải cách hương chính mà thôi. Nào tôi có phải là nhà xã hội học hay chính trị học. Mà ông, xin ông đừng giận, ông cũng vậy, ông cũng không phải là một nhà chính khách. Cái thời kỳ ông ở Nghị viện chẳng làm cho ông được thêm kiến thức là mấy về những chính sách nọ, chính sách kia. Những ý kiến ông bàn với tôi chắc chỉ nhờ ở sự chung sống lâu năm với dân quê mà có.

Về những sự cải cách trong dân quê, ta sẽ còn nhiều lần bàn bạc với nhau, mà còn phải bàn nhiều. Đây tôi chỉ trả lời ông về một vấn đề: cải cách y phục phụ nữ.

Vậy về y phục đàn ông, tôi cũng đồng một ý tưởng với ông. Không gì tiện gọn và giản dị bằng lối âu phục. Một người đàn ông ra gánh vác việc nặng nề với đời mà ăn mặc lò xoà, lướt lướt, những vấp với vương thì thật là không tiện. Vả lại về đẹp của người đàn ông chỉ ở chỗ khỏe, chỗ nhanh thì lối y phục áo ngắn quần hẹp thực hợp kiểu. Còn về đẹp của đàn bà? Nếu ông chỉ bảo về đẹp của đàn bà ở chỗ mềm mại, dịu dàng, óng ả, xinh tươi thì tôi xin chịu ngay không dám cãi, vì tôi cũng nhận như thế. Song lại chỉ trích lối y phục phụ nữ của chúng

tôi mà ông đoán sẽ giống bức tranh vẽ ngoài bìa một cuốn sách của hiệu NamKý: ông chê rằng lối y phục ấy không được phổ thông và chúng tôi chỉ nghĩ đến các bà giàu có sang trọng. Điều đó, thực tôi không phục. Tôi thì tôi cho sự cải cách y phục phụ nữ của chúng tôi chỉ có một ý nghĩa phổ thông dù về đẹp của bộ áo quần do Cát Tường chế ra được hay không được công chúng công nhận và hoan nghênh mặc lòng. Vâng, tôi nói phổ thông, mà rất phổ thông. Tôi hãy hỏi ông: những lối y phục tân thời ngày nay của các bà thì tân thời ở chỗ nào? (...) Về “đường” về “nét”, về hình cốt tịn không có cái gì khác trước (...) Không tiện thì thực là không tiện rồi, mà mềm mại óng ả thì thực cũng chẳng có chút nào rồi. Song phổ thông thì phổ thông ở chỗ nào? Một cô con nhà giàu, có tiền mua nhung mầu, mua cảm châu, hàng tầu, hàng tây đủ thứ thì cô ấy ta cho là tân thời... Còn những cô sinh vào nơi không có của thì lấy tiền đâu mà sắm thức hàng nọ với hàng kia. Các cô đành mặc cái quần lụa, cái áo lương. Thế là các cô chịu liệt vào hàng ăn mặc cũ kỹ, “không tân thời” tuy áo của các cô cũng như áo của các cô tân thời, chẳng kém một mảnh vải, chẳng thiếu một cái khuy. Nói rút lại y phục của các bà an nam ngày nay chỉ tân thời ở màu và hàng tơ lụa. Trái lại, khi sự cải cách y phục của chúng tôi có kết quả thì ai ai cũng ăn mặc theo kiểu tân thời được. Các nhà họa sĩ sẽ tìm ra các đường khâu, các cách cắt, khiến một cô con gái có thể giữ được vẻ mềm mại dịu dàng, óng ả của tấm thân xinh đẹp được, dù các cô dùng hàng “bombay”, hàng “thượng hải” hay chỉ dùng hàng an nam tơ lương, the, lụa là cho đến vải annam nữa. Tôi chưa bàn nên hiển lối y phục của chúng tôi cho các cô ở thôn quê. Song, nếu cô nào muốn theo thì cũng chẳng ai dám chê là lỗi. Mà dẫu ông khuyên các cô trong làng theo lối ấy thì cũng chẳng ai dám kêu là bạo. Mà bao giờ được thế - rồi tất phải được thế, vì chúng tôi sẽ có nhiều kiểu, ai muốn theo kiểu nào mặc ý - thì sự cải cách y phục của chúng tôi thực sẽ hoàn toàn có tính cách phổ thông. Chúng tôi ao ước rằng ông sẽ lên chơi tòa báo để chúng tôi được cùng ông nói chuyện về dân quê.

Kính thư”

(Nhị Linh, Vẻ đẹp của các bà các cô, Phong Hoá số 89, Năm thứ ba, Thứ sáu 16.3. 1934).

Áo dài Lemur

Phong Hóa từ số 86 xuất hiện những bài viết của Họa sĩ Cát Tường Lemur dẫn giải về chiếc áo dài cải cách của ông. Tác giả nói chi tiết về kỹ thuật cải cách với cả hình ảnh minh họa do họa sĩ vẽ. Chỉ không nói rõ kiểu nào nên thực hiện trên loại hàng vải nào, với màu sắc gì. Xin trích dẫn một đoạn dài:

“...Đoái nhìn lại nước nhà, tôi không khỏi có điều chán nản. Trừ y phục của bọn trai chúng tôi, phần nhiều phỏng theo kiểu mầu của người Âu Mỹ, còn y phục của các bạn gái, tôi xem thấy có nhiều điều bất tiện mà lại không có vẻ chỉ là mỹ thuật. Tuy rằng vài năm gần đây, y phục của các bạn gái cũng có một vài phần sửa đổi, song sự sửa đổi ấy chẳng qua chỉ ở mấy cái màu sắc sỡ, mấy thứ hàng lạ nước ngoài. Rút cục lại, đâu cũng vẫn hoàn đấy. Công sửa đổi cũng bằng thừa. Phụ nữ đời nay có khác phụ nữ đời xưa họa chẳng ở chỗ không đội nón thúng quai thao, không đi dép cong hay giày “mồm nhái” như họ. Còn thì, vẫn kiểu áo lòe xòe ấy, vẫn cái quần lụng thụng đen ngòm ấy. Hoặc giả cũng có người ưa mặc quần trắng, song tiếc rằng số đó rất ít. Họ có ít không phải là họ sợ mặc quần trắng nó sạch quá, chỉ tại họ sợ cái dư luận “quáng gà” của người mình. Hễ trông thấy bóng một cô mặc quần trắng đi qua là y như có kẻ bất bình nói mát...nào là tân thời, nào là lỗi bịch...Nhưng nghĩ cho kỹ, những kẻ đó bất bình cũng phải...Vì sao các cô không dám theo họ ở bản? Vì sao các cô lại tự tiện bỏ quần đen, nó là quốc hồn quốc túy của họ? Và quần đen có bản cũng chẳng ai thấy mà lại đỡ tốn công giặt. Rõ đại vô cùng.

... Muốn để các bạn khỏi mất thì giờ vô ích, tôi xin thưa: Chính cái cổ là thừa và hai ống tay bất tiện. Cúc cổ chẳng bao giờ cài thì cái cổ để làm gì, tôi xin hỏi? Để che cổ ư? Thì nó nhỏ siu (xíu) thế kia, che thế nào đủ, vả lại áo các phụ nữ nước lạnh bên Âu Mỹ còn chẳng cần cổ, nữa lá xừ ta khí hậu rất nóng. Còn hai ống tay thì... thì các bạn cứ thử co tay lại vuốt mái tóc mà xem. Có phải nó chật quá không? ...nó khó chịu và bất tiện lắm không? Mà người không dám co tay vào, ruỗi tay ra thì mất hết vẻ tự nhiên, mềm mại, yếu điệu của trời đất phú riêng

cho các phụ nữ không? Không những thế, các kiểu áo của các bạn nó lại còn kỳ dị lắm nữa. Nếu các nhà mỹ thuật Âu Mỹ qua xứ ta, chẳng may lần đầu mà được thấy những bộ áo của các bạn, tôi dám chắc họ phải ngạc nhiên mà buột mồm kêu: “Ồ là là...” (nếu họ là người Pháp). Phải, họ lấy làm lạ là phải vì phụ nữ nhà Nam sống trong thế kỷ thứ hai mươi này mà còn giữ những bộ quần áo lồi thối, lổc thốc như thế ư?

Trời sinh ra người, vốn sẵn dành cho các hình dáng riêng, chỗ nở chỗ thắt hợp với đủ phương diện mỹ thuật chứ chẳng phải là trơn tuột như cái hộp kẹo sùi hay ống bột “nét-lê”. Bởi vậy áo mặc phải ăn với người, phải có đường lối văn minh thì vẻ đẹp ấy mới có thể lộ ra ngoài được. Sau nữa kiểu mẫu phải tùy theo từng người mà thêm bớt. Ví dụ như áo người gầy phải nhiều nếp chíp thêm và áo người mập mập phải cho lỏng thì trông mới mát vẻ khăng khiu hay xò xề. Muốn các bạn hiểu được những sự sửa sang hay thêm bớt đó thì từ kỳ sau tôi sẽ lần lượt phê bầy những kiểu mẫu tôi đã nghĩ được...”

(Nguyễn Cát Tường, Phong Hóa, số 86, thứ sáu, 23/02/1934, Hà nội)

Cái quần Cát Tường

Trên tuần báo Phong Hóa, bài “Y phục của phụ nữ” của Cát tường:

“Trong bụng vẫn đinh ninh: Thế nào kỳ này cũng quyết hiến các bạn một vài kiểu áo. Nhưng... một ý tưởng vụt qua làm tôi bàng hoàng sức nghĩ tới một thứ, một thứ mà đáng nhẽ ra phải nói ngay từ đầu, vì nó là phần đầu, phần chính, phần cốt yếu trong bộ y phục. Nó là...là...nói ra sợ chẳng ai tin, nó là cái quần. Phải, chính cái quần giảm kém(...) Vậy quần của bạn gái tôi thiết tưởng nên thay đổi theo cách sau này: Từ cạp đến đầu gối nên thu hẹp bớt để vừa khít với thân hình, như thế những vẻ đẹp thiên nhiên của từng người mới lộ ra được. Còn từ đầu gối trở xuống đến chân, hai ống quần lại phải may rộng dần ra để khi đi đứng cái dáng điệu của các bạn được tăng thêm vẻ nhẹ nhàng. Còn trên cạp thì có hai lối: lối thứ nhất (trong hai hình tròn) may mở tựa như quần tây, nhưng hai miếng hai bên phải rộng và giải hơn để có thể buộc khép vào với nhau được. Rải (dải) rút ta sẽ thay vào hai cái dải (dải) cùng thứ vải may quần dính vào hai đầu cạp rồi thắt chéo sang cạnh sườn. Nếu muốn cẩn thận hơn chút nữa, ta có thể thêm mấy cái khuy bấm ở bên cạnh mép (chỗ quần mở) cài vào với nhau. Lối thứ hai thì cũng như cạp quần thường, nhưng có một điều nên để ý là đừng may rộng quá.”

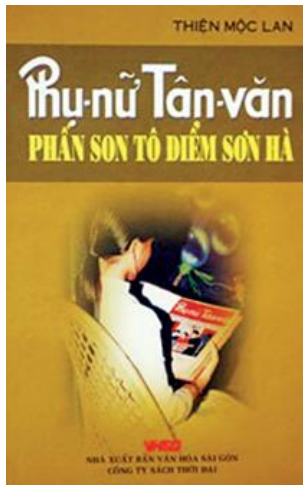
(Nguyễn Cát Tường, Phong Hóa số 89, ngày thứ sáu, 04/03/1934) .



Trong lúc ở Thủ đô ngàn năm văn hóa, những nhà trí thức Bắc hà hào hào cải tiến chiếc áo dài phụ nữ, cổ võ mặc quần trắng cho hợp vệ sinh,... không biết ở trong Nam, cái xứ Nam kỳ Lục tỉnh nhà quê này, người phụ nữ có biết mặc áo dài chưa, biết mặc quần chưa? Hay phải chờ Phong Hóa làm cải cách y phục xong để học hỏi mà may chiếc áo dài mới, chiếc quần mới? Để giải tỏa thắc mắc về vấn đề y phục phụ nữ Nam kỳ, Cổ May tìm lại vài tấm hình chụp người phụ nữ

trong tuần báo Phụ Nữ Tân Văn vào đầu thập niên 30 và một tấm hình do một người Pháp chụp vào cuối thập niên 20. Những người phụ nữ Nam kỳ ở đây, trong hình chụp vào lúc đó, đều có mặc áo dài và mặc quần tử tế nhưng chắc không giống kiểu áo quần cải tiến ở Hà nội. Áo dài có gài nút cổ mà theo nhà thời trang Lemur, thì nút cổ không cần thiết vì ở xứ nóng. Nhằm vận động cải cách thói tục xã hội hay nói bạo miệng là cách mạng phong hóa ở xứ Bắc, Tuần báo Phong Hóa số đầu tiên ra ngày 16/06/1932. Trước đó 5 năm, ở một vùng quê xứ Nam kỳ, Tỉnh Gò Công, Bà Phan thị Bạch Vân đã cho xuất bản tờ "Tinh Thần Phụ Nữ". Bà vừa làm Chủ nhiệm và Chủ bút, hô hào Nữ quyền, tôn trọng địa vị người phụ nữ từ trong gia đình ra ngoài xã hội. Tinh thần cấp tiến này quả thật đã vượt qua nếp suy nghĩ và tập quán xã hội Pháp và cả Âu châu. Phụ nữ Pháp mãi tới năm 1946 mới có quyền bầu cử, năm 1962 mới có quyền giữ tiền riêng trong ngân hàng và đi làm không cần sự đồng ý của chồng .

Chủ trương thật sự cấp tiến đã làm cho Tây lo sợ sẽ gây thành một phong trào xã hội rộng lớn có ảnh hưởng tới nền cai trị của họ nên nhà cầm quyền Gò Công bắt bỏ tù bà. Sau đó, bà đã đổi tờ báo "Tinh Thần Phụ Nữ" thành "Nữ Lưu Thư Quán".



Tiếp theo bước chơn của Bà Phan thị Bạch Vân, Bà Cao thị Khanh ở Sài gòn lập ra tờ tuần báo Phụ Nữ Tân Văn cũng đặt trọng tâm tranh đấu cho Nữ Quyền. Số đầu tiên xuất bản ngày 02/05/1929 tại Sài gòn và báo quán đặt tại đường Catinat, sau này là đường Tự Do . Bà Nguyễn thị Kiêm là một cộng tác viên nồng cốt hăng hái tranh đấu cho Nữ Quyền . Về Thi ca, bà hô hào thơ mới thay thế thơ cũ. Là phụ nữ mà lại còn can trường đứng lên tranh đấu cho Nữ quyền, cho đổi mới quá sớm, lại dám dấn chơn lên Thủ đô Văn hóa Hà nội, vùng cấm địa, nên bà liền bị những "nhà phong hóa" Bắc hà đả kích không nương tay .

Khi những nhà " Phong Hóa " vung tay

Cỏ May mời bạn đọc theo dõi vài đoạn của bài báo trên Phong Hóa công kích Bà Nguyễn thị Kiêm, bút hiệu Nguyễn thị Mạnh Mạnh, và Bà Phan thị Nga, của tuần báo Phụ Nữ Tân Văn ở Sài gòn khi hai bà ra Hà nội diễn thuyết hô hào bảo vệ Nữ quyền. Điều bà nói, khác hơn tuần báo Phong Hóa, là không ở chiếc áo dài, áo cụt hay cái váy của phụ nữ Bắc kỳ mà là điều cốt lõi của người phụ nữ. Thật vậy, nếu người phụ nữ Hà nội có mặc chiếc áo dài, cái quần cái cách của Lemur mà Nữ quyền bị chà đạp theo tập quán cũ thì người phụ nữ không có gì khác hơn những "người nộm sinh lý" (mannequins biologiques) vì phẩm cách của họ không được xã hội và giới đàn ông tôn trọng. Phải chăng vì vậy khi Bà Nguyễn thị Mạnh Mạnh lên diễn đàn hô hào tôn trọng Nữ quyền thì bà liền bị những " người phong hóa " ở Hà nội lớn tiếng đả kích không tiếc lời, có khi lời lẽ đả kích của họ trở thành thô bỉ. Đối với bà, người phụ nữ từ xa tới, một nữ đồng nghiệp của họ. Và đả kích kéo dài cả tháng trời liên tiếp trên nhiều số tuần báo Phong Hóa . Thật rùng rợn ! Mặt trận chống Bà Nguyễn thị Mạnh Mạnh bắt đầu vào cuối tháng 8/1934, khi phái đoàn của tuần báo Phụ Nữ Tân Văn từ Sài gòn ra thăm viếng Hà nội. Phái đoàn gồm có Ông Nguyễn Đức Nhuận, chồng Bà Cao thị Khanh, Chủ nhiệm Phụ Nữ Tân Văn, Ông Nguyễn Đình Trị, thân phụ Bà Nguyễn thị Kiêm, Bà Nguyễn thị Kiêm, bút hiệu Nguyễn thị Mạnh Mạnh, Bà Phan thị Nga. Họ đi bằng xe hơi nhà do Ông Nguyễn Đức Nhuận lái. Bà Nguyễn thị Mạnh Mạnh đảm nhận phần diễn thuyết.

Bà đậu bằng Thành Chung (Diplôme d'Etudes Primaires Supérieures Indochinoises = DEPSI, sau này là Trung Học Đệ I Cấp) năm 19 tuổi ở Trường Áo Tím, tức Collège de Jeunes Filles, sau này là Trường Gia Long. Chương trình diễn thuyết của Bà Nguyễn thị Kiêm như sau (Thiên Mộc Lan, Phụ Nữ Tân Văn, Văn Hóa Sài gòn, 2010) : "... Tại Hà nội, cô Kiêm diễn

thuyết ở Hội Khai Trí Tiến Đức đêm 8 tháng 9 năm 1934 với chủ đề « Một ngày của một người đàn bà tân tiến » (...) Tiếp theo, Nguyễn Thị Mạnh Manh đến tỉnh Nam Định diễn thuyết đề tài "Có nên tự do kết hôn chăng?". Và cô đến Hải Phòng thuyết trình chủ đề "Nên bỏ chế độ đa thê không?" Từ cô nữ sinh trường áo tím, Nguyễn Thị Kiêm bước vô làng báo chí mới 19 tuổi. Có thể nói cô là hình tượng đặc biệt của phụ nữ Sài Gòn hồi thập niên 30. Nhất quyết đòi "Niêm phong cái tam tòng".

Nhóm Phong Hóa ra tay ngay. Nhất Linh công kích Bà Nguyễn thị Kiêm, tức Nguyễn thị Mạnh Manh, bằng những lời lẽ điều cợt, châm biếm thay vì phê phán, đánh giá bài diễn thuyết của bà ấy. Trái lại, hai ông Thế Lữ và Tú Mỡ không tiếc lời mạt sát. Để hạ đối thủ đúng theo ý, họ còn bịa đặt chuyện không có thật để đả kích :

“Cô Nguyễn Thị Kiêm diễn thuyết ở Hanoi, ở Namdinh xuống Haiphong diễn thuyết lần thứ ba. Lần này cô nói về chế độ đa thê (...) Nhưng còn cái tệ đa ngôn? Ngẫm nghĩ mãi tôi mới hiểu vì có gì bọn đàn ông biểu đồng tình với cô mà muốn bỏ chế độ đa thê: đàn ông ai mà chẳng có lần lầm lỡ. Về nhà một bà diễn thuyết cho nghe cũng đủ khổ, huống chi lại ba bốn bà, ba bốn lần diễn thuyết (...). Cô Kiêm muốn ngỏ ý lên Pac-hin-Buon để diễn thuyết cho dân mán sơn đầu nghe và khuyên họ nên để tóc. Được tin này, dân mán sơn đầu hoảng hốt, sợ hãi vô cùng, sợ hãi đến nỗi có một đêm mà đâu người nào cũng mọc đầy tóc cả để cô Kiêm đừng lên nữa.” (Nhất Linh, “Tin tứcmình”, Phong Hóa 124, 16. 11. 1934, trang 2).

Và *“Theo lời bà Nguyễn Đức Nhuận tuyên bố thì quốc dân đương lo sợ vì nỗi cô Kiêm lại đi đường xa, đi ra “tận” Hà nội (theo đúng lời bà N.Đ.Nhuận). Quốc dân lo sợ thật, nhưng không lo sợ vì cô Kiêm là gái đi đường xa, mà chính vì cô Kiêm là gái...đa ngôn.”* (Shin, “T.S...G-Tin Saigon”, Phong Hóa số 124, trang 8, ngày 16. 11. 1934)

Hoàng Đạo, dưới bút hiệu Tứ Ly, công kích Bà Nguyễn thị Mạnh Manh bằng cách miệt thị giới phụ nữ với những lời lẽ không thể chấp nhận được một cách bình thường như "... đợi người đến mua về làm vợ":

“Mới biết là gian phòng đấu xảo của phụ nữ. Đàn bà con gái, ở xã hội Việt Nam, hạp, thôi đủ mặt: gầy có, béo có, già có, trẻ có, nhàng nhàng có, nhờ nhờ có. Họ chia ra làm hai phái, không khác gì Nghị viện Dân biểu Bắc Kỳ cả: phái tả và phái hữu. Phái hữu là phái cổ. Nón quai thao, dép cong...phần đông đương ngồi kể truyện nói xấu nhau...đợi người đến mua về làm vợ. Bên phái tả có các cô tân thời, ăn vận xa hoa lòe loẹt, trông xa như đàn bướm lượn. Lại gần có tiếng ồn ào: hóa ra họ diễn thuyết. Máy cô... đương hô hào bình quyền, giải phóng, phá đạo tam tòng, giải nghĩa tự do. Diễn thuyết đoạn, các cô tân thời vỗ tay như pháo nổ, rồi...im lặng (...). Còn về phần đông lại ngồi kể truyện nói xấu nhau... đợi người đến mua về làm vợ. Thật là tiến bộ trông thấy.”

(Tứ Ly, “Cuộc Hội chợ Phong Hóa tổ chức”, Phong Hóa số 126, trang 5, ngày 30.11.1934) .

Thạch Lam giữ thái độ khá ôn hòa khi phản ứng về bài diễn thuyết của Bà Phan thị Nga nói về "Thê tục phụ nữ". Theo ông, thê tục thì có thể phổ biến được, chứ thể thao vì tốn kém nên chưa có thể thực hiện được trong đông đảo phụ nữ mà chỉ dành riêng cho giới thượng lưu. Có lẽ cái hạn chế đó có ở ngoài Bắc. Ở trong Nam, vào lúc đó, năm 1932, Cụ Phan Khắc Sửu đã thành lập một Đội đá banh phụ nữ "Đoàn đá banh Cái Vồn". Chi phí không phải quá cao để không làm được. Cầu thủ có cả những phụ nữ bình dân. Đội banh phụ nữ lắm nhiều trận, với nhiều đội cầu thủ đàn ông. Hiện tượng này xảy ra ở Nam kỳ không ai lấy làm lạ lắm, chắc chắn các ông trong Phong Hóa không bao giờ có thể nghĩ tới. Vì quá xa lạ hay vì thiếu thiện chí? Nên hiểu đây là một thực tế xã hội Việt nam. Thực tế này vẫn còn kéo dài.

Thế Lữ và Tú Mỡ vẫn là hai người hằn học đối với Bà Nguyễn thị Mạnh Manh . Họ bịa đặt chuyện Bà Nguyễn thị Mạnh Manh viết thư gọi cho họ để có cơ họ trả lời bằng những lời lẽ vừa hỗn láo; vừa thô bỉ như cho rằng bà nói về Nữ quyền là "nói mê, nói sảng" và có liên hệ với "mán mường":

“...Nhưng cô thì cô có bệnh nặng lắm. Đàn bà lắm lời. Cô, cô lắm lời gấp ba. Đó là một bệnh. Cô còn bệnh nữa là bệnh sốt rét. Tôi cứ nghe lời nói của cô cũng biết thế. Cô nói rằng ở đâu cũng hoan nghênh bài diễn thuyết của cô, và cô có tài diễn thuyết. Người sốt rét nặng không nói mê, nói sảng là gì ? CĂN BỆNH: Nếu còn ở trung châu thì đó là bệnh...mán chài. Chắc dân mán Lô-lô tìm cách chài vắng mặt cô để cô đình việc bàn về chế độ đa thê với họ. CÁCH CHỮA: Sốt rét rừng hay bệnh chài ở người khác thì khó chữa vô cùng. Nhưng ở cô thì dễ chữa vô cùng: cô kiêng khem sự diễn thuyết và chịu khó ngậm hạt thị độ một vài tháng.”
(Dr. de Lêta, “Hỏi Bệnh”, Phong Hóa số 129, trang 7, ngày 21, tháng chạp, 1934)

Đánh Bà Nguyễn thị Mạnh Mạnh không phải chỉ lẻ tẻ vài người, mà cả nhóm Phong Hoá cùng nhào vô. Họ đánh hội đồng nhằm vào một nạn nhân phụ nữ Nam kỳ. Họ không thấy xấu hổ khi đặt chuyện để tấn công đối tượng của họ :

"Bắc kỳ- được tin cô Nguyễn Thị Kiêm mất tích. Dân thượng du mừng, dân báo giới ngạc nhiên. Mừng Kheo-Cô Nguyễn Thị Kiêm đã đến đây. Mừng kheo-Tin này không đúng. Nghe đâu hiện nay cô ở Bản Yóc. Bản Yóc-Cô Kiêm không ở Bản Yóc. Cô đã đến Lô-Hmông. Lô-Hmông-Không hề gì. Dân Lô-Hmông vẫn được vô sự. Cô mới đi đến Lô Trồng. Lô Trồng-Chúng tôi phỏng bị đã lâu không xảy ra tai nạn chi hết. Bắc kỳ (tin các nơi) Cô Kiêm đâu? Cô Kiêm đâu? Cô Kiêm đâu?..." (Phong hóa số 129, trang 5) .

Sự hung hăng của nhóm đàn ông Phong Hoá tấn công Bà Nguyễn thị Kiêm và Phan thị Nga, nhứt là Bà Nguyễn thị Kiêm nói về Nữ quyền, thật khó hiểu ở người bình thường. Họ xử dụng những lời lẽ từ châm biếm, diễu cợt ác ý tới hỗn láo, thô bỉ. Chỉ chưa xoi tái người phụ nữ Nam kỳ mà thôi. Thật vậy, Cổ May xin mời bạn đọc suy nghĩ khi biết những "người phong hóa", trên bìa báo Phong Hoá số 124, ghi chú bức biếm họa bằng những lời "đồ đều" (nói theo ngôn ngữ ngày nay ở VN): "Cô Nguyễn thị Kiêm vượt bể ra Bắc đọc đít cua, đít càng". Tựa bài diễn thuyết của Bà Nguyễn thị Kiêm là "Một ngày của người đàn bà tân tiến" bị nhóm Phong Hóa đổi ra để mạ lị thành "Một ngày, một đêm của phụ nữ tân thời". Phải nói cách đánh Bà Nguyễn thị Mạnh Mạnh của nhóm Phong Hóa là cách đánh dưới thất lưng, thường bị cấm xử dụng trên võ đài.

Nguyễn thị Mạnh Mạnh, một hiện tượng nhân xả đặc sệt Nam kỳ

Đúng vậy. Chỉ có đất Nam kỳ mới sanh sản ra những người như Nguyễn thị Mạnh Mạnh. Không nói họ là những người tài giỏi. Họ chỉ là những người dám nói thẳng điều họ nghĩ và dám làm thật lòng điều họ muốn. Đó chính là cái nét đặc biệt của văn hóa Nam kỳ. Trong cái xã hội kém mở mang và bị trị như xã hội Việt nam vào đầu thập niên 30 của thế kỷ XX, một phụ nữ 19 tuổi, vừa học xong trung học, dám chọn nghề làm báo để dùng ngòi bút tranh đấu cho công bằng xã hội, hô hào làm thơ tự do thay thế thể thơ cũ, đăng đàn diễn thuyết từ Sài gòn ra tới Hà nội đòi hỏi Nữ quyền quả thật là một điều mới mẻ. Bà không lớn tiếng đả phá cái cũ bằng những lời lẽ quá nặng nề, chỉ vạch ra cái xấu, cái hư hỏng của thói tục cũ và nêu lên cái hay, cái giá trị của cái mới để kêu gọi mọi người hưởng ứng góp sức cùng cải tiến đời sống xã hội. Và những điều này, tuần báo Phụ Nữ Tân Văn đã làm: Hội Dục Anh, Đồng Xu Học sanh, Câu Lạc Bộ Nữ Lưu, Hội Chợ Triển Lãm Gia chánh phụ nữ, ... Buổi diễn thuyết đầu tiên của Bà Nguyễn thị Kiêm hay Nguyễn thị Mạnh Mạnh được tổ chức tại Hội Khuyến Học Sài gòn vào tối ngày 26/07/1933 đã gây sôi nổi trong giới trung lưu Sài gòn. Bác sĩ Trần văn Đôn, Hội trưởng Hội Khuyến Học, phát biểu về bà: "Lịch sử Hội Khuyến Học hai mươi lăm năm trời, nay mới có nữ sĩ đăng đàn diễn thuyết". Chủ trương của tuần báo Phụ Nữ Tân Văn số đầu tiên ngày 02/05/1929 viết: "Ngày hôm nay, Phụ Nữ Tân Văn ra đời, là non sông thêm một tay thợ diêm tô, xã hội thêm một người lo công việc, trên trường văn trận bút thêm một đội binh đàn bà, mà trong bạn buồng khuê cửa các chúng ta, cũng có một cơ quan để cùng nhau phấn đấu với đời đây !

Tình thế phụ nữ ở trong nước ta ngày nay quyết không phải như là hồi trước, lấy khuê môn làm cửa ngục cho đàn bà, mà việc gánh vác non sông không phải là phần việc con gái. Cuộc đời ngày một thấy khó khăn, mỗi việc bắt người ta phải dùng đến sức mạnh hay óc khôn thì mới có cơ sanh hoạt. Chị em ta cũng vậy, không có thể nào cứ giữ mãi những tục cũ thói quen và cái tánh phong lưu ỷ lại nữa . . ." (Thiện Mộc Lan, sđd) .

Tuần báo Phụ Nữ Tân Văn với chủ trương văn hóa xã hội ôn hòa như trên đây và cá nhân Bà Nguyễn thị Kiêm chắc chắn không có hiềm khích gì với nhóm Phong Hóa, trái lại có thể nói cả hai tuần báo cùng có hướng nhắm chung về cải cách xã hội. Vậy mà sau ba lần diễn thuyết ở Hà nội, Hải phòng, Bà Nguyễn thị Kiêm bỗng trở thành mục tiêu cho những đả kích hung hãn đầy ác ý của nhóm Phong Hóa. Vì một phụ nữ nhà quê xứ Nam kỳ dám héo lánh ra đất Thăng Long ngàn năm văn vật mà đặng đàn nói những chuyện lẽ ra phải do các ông Phong Hóa nói? Diễn đàn Hà nội là nơi bất khả xâm phạm của riêng các ông Phong Hóa? Nếu không phải vì những lý do kia mà chỉ vì khi dễ bà Nguyễn thị Kiêm dốt nát thì nhóm Phong Hóa không thể có thái độ hung hãn như vậy. Thái độ tức giận khác với sự khi dễ.

Chiếc áo dài Lemur từng bước thay thế chiếc áo dài cũ miền Bắc. Những người Phong Hóa một thời thóa mạ phụ nữ Nam kỳ Nguyễn thị Manh Manh, người bị bêu rếu vì tánh đố kỵ hẹp hòi, tất cả ngày nay đều không còn nữa. Bà Nguyễn thị Manh Manh, năm 1950, vì hoàn cảnh gia đình, rời Sài gòn, qua Paris sống thâm lặng cho tới khi qua đời tại đây vào năm 2005.

Trước khi nhà thời trang Lemur đưa ra dự án cải tiến chiếc áo dài cũ ở Miền Bắc, phụ nữ miền Nam đã mặc áo dài bình thường và cái áo dài này hãy còn lưu hành ngày nay, cũng trải qua vài thêm thắt ở tay, ở cổ, ở eo... Chiếc áo dài ở miền Nam chắc chắn không do nhà thời trang Cát Tường vẽ kiểu. Theo nhà sử học người Tàu, Bà Li Tana, trong quyển "Xứ Đàng Trong" (Trẻ, Sài gòn, 1999), Luận án Tiến sĩ của bà, thì chiếc áo dài miền Nam có thể có nguồn gốc từ chiếc áo của phụ nữ Chàm (Champa). Bà nói cứ lấy chiếc áo của phụ nữ Chàm, thêm vào cái cổ, có ngay chiếc áo dài Việt nam .

Nhưng còn hiện tượng Nguyễn thị Manh Manh? Bà là người con của xứ Nam kỳ. Chỉ có xứ Nam kỳ mới sản sanh ra những con người hiên ngang, sôi nổi như vậy. Không phải muốn là được nếu không được hấp thụ cái văn hóa Đàng Trong. Đàng Ngoài, Đàng Trong là một thực tế lịch sử của đất nước. Miền Nam là xứ mộ Đạo Phật hơn Khổng giáo vì phần lớn dân chúng không biết chữ Nho. Không theo Khổng giáo thì không bị kẹt vào sự gò bó chật hẹp cứng nhắc. Nhứt là của thứ Nho quan lại.

Theo Bà Li Tana, "vào thế kỷ XVI, XVII, với người Việt nam, miền Nam và ý tưởng về miền Nam là một cái gì đó có ý nghĩa quan trọng nhiều hơn là nơi cư ngụ, lập nghiệp".

Nam tiến không gì khác hơn là một cuộc chiếm cứ một địa phương một cách bất hợp pháp, tức không phải tôn trọng một qui luật nào cả, điều này cho Chúa Nguyễn ý niệm về tự do. Từ đây, nề nếp Nho giáo không đủ sức bám sát theo khối di dân mà phải rơi rớt ở lại Miền Bắc. Cùng lúc đó, việc tiếp xúc với những sắc dân địa phương giúp cho người Việt nam vừa định cư tiếp thu nhiều nền văn hóa khác nhau hòa nhập vào nền văn hóa bản gốc của mình để trở thành một nền văn hóa tinh rỗng miền Nam, phóng khoáng, chơn chất, rũ bỏ những câu nệ cũ ở miền Bắc. Ở một chỗ khác, Bà Li Tana viết tiếp : "...Sự khác biệt về tín ngưỡng tôn giáo ngày càng gia tăng giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài sau hai thế kỷ chia cắt. Với dân trong Nam, nhiều giá trị cổ từ miền Bắc đã mất đi ý nghĩa của chúng. Đạo Phật từ nhiều thế kỷ bị các nhà Nho chỉ trích, lại trở thành tôn giáo chánh của nhà cầm quyền và cả dân chúng trong Nam " .

Có người đã không ngần ngại nói rằng Miền nam là mảnh đất dành cho những ai không có quyền sanh sống trên mảnh đất tổ tiên có thể tới đó lập nghiệp. Từ đây, những làng mới ở Miền nam ra đời do lớp di dân nghèo nàn, dốt nát thành lập. Những nề nếp văn hóa cũ từ đó bị thất truyền. Họ không bị ràng buộc bởi trật tự của xã hội cũ hẹp hòi. Quyết tâm của họ là tìm cách thành đạt, xây dựng sự nghiệp gia đình. Hoàn cảnh như vậy khiến con người nhanh chóng trở thành cởi mở, và tự tin hơn tuy họ vẫn là những người từ Đàng Ngoài vào đây.

Văn hóa Nam kỳ kết tinh từ lịch sử Nam tiến, khai hoang lập ấp. Thừa hưởng nếp văn hóa này, dân Nam kỳ qua nhiều thế hệ vẫn giữ điều nghệ sống "Bà con xa không bằng láng giềng gần". Khi Bà con xa cần chạy vào Nam lánh nạn, dân Nam kỳ luôn luôn mở rộng vòng tay đón tiếp. Không nhắc lại cuộc di cư năm 1954 vì đó là quốc nạn, chỉ nhắc lại những trường hợp các ông lớn Bắc kỳ bỏ Hà nội vào Nam lánh nạn trong vùng Cao Đài, vùng Phật Giáo Hòa Hảo... Họ đã được dân Nam kỳ đối xử như thế nào nếu không phải là ruột thịt mà nhờ đó họ được yên thân, Tây không truy lùng, Việt minh bắt lực tìm kiếm ?

Vì vậy Cỏ May nghĩ và cả tin nếu vào đầu thập niên 30, những nhà Phong Hóa lớn Hà nội vào xứ Nam kỳ diễn thuyết, bán báo Phong Hóa, chắc chắn đã không có ai bị xỉ vả, bêu xấu, bôi bẩn như Bà Nguyễn thị Kiêm. Trái lại, các ông còn được dân Nam kỳ ân cần đón tiếp nữa là khác. Khởi tốn tiền khách sạn và phở.

Nhưng chuyện Phong Hóa và Bà Nguyễn thị Mạnh Mạnh đã xảy ra là điều đáng tiếc. Để tránh thảm nạn này cho ngày mai, Việt nam khi không còn cộng sản phải đổi theo chế độ Liên Bang để thống nhất đất nước trong sự tôn trọng sự dị biệt do lịch sử để lại . Không lỗi ở ai cả .

Điều này phải làm ngay khi đất nước thay đổi vì ngày nay hãy còn hiện tượng "nam tiến", Đào Thỏ Châu ở trong Vịnh Thái lan, sát hải phận quốc tế, được đổi tên thành Đảo Thỏ Chu. Và ở Tỉnh Rạch giá không có một người Nam kỳ có khả năng quản lý một địa phương của mình hay sao mà phải đưa một anh Bắc kỳ tới làm Huyện ủy lãnh đạo dân Nam kỳ tận vùng biển? Còn Tân Sơn Nhứt đã có từ trước nay tại sao phải đổi lại thành Tân Sơn Nhất?

Những người đổi lại *Châu* thành *Chu*, *Nhứt* thành *Nhất* có thấy xúc phạm tổ tiên không?

Phụ chương A :

Nguyễn Thị Mạnh Mạnh

(sưu tập của người biên soạn theo Wikipedia)



Ảnh chụp năm 1933, 19 tuổi

Nguyễn Thị Mạnh Mạnh (1914-2005) là một nữ sĩ Việt Nam thời tiền chiến. Theo tài liệu thì bà chính là người phụ nữ đầu tiên đã đăng thơ, viết bài, lại đăng đàn diễn thuyết hô hào cho phong trào thơ mới tại Việt Nam:

Thân thế và sự nghiệp

Nữ sĩ tên thật là Nguyễn Thị Kiêm, sinh ngày 3 tháng 1 năm 1914 tại Sài Gòn, nhưng quê quán của bà ở Gò Công (nay thuộc Tiền Giang)^[2]. Bà là con gái thứ của Tri huyện Nguyễn Đình Trị, tục danh Huyện Trị, cũng là một cây bút trong làng báo lúc bấy giờ.

Thuở nhỏ bà học ở trường Áo Tím, tức trường nữ Gia Long (Sài Gòn). Sau khi tốt nghiệp bằng Thành chung, bà gia nhập làng báo Sài Gòn. Với bút hiệu Nguyễn Thị Manh Manh, có khi ký tắt là Manh Manh, bà thường xuyên cộng tác với tờ *Phụ nữ tân văn* ở Sài Gòn, và lần lượt viết cho các tờ báo khác như: *Công luận*, *Nữ lưu*, *Việt Nam*, *Tuần Lễ nay*...

Đầu năm 1932, nhà văn Phan Khôi đề xướng Phong trào Thơ mới. Hưởng ứng, nữ sĩ Manh Manh liền gửi thơ mới của mình để đăng trên tờ *Phụ nữ tân văn*^[6]. Sau đó, nữ sĩ còn đăng đàn diễn thuyết cổ vũ cho phong trào này. GS.Phan Cự Đệ kể:

"Cuộc tấn công của "thơ mới" vào "thơ cũ" ngày càng quyết liệt. Tối ngày 26 tháng 7 năm 1933, Nguyễn Thị Kiêm (tức nữ sĩ Manh Manh, khi ấy mới 19 tuổi) diễn thuyết tại Hội Khuyến học Sài Gòn về "Lối thơ mới". Hội này thành lập đã 25 năm mới có một buổi phụ nữ lên diễn đàn, mà cũng là buổi đông thính giả nhất. Hơn hai năm sau (tháng 11 năm 1935), Nguyễn Thị Kiêm lại diễn thuyết một lần nữa tại Hội Khuyến học Sài Gòn. Lần này, bà và ông Nguyễn Văn Hạnh cùng diễn thuyết tranh luận về "thơ mới"..."

Không chỉ bảo vệ thơ mới, nữ sĩ Manh Manh còn là một người đòi giải phóng phụ nữ, bình quyền với nam giới. Phan Văn Hoàng viết:

"Chị đã kích các tập tục hủ bại như trọng nam khinh nữ, tảo hôn, đa thê..., bênh vực những quyền lợi chính đáng của nữ giới. Trong năm 1934, chị đã đi tới 4 thành phố (Huế, Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng) để diễn thuyết các đề tài: "Dư luận nam giới đối với phụ nữ tiên tiến", "Một ngày của một người đàn bà tiên tiến", "Có nên tự do kết hôn chăng?", "Nên bỏ chế độ đa thê không"? Ý tưởng của chị trong các buổi diễn thuyết đó đã tạo ra trong xã hội hai luồng dư luận trái chiều (tán thành và phản đối) phản ảnh qua báo chí trong Nam ngoài Bắc..."

Năm 1936, nữ sĩ Manh Manh tham gia phong trào Đông Dương đại hội. Tuy mới 22 tuổi, nhưng nữ sĩ là một trong hai phụ nữ được cử vào Ủy ban lâm thời tổ chức Đông Dương đại hội tại Sài Gòn, bên cạnh các nhân vật nổi tiếng thời đó như Nguyễn An Ninh, Trịnh Đình Thảo, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm..

Ngày mùng 1 tháng Mười năm Bính Tý (tức 11 tháng 11 năm 1937), nữ sĩ thành hôn với ông Trương Văn Em, người Hà Tiên, một nhà giáo dạy Việt văn ở trường Trung học Huỳnh Khương Ninh, Sài Gòn, đồng thời cũng là một nhà báo với bút hiệu *Lư Khê*.

Nhà nghiên cứu Trương Minh Đạt (em út Lư Khê, gọi nữ sĩ Manh Manh là chị dâu) kể:

"Chị (Manh Manh) cư xử với nhà chồng rất tốt, được bên chồng yêu quý. Chị là thứ nữ của ông Huyện Trị, còn anh Lư Khê là con nhà nghèo ở Rạch Vược (Hà Tiên)...Song, chị không hợm mình, lúc nào chị cũng quý trọng người nghèo rất thật tình, không màu mè, không phân biệt giai cấp. Chị thường viết báo hoặc diễn thuyết bênh vực dân nghèo...Khi sinh bé Mi Nu, chị Kiêm bị sự cố không may, mất khả năng sinh sản. Năm sau, bé Mi Nu (bị liệt từ lúc mới sinh) qua đời...chị Kiêm vô cùng buồn, chị thỏa thuận cho anh có người khác...Đầu năm 1945, trước ngày Nhật đảo chính Pháp, anh Lư Khê có người vợ thứ hai...Khoảng đầu năm 1950, chị Manh Manh đi Pháp. Bên ấy chị được tin anh Lư Khê qua đời. Anh bị ám sát ngày 3 tháng 7 năm 1950. Thời kỳ này ở Sài Gòn rất nhiều nhưong".."

Sau thời gian dài "bật vô âm tín", nữ sĩ Manh Manh qua đời trong một nhà dưỡng lão ở Paris vào ngày 26 tháng 1 năm 2005, thọ 91 tuổi.

Tác phẩm

Nữ sĩ Manh Manh làm thơ rất ít, và chưa in tập thơ nào. Trong bộ sách *Việt Nam thi nhân tiền chiến* (tập 2, ấn bản kỷ nhĩ, 1968) xuất bản tại Sài Gòn, đã giới thiệu 4 bài thơ mới và một bài diễn thuyết của bà:

-Viếng phòng vắng, đăng báo *Phụ nữ tân văn* số Xuân, ra ngày 19 tháng 1 năm 1933.

- Canh Tàn, trích trong bài diễn thuyết về Thơ mới tại Hội Khuyến học Sài Gòn ngày 26 tháng 7 năm 1933.
- Hai cô thiếu nữ, đăng báo *Phụ nữ tân văn*, 1933.
- Bức thư gửi cho tất cả ai ưa hay là ghét lối thơ mới, đăng báo *Phụ nữ tân văn* số 228, ra ngày 14 tháng 12 năm 1933.
- Vấn đề Nữ lưu và Văn học. Đây là bài diễn thuyết, sau đăng báo *Phụ nữ tân văn* số 131, ra ngày 26 tháng 5 năm 1932.

Đóng góp cho văn học Việt

Sự cổ vũ nồng nhiệt của nữ sĩ Manh Manh về "thơ mới", đã được Hoài Thanh-Hoài Chân kể lại trong cuốn *Thi nhân Việt Nam* (xuất bản năm 1941), như sau:

"Từ hai tháng trước, hôm 26 juillet (tháng 7) 1933, một nữ sĩ có tài và có gan, cô Nguyễn Thị Kiêm, đã lên diễn đàn Hội Khuyến học Sài Gòn thành lập đến bấy giờ đã 25 năm. Lần thứ nhất một bạn gái lên diễn đàn và cũng là lần thứ nhất có một cuộc diễn thuyết được đông người nghe như thế"...^[11]

Ghi nhận công lao của nữ sĩ, trong *Việt Nam thi nhân tiền chiến* (quyển thượng) có đoạn:

"Trong hồi dậy men của nền thơ mới, nữ sĩ Manh Manh là người đàn bà đầu tiên đáp ứng tiếng gọi đàn của nhà tiên phong Phan Khôi... Chúng ta ngày nay nhìn lại việc qua, giữa cái cũ kỹ từ nghìn đời sùng sững như cổ thành kiên cố; thế mà, bỗng chốc, một Phan Khôi táo bạo nổ phát súng cách mạng thi ca; người nữ chiến sĩ tiên phong anh dũng và hăng say hoạt động để bảo vệ và củng cố nền tảng thơ mới bén rễ và sống mạnh, ta phải kể Nguyễn Thị Manh Manh, một tay đã đóng góp công lao không nhỏ cho nền văn học đất nước

Giới thiệu một bài thơ mới của nữ sĩ

Trong cuộc diễn thuyết vào đêm 26 tháng 7 năm 1933 tại Hội Khuyến học Sài Gòn, nữ sĩ Manh Manh có "trưng ra làm điển hình"^[13] một bài thơ mới của mình như sau:

Canh tàn
 Em ơi, nghe lóng nghe
 Gió đêm thoáng qua cửa...
 Lụn tàn một góc lửa,
 Lạnh ngắt chốn buồng the.
 Gió đêm thoáng qua cửa...
 Nào dạ để tỉ te
 Lạnh ngắt chốn buồng the...
 Em ơi, khêu chút lửa
 Nào dạ để tỉ te
 Gió ru! "...thiết chi nữa..."
 Em ơi, khêu chút lửa
 Rồi lại ngồi đây nghe.
 Gió ru: "...thiết chi nữa..."
 Sụt sùi mấy cành tre
 Em ngồi đây có nghe
 Tơ lòng chị đứt nữa.

Đọc lại tuần báo Phụ nữ Tân Văn

Vụ án đường Barbier ở Tân Định

Can phạm : Tôn Đức Thắng và Phạm văn Đồng

Ngày 8 tháng 12 năm 1928, tại số 5, đường Barbier, Tân Định, Quận 1, Sài Gòn đã xảy ra một vụ án mạng gây xôn xao dư luận khắp Nam kỳ trong nhiều năm dài. Theo sự giải thích của nhà cầm quyền Pháp và báo chí lúc bấy giờ thì đó là một vụ thanh toán nội bộ của một nhóm người trong hội kín làm cách mạng.

Báo chí mất nhiều ngày giờ tường thuật vụ án mạng nên về sau chỉ cần viết ngắn gọn mà ai cũng hiểu "Vụ án đường Barbier".

Điều lạ là vụ án mạng với một người chết mà gây sôi nổi dư luận khắp xứ Nam kỳ và kéo dài suốt nhiều năm. Vì tính tàn bạo của án mạng hay vì có nhiều người trong hội kín "Thanh Niên Cách mạng Đồng chí hội" liên can?

Ông Nguyễn Văn Nguyễn, thành viên của Thanh Niên Cách mạng Đồng chí hội và đảng viên Cộng sản Đông dương, có liên can tới vụ án, bị Tòa án xử phạt 3 năm tù treo. Năm 1939, ông kể lại vụ án mạng này trong một quyển sách tựa là "Án mạng đường Barbier".

Vụ án mạng mở đường vào Trung Ương đảng

Đường Barbier, sau 1955, đổi lại tên Việt nam là đường Lý Trần Quán. Đó là một con đường nhỏ, hai bên là hai dãy phố ngói trệt, nằm gần chợ Tân định.

Tuần báo Phụ nữ Tân văn theo dõi nội vụ từ khi vụ án mạng xảy ra ngày 8 tháng 12 năm 1928 cho tới khi Tòa tuyên án kết thúc vụ án mạng tháng 6 năm 1930.



Mời bạn đọc lại một bản tin ngắn đăng trên Tuần báo Phụ nữ Tân văn số 14, xuất bản ngày 1 tháng 8 năm 1929 tại Sài Gòn, để thử so sánh với một bản tin ngắn của báo chí ngày nay. Tuy viết cách đây hơn 80 năm mà lời văn ngày nay, đọc lại, chúng ta hiểu được trọn vẹn và dễ dàng :

"Đào Xuân Mai là người bị tình nghi trong vụ ám sát ở đường Barbier ngày nọ, nằm trong khám lớn (Khám có lẽ tới 10 tháng nay mà chưa thấy Tòa xét hỏi gì tới, thì mấy bữa trước nhin đói không ăn uống gì hết. Cứ theo tin các báo Tây ở đây thì quan Bồi thẩm hết sức dụ dỗ tra hỏi mà Đào Xuân Mai không nói gì cả, chỉ một mực nói rằng mình không có dính dấp tới việc đó". Nhưng thực chất vụ giết người này là gì mà có tầm ảnh hưởng lớn như vậy ?

Trong đêm mùng 8 rạng ngày 9 tháng 12 năm 1929 xảy ra một vụ giết người quá tàn bạo và dã man tại căn nhà số 5 đường Barbier mà hung thủ là những người trong Phân bộ Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội ở Nam kỳ. Nạn nhân là Lê Văn Phát, bí danh là Mỹ Lang, bị đồng chí kết án tử hình vì tội phản bội theo điều lệ của đảng "Lê Văn Phát ve vãn người chị em của chúng ta là Thị Nhứt". Đó là tội phản bội. Và tội phản bội, theo điều lệ đảng, được các đồng chí của Phát giải thích : "Phát không gạt bỏ tình riêng để toàn tâm, toàn ý phục vụ cách mạng". Ba đồng chí trẻ tuổi hơn hết trong tổ chức của Phát (23, 24 và 26 tuổi) thì hành bản án đã được Tòa án Cách mạng phán quyết. Tôn Đức Thắng, 40 tuổi, chủ trì Tòa án vì ông là Chủ tịch Kỳ bộ Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội. Tôn Đức Thắng, năm 1969 kế nghiệp Hồ Chí Minh làm Chủ tịch nước, liên can vụ án mạng bị 20 năm tù khổ sai. Can phạm kế là Phạm Văn Đồng, sau này làm Thủ tướng ở Hà Nội suốt 30 năm, lãnh 10 năm cấm cố vì tội "đồng ý bản án tử hình". Còn những người khác trong đó có những tên quen thuộc vì sau này hoặc làm Ủy viên TW đảng cộng sản Hà Nội và nhân viên Chánh phủ hoặc lãnh đạo kháng chiến năm 1945 như Trần Huy Liệu, Nguyễn Duy Trinh, Nguyễn Bình, Nguyễn Văn Nguyễn... Riêng 4 tên ra tay giết Lê Văn Phát là Trần Trương, Ngô Thiêm, Nguyễn Văn Thịnh và Cô Nguyễn Trung Nguyệt. Chỉ có Trần Trương, Ngô Thiêm và Nguyễn Văn Thịnh bị án tử hình về tội giết Lê Văn Phát.

Những tội nhơn khác, sau khi lãnh án tù, bị đưa ra Côn Đảo. Cô Nguyễn Trung Nguyệt bị giam ở Chí Hòa vì nữ tù nhơn được miễn bị đày ra Côn Đảo.

Sau này, Phạm văn Đồng, một hôm nhơn nhắc lại những ngày tù tội dưới chế độ thực dân Pháp, có nói "Nếu tụi Pháp mà đối xử với anh em cách mạng như chế độ tù tội của ta thì chúng ta chắc chẳng còn mấy người được sống sót mà đưa cách mạng tới thành công ngày nay". Lê văn Phát bị các đồng chí hành quyết, thi thể còn bị đốt, cắt, phá hủy để không thể nhận diện được, đem bỏ ra sau nhà số 5 đường Barbier.

Bản án thi hành xong, Ngô Thiêm đi qua Quảng Châu đem theo đầy đủ biên bản và phán quyết của Tòa án Cách mạng để báo cáo với Tổng bộ Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội . Sau vụ án giết Lê văn Phát, Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội ở Nam kỳ bị Tây phá vỡ nên phải dẹp bỏ luôn . Đảng cộng sản Đông dương ra đời.

Ngay từ thời tiền thân của đảng cộng sản, những người sau đó trở thành cộng sản, đều lập thành tích bằng giết người, khủng bố để nhờ đó mà vào Trung ương đảng bằng cửa chánh.

Vài nét về Tuần báo Phụ nữ Tân văn



Phụ nữ Tân văn là Tuần báo do Ông Nguyễn Đức Nhuận làm Chủ nhiệm, đặt trụ sở tại số 42, đường Catinat, sau năm 1955, đổi qua tên Việt nam là đường Tự Do . Địa điểm này là cửa hàng bán tơ lụa của Ông Bà Nguyễn Đức Nhuận . Tòa báo đặt trên lầu . Qua năm sau, năm 1930, Tòa báo chiếm trọn căn phố số 42 vì đang trên đà phát triển mạnh . Cửa hàng tơ lụa được Ông Bà Nguyễn Đức Nhuận dời đi nơi khác .

Ông Nguyễn Đức Nhuận làm Chủ nhiệm nhưng chính Bà Nguyễn Đức Nhuận mới là người sáng lập tờ báo. Tưởng cũng nên lưu ý về tên Nguyễn Đức Nhuận cùng thời, cùng nghề làm báo, viết báo, viết văn ở Sài gòn vào những năm 20, 30 cho tới sau này. Nguyễn Đức Nhuận có bút danh là Phú Đức, tác giả tiểu thuyết « Châu về Hiệp phố » một thời ăn khách ở Sài gòn. Người thứ hai là Ông Bút Trà của nhật báo Sài gòn Mới. Kỳ thật, chính Bà Bút Trà mới là người lãnh đạo tờ báo.

Tuần báo Phụ nữ Tân văn xuất bản vào ngày Thứ Năm mỗi tuần, với khổ 0, 24m x 0, 31m, dày 32 trang không kể bìa có in hình 3 Cô Gái Bắc, Trung, Nam với khẩu hiệu « *Phần son tô điểm sơn hà, Làm cho rõ mặt đàn Bà nước Nam* » .

Tuần báo qui tụ được những cây viết tiếng tăm lừng lẫy từ Bắc, Trung, Nam như các ông Đào Trinh Nhất, Phan Khôi, Tản Đà, Hồ Biểu Chánh, Bùi Thế Mỹ, Diệp văn Kỳ, Ls Trịnh Đình Thảo, Phan văn Hùm, Bà Bùi Thế Mỹ, Nữ sĩ Nguyễn thị Mạnh Mạnh, ...

Phụ nữ Tân văn, số ra mắt là ngày 02 tháng 05 năm 1929, do nhà in Nguyễn văn Viêt, số 85 – 87, đường d' Ormay, Quận I, Sài gòn, nhận in. Năm 1930, Phụ nữ Tân văn phát hành trên 10 000 bản, các nhà in Việt nam không đảm nhận được nên nhà báo phải giao cho nhà in Albert Portail của người Pháp in. Cùng tên Albert Portail, có nhà sách ở đường Catinat, ngang khách sạn Continental, sau đổi thành Nhà sách Xuân Thu, nghe nói là tài sản của Giám mục Ngô Đình Thục, do một người Pháp lai làm quản lý . Và cũng tại đây đặt 1 Phân khoa của Viện Đại Học Đà Lạt (Báo chí hay Bang giao quốc tế).

Tết năm 1930, Phụ nữ Tân văn xuất bản *Phụ nữ Tân văn Xuân* do sáng kiến của Ông Đào Trinh Nhất làm Chủ bút . Đây là tờ báo Xuân đầu tiên mở đường cho báo Xuân sau này và cho tới ngày nay.

Tuần báo Phụ nữ Tân văn giữ các mục thường xuyên : xã thuyết, Vấn đề giải phóng Phụ nữ, Phụ nữ và Gia đình, Vệ sinh khoa học thường thức, Gần đây trong nước có những gì ?, Thời sự đoàn bình, Tiểu thuyết, phóng sự, Thư cho bạn (bạn gái), Văn uyển, Khảo luận , Nhi đồng...Giá bán mỗi tờ báo là 0, 10\$. Giá báo trọn năm là 6, 00\$, ...1 tháng là 0, 50\$. Qua năm 1934, giá báo giảm xuống . Một năm báo, giá còn 5\$ nhưng giá một số vẫn không thay đổi. Tiền nhuận bút cho tác giả và lương bổng Ban Biên tập rất hậu hĩnh vì chủ trương « Chiêu Hiền đãi Sĩ ». Một bài khảo cứu, bình luận, điều tra dài từ 2 trương được trả 5\$ 00 . Bài thường dài 1 trang trả nhuận bút 3\$00. Hình hí họa, mỗi hình được trả 2\$00. Đồng thời với Tuần báo Phụ nữ Tân văn ở Sài gòn có tất cả 15 tờ báo ngày, tuần và tháng, bằng tiếng việt và 3 tờ bằng tiếng pháp : La Tribune Indochinoise, Le Phare Indochinois và La Lutte.

Tưởng cũng nên biết Sài gòn năm 1930, không phải như Sài gòn trước năm 1975, chỉ gồm có 4 Quận. Quận Trung ương bao gồm Chợ cũ, Chợ Mới Bến thành và Chợ Đũi . Quận I gồm có vùng Dakao và Tân Định . Quận II gồm Cầu Ông Lãnh, Cầu Kho, Chợ Quán . Quận III gồm Khánh Hội, Xóm Chiếu.

Bên kia Chợ Quán trở đi thuộc Chợ lớn, tức Tỉnh Chợ lớn.

Hoạt động xã hội của Phụ nữ Tân văn

Qua giữa năm sau, Phụ nữ Tân văn tổ chức « Đồng Xu cho học sinh » để giúp học sinh nghèo có tiền đi học. Không chỉ đi học ở Việt nam mà còn đi qua Pháp học nữa .Tiếp theo, Phụ nữ Tân văn tổ chức Hội Dục Anh. Hai cơ sở xã hội này hoạt động mạnh mẽ nhờ sự hưởng ứng nhiệt tình của độc giả và những nhà hảo tâm.

Hội Dục Anh tổ chức thêm chương trình giữ trẻ giúp những gia đình đơn chiếc có chỗ gửi con em để yên lòng đi làm việc. Để có tiền tài trợ cho chương trình Dục Anh, năm 1932, Hội tổ chức Hội chợ trong khuôn viên Tổng cuộc Thể thao Annam ở góc đường Mayer và Lareynière . Năm ngày Hội chợ có nhiều trò chơi vui nhộn, hòa nhạc, văn nghệ, thể thao phụ nữ, nữ công gia chánh,... Phụ nữ Sài gòn, Chợ lớn, Gia định tới đông đủ, mà còn có cả Phụ nữ ở lục tỉnh cũng kéo về tham dự đông đảo.

Niềm vui chưa trọn thì chuyện bực mình đã xảy ra . Do hiểu lầm chuyện gì đó mà phía Phụ nữ Tân văn không hề biết, hai báo Sài Thành và Trung Lập kêu gọi dân chúng tẩy chay Phụ nữ Tân văn và các tổ chức của Phụ nữ Tân văn luôn . Chẳng những kêu gọi trên báo, họ còn in truyền đơn xúi dục dân chúng tẩy chay Phụ nữ Tân văn.

Nữ lưu học hội

Ông bà Nguyễn Đức Nhuận từ lâu đã tham khảo ý kiến của giới phụ nữ ở Sài gòn về dự tính thành lập « Nữ lưu học hội ». Hội ra đời và đi vào hoạt động thật sự . Để vận động cho Nữ lưu học hội, Tuần báo Phụ nữ Tân văn cho phổ biến một bài xã luận dưới tựa đề «Sáng lập Nữ lưu học hội»:

«Chị em đã từng thảo luận về sự lợi ích, về cách tổ chức một cái học hiệu riêng cho phụ nữ, lấy tên là « Nữ lưu học hội». Hết thầy các bạn đều nhận là một công trình đáng gây dựng lên ở các đô thành mới như Hà nội và Sài gòn.

Thảo luận là một việc rất hay, vì nhờ nó mà các bạn đồng chí trong nước trao đổi tư tưởng và ý kiến về một vấn đề quan hệ. Nhưng vậy, lời bàn luận không phải là một cái cứu cánh, một cái mục đích.

Nghĩa là : ta không nên tranh biện để mà tranh biện, mà tranh biện để hành động và thiết hành.

Tuân theo tôn chỉ nói trên đây, bổn báo mời:

Các bạn phụ nữ hoạt động,

Các bạn đàn ông biểu đồng tình với chị em,

Ra công gắng sức để sáng lập « Nữ lưu học hội » ở Sài Gòn..."

Nữ lưu học hội từ khi thành lập đã qui tụ được nhiều chị em phụ nữ có tiếng tăm. Mỗi người với lòng nhiệt thành, nhận ngay trách nhiệm phân công.

Hội mở được nhiều lớp nữ công, gia chánh, trao đổi kiến thức khoa học và văn hóa cho chị em trong và ngoài hội.

Một hội viên năng hoạt động là nữ sĩ Nguyễn thị Manh Manh. Bà có lần lên diễn đàn phát biểu:

« Tài sơ, trí thiếu và lời ăn nói vụng về như tôi, thiết lầy lẫm mà bước lên diễn đàn và cũng lầy lẫm áy náy, sẽ không khỏi để phụ lòng quý ông, quý bà và hết thầy các chị em.

Nói chuyện về nữ lưu học hội là muốn nói chuyện về phụ nữ với văn chương. Nếu cho Nữ lưu học hội là cần ích thì cũng phải cho đàn bà là có mặt thiết có quan hệ đến văn chương nước nhà.

...Phần văn học nước nào cũng đều có thể chia ra làm hai phần, khách quan và chủ quan.

Cái văn học khách quan thường thiên về triết lý với khoa học. Cái văn học chủ quan thường trọng về mỹ thuật với thi ca. Một đàng nhờ cái tư tưởng hơn sanh mà có, một đàng do ở cái tình cảm hơn loại mà ra. Theo lẽ sinh lý thì đàn bà thường nặng về phần hồn và nhẹ về phần trí, cảm tình thì sâu mà tư tưởng thì hẹp nên trong văn học thường sở trường về lối tả cảnh, đạo tình mà ít hay về lối khách quan triết lý... Người đàn bà có cái tinh thần cần phải tự giác để chiếu sáng ra ở chung quanh mình, cho gia đình được êm đềm phong phú, cho xã hội được rức rỡ quang minh. Cái tinh thần đó ta muốn có thì ta lại càng tha thiết mong cho nữ lưu học hội sớm thành công..."

Phụ nữ Tân văn hoạt động được 6 năm, từ năm 1929 tới năm 1935.

Xứ Nam kỳ không phải là nơi ngàn năm văn vật nhưng báo chí ra đời sớm hơn những nơi khác, truyện quốc ngữ cũng xuất hiện sớm. Nam kỳ là xứ thuộc địa nên được thừa hưởng một số quyền lợi như ở xứ Pháp về mặt báo chí, xuất bản. Ở Bắc, truyện « Tố Tâm » của Hoàng Ngọc Phách xuất hiện vào năm 1925 được cho là tác phẩm văn chương hiện đại đầu tiên của Việt nam trong lúc đó, truyện quốc ngữ « Ai làm được » của Hồ Biểu Chánh xuất bản năm 1916. Ai cũng biết không phải có mặt trước là có giá trị hơn, hay hơn. Điều muốn nói là "có" nhưng bị bỏ quên hay bị phủ nhận tự nhiên.

Sự nghiệp văn chương của Hồ Biểu Chánh thật sự vĩ đại, gồm 64 tiểu thuyết, 12 truyện ngắn và truyện kể, 2 truyện dịch, 12 tập hài kịch và ca kịch, 5 tập thơ, 8 tập ký, 28 tập khảo cứu phê bình và nhiều bài diễn thuyết. Nhưng trong nhiều sách phê bình văn học, Hồ Biểu Chánh vẫn còn bị bỏ quên hoặc chê tác phẩm của ông không có giá trị văn chương. Mãi về sau này, ông mới được không còn bị bỏ quên nữa. Về làm cách mạng chống thực dân, yểm trợ phong trào Đông du và Đông kinh nghĩa thực, Nam kỳ cũng bắt tay trước và nhiệt tình. Đóng góp nhiều hơn vì dân Nam kỳ lúc đó đã có nhiều người mần ăn được và cũng giàu lòng hào hiệp do bản chất Nam kỳ. Nhưng Nam kỳ vẫn chưa có được chỗ đứng khiêm tốn cho mình trên đất nước. Gần đây, trong việc đánh Tây, đánh Mỹ dành độc lập dân tộc, Nam kỳ thêm một lần nữa bị cướp công và bức tử. Thế mà dân Nam kỳ lúc nào cũng bằng lòng với số phận của mình.

Thật dễ thương cho dân Nam kỳ!

Nam Phương Hoàng Hậu: 100 năm sinh nhật và 50 năm kỷ nhật tại Paris



Nam Phương hoàng hậu

Dân Nam kỳ, lớp lớn tuổi, nhiều người hãy còn nhớ Nam Phương Hoàng Hậu, vì bà là người tỉnh Gò Công, con gái của Ông Bà Nguyễn Hữu Hào là nhà giàu nổi tiếng xứ Gò công. Ông ngoại của bà, Lê Phát Đạt hay còn gọi là Huyện Sĩ, người xây Nhà Thờ Huyện Sĩ ở Sài Gòn, gần nhà thương Từ Dũ, là một trong 4 nhà giàu lớn của xứ Nam kỳ: Nhứt Sĩ, Nhì Phương, Tam Xường, Tứ Trạch (hay Định).

Bà là vị Hoàng Hậu cuối cùng của Nhà Nguyễn. Bà sanh ngày 14 tháng 12 năm 1914 tại Tỉnh Gò công, Nam Việt, và mất ngày 16 tháng 9 năm 1963 tại làng Chabagnac, Tỉnh Corrèze, Miền Nam nước Pháp.

Có một giai thoại về Nhà Nguyễn khá ly kỳ. Một thầy địa lý tàu khuyên Nhà Nguyễn không nên lập ngôi Hoàng Hậu vì khi lập ngôi Hoàng Hậu thì chấm dứt triều đại Nhà Nguyễn. Các vị tiên vương, không ai lập ngôi Hoàng Hậu khi Hoàng Hậu còn sanh tiền. Phải chăng lời tiên tri của ông thầy tàu kia ứng nghiệm mà Hoàng Hậu Nam Phương trở thành vị Hoàng Hậu cuối cùng của Nhà Nguyễn?



Vua Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương năm 1953

Ngày cuối cùng của Bà không có con cái bên cạnh. Theo lời kể của ông Thầy giáo Christian Bouzon vừa là Hiệu trưởng của trường Tiểu học làng Chabagnac – ông biết nhiều về Bà Nam Phương vì trong Văn khố Thị xã có đầy đủ tài liệu về bà từ khi bà về đây sanh sống và chính

ông đã từng hướng dân học trò làm bài kể chuyện về bà vì làng Chabrignac lấy làm vinh hạnh có một công dân là Hoàng Hậu – một buổi sáng tháng 9, bà không đi săn được như đã hẹn với ông Thị trưởng vì bà cảm thấy nhức đầu và khó thở do đau cổ họng. Bà bảo người phụ nữ pháp giúp việc mời thầy thuốc tới khám bệnh cho bà. Chỉ vài giờ sau, bà mất bên cạnh người giúp việc và người quản gia.

Công chúa và Hoàng tử đều ở xa, chỉ tới tham dự tang lễ. Cựu Hoàng không tới được vì lúc đó, không phải vì không còn sống chung với bà nữa, mà ông buồn bực nhiều chuyện thường đi vắng nhiều ngày không liên lạc được. Tang lễ của bà cử hành rất đơn giản, có các công chúa và Hoàng tử chịu tang, có chánh quyền địa phương và dân chúng người pháp tham dự. Theo lời kể của Thầy giáo, quan tài được chuẩn bị đem về Việt Nam an táng nhưng khi xin phép, nhà cầm quyền Việt Nam ở Sào gòn từ chối. Chôn tại nghĩa trang làng Chabrignac. Năm mộ đơn sơ vì giữ ý định một ngày nào đó sẽ đưa về xứ. Tình trạng an táng tạm tới nay đã được 50 năm. Và năm nay, là năm đầu tiên, lễ Giỗ 50 năm của bà được tổ chức trọng thể trong giáo đường của Phái Bộ Thừa sai Hải ngoại (Missions Etrangères de Paris), 128, rue du Bac (đường Bến Đò), Paris VII.

MEP

Nhân sự việc hi hữu là năm nay, lễ Giỗ lần thứ 50 của Nam Phương Hoàng Hậu được tổ chức trong thánh đường của trụ sở Phái Bộ Thừa sai Paris (MEP), tưởng cũng nên biết qua vài nét cơ sở tôn giáo lâu đời này. Nên biết vì nó có lịch sử lâu dài, đầy biến động với lịch sử Việt nam từ trước khi mất nước cho tới sau khi nước mất.

Phái Bộ Thừa sai Paris (MEP) ra đời từ thế kỷ thứ XVII để phục vụ Giáo hội Công giáo ở Á châu như Tàu Thái lan, ...và Việt Nam. Nhiệm vụ của MEP là đào tạo giáo sĩ địa phương để truyền bá giáo lý và tổ chức Giáo hội địa phương. Ngoài hoạt động thuần túy tôn giáo, MEP còn tổ chức những hoạt động ngoại vi như văn hóa, từ thiện, xã hội qua những Tổ chức Phi Chánh phủ và cả những xí nghiệp công kỹ nghệ. MEP là cây cổ thụ 350 năm tuổi ra đời từ lịch sử Đế quốc Pháp thì cành lá phải sum xuê che phủ khắp thế giới.

Riêng trong lịch sử quan hệ với Việt Nam, MEP giữ nhiều tài liệu cổ xưa vô cùng quan trọng. Để thấy tầm quan trọng và quyền lực của MEP trong lịch sử hoạt động ở Việt Nam lúc Pháp bắt đầu xâm chiếm để đô hộ, xin mời đọc qua vài dòng trích dẫn sau đây từ bức thư của Ông Roche gửi cho Ông Harmand giải nghĩa sự xung đột giữa Espagne và Pháp về Việt Nam:

"Tôi lưu ý ông về một vấn đề, theo ý tôi, vô cùng quan trọng về sự chiếm đóng xứ Bắc kỳ của chúng ta. Tôi muốn nói về Phái Bộ Thừa Sai. Những Phái Bộ Bắc kỳ, Nam kỳ, nói chung, của tất cả lãnh thổ của chúng ta ở Hải ngoại ... không phải là những Tổ chức riêng rẽ, biệt lập, mà tất cả đều phát xuất từ một Cơ sở Mẹ ở Paris ; kể đến, chỉ cần hiểu điều mà những Phái Bộ đã làm không ngừng nghỉ từ hơn 2 thế kỷ nay ở Annam và ở nơi khác để nhận thấy yếu tố thực dân là thiết thân với những vị Thừa Sai của chúng ta là những người phụ tá mạnh mẽ và tận tụy ..." (Báo Avenir du Tonkin – Tương lai xứ Bắc kỳ – Cao Huy Thuần trích dẫn, Les Missionnaires et la Politique coloniale française au Vietnam 1857-1914 (Luận án Tiến sĩ Sử học), trang 381, Yale Center for International and Area Studies – The Lac Viet Series No 13).

Tuy tọa lạc trong Paris, Trụ sở MEP vẫn có riêng một khu vườn rộng hơn một mẫu đất trồng nhiều thứ thảo mộc lạ do những giáo sĩ đem về từ những vùng lãnh thổ xa xôi nhiệt đới của Giáo hội và mẫu quốc Pháp. Đặc biệt những thảo mộc và khung cảnh ở đây không có nhiều thay đổi quan trọng từ khi thành lập vào thế kỷ XVII. Vườn chỉ mở cửa cho thăm viếng theo thời khóa biểu riêng.

Có đi thăm viếng MEP không nên quên nơi lưu giữ hài cốt của các Thánh Tử đạo, dĩ nhiên có cả Thánh Tử đạo Việt Nam, của các Giáo sĩ truyền giáo và cả đồ vật, như y phục, sách vở, ... của những người này sử dụng lúc tại thế.

Bộ phận thứ hai quan trọng là Văn khố độc đáo nơi chứa đựng tài liệu về những hoạt động của MEP từ thời xuống tàu buôn, rồi tàu chiến, đi qua Á châu truyền giáo. Ông Cao Huy Thuần, trong Luận án sử học của ông, có than phiền không được tham khảo một số tài liệu còn giữ MẬT. Mà đúng vì đây là tài sản riêng, tư nhân, của MEP. Mùa hè năm rồi, trong một buổi hội ngộ thân hữu tại tư gia của một Cựu Đại Học Sư phạm Sài Gòn ở ngoại ô Paris, có Linh mục Jean Mais (Ông lấy tên Việt Nam là Cha Ngô) tham dự. Cô May nhân dịp thưa với ông có ý muốn tham khảo một số tài liệu ở MEP về Việt Nam, mà còn bị cấm. Ông vui vẻ bảo cứ tới và gặp ông.

50 năm ngày giỗ, 100 năm ngày sanh

Hôm rồi, giáo xứ Paris tổ chức lễ giỗ lần thứ 50 cho cố Tổng thống Ngô Đình Diệm và Cố vấn Ngô Đình Nhu. Cùng thời điểm mùa lễ các thánh, các Nữ tu Dòng Đức Bà và Cựu học sinh Trường Couvent des Oiseaux tổ chức lễ kỷ niệm 100 năm Ngày sanh và lễ giỗ thứ 50 cho Bà Nam Phương Hoàng Hậu tại nguyện đường Hiền Linh Hội Thừa Sai Paris, 128, rue du Bac Paris, VII.

Dòng Đức Bà tại Pháp gồm các Nữ tu và cựu học sinh các trường công giáo ở Việt nam trước kia như trường Notre-Dame du Lang-Bian ở Đà Lạt, trường Notre-Dame du Rosaire ở Hà Nội và trường Régina Mundi ở Sài Gòn.

Buổi lễ gồm hai phần văn hóa và tôn giáo. Phần văn hóa do bà Sabine Didelot, cựu học sinh Couvent des Oiseaux và là cháu ruột của bà Nam Phương Hoàng Hậu, đảm trách. Tưởng niệm người quá cố, bà nhắc lại sơ lược cuộc đời và sự nghiệp Bà Hoàng Hậu triều Nguyễn theo Công giáo.

Theo Bà Sabine Didelot, Nam phương Hoàng Hậu thuộc dòng dõi bên ngoại thánh tử đạo Mathieu Lê Văn Gấm, bị xử trảm vào năm 1847. Năm 1926, bà qua Pháp học tại trường trung học tư Couvent des Oiseaux ở Paris. Đây là một trường tư nội trú nổi tiếng do các Nữ tu điều khiển. Trường không chỉ dạy chương trình thi cử mà còn dạy cung cách lễ nghi theo giới quý tộc pháp.

Tháng 9 năm 1932, đậu xong Văn bằng Tú Tài, bà trở về xứ. Trên tàu d' Artagnan của hãng Messageries Maritimes, cùng đi về xứ với bà, có Vua Bảo Đại nhưng hai người chưa quen biết nhau. Năm sau, hai người do sự sắp xếp của Pháp, có dịp quen nhau.

Ngày 20 tháng 3 năm 1934, hôn lễ của bà với Vua Bảo Đại cử hành tại Huế. Qua ngày hôm sau, bà được tấn phong Hoàng Hậu, Hiệu Nam Phương. Đây là một biệt lệ vì 12 bà Hoàng của 12 vị Tiên vương Nhà Nguyễn đều là Vương phi. Sau khi qua đời, các bà mới được lên ngôi Hoàng Hậu.

Làm Hoàng Hậu, bà thường đi ra bên ngoài thăm các nữ sinh trường Đồng Khánh, tham dự lễ phát thưởng cho học sinh giỏi ở Huế. Và bà đã ngộ ý với Bộ Quốc gia Giáo dục đem môn Gia chánh Nữ công vào chương trình trung học.

Đặc biệt hơn nữa, trong quan hệ ngoại giao, bà thường bên cạnh Hoàng Đế Bảo Đại tiếp kiến các vị Quốc trưởng. Có thể nói đây là tiền lệ trong nghi lễ ngoại giao của Việt Nam.

Bà sinh năm người con với Hoàng Đế Bảo Đại: Thái tử Bảo Long sinh ngày 4-1-1936 tại điện Kiến Trung, mất ngày 28/7/2007, Công chúa Phương Mai sinh ngày 1/8/1937, Công chúa Phương Liên 3/11/1938, Công chúa Phương Dung 25/2/1942 và Hoàng tử Bảo Thắng sinh ngày 30/9/1943.

Tưởng niệm Nam Phương Hoàng Hậu, Bà Sabine Didelot không quên nhắc lại Hoàng Hậu lúc nhỏ rất sùng đạo, thông minh, học giỏi và tánh tình rất tế nhị.

Năm 1945, sau khi tuyên bố hủy bỏ các Hiệp ước bất bình đẳng với Pháp, Hoàng Đế Bảo Đại thoái vị để trở thành một công dân của Việt nam độc lập. Hoàng Hậu dời qua Cung An Định. Trước thời cuộc nhiễu nhương, thực dân Pháp lợi dụng tình hình thỏa hiệp với Hồ Chí Minh

trở lại tái lập chế độ thực dân, Hoàng Hậu viết thư gửi bạn bè ở Á châu yêu cầu họ lên tiếng tố cáo tham vọng của thực dân pháp:

“Kể từ tháng 3 năm 1945, nước Việt Nam đã thoát khỏi sự đô hộ của người Pháp nhưng vì lòng tham của một thiểu số thực dân Pháp với sự tiếp tay của quân đội Hoàng gia Anh nên hiện nay máu của nhân dân Việt Nam lại tiếp tục chảy trên mảnh đất vốn đã có quá nhiều đau khổ. Hành động này của thực dân Pháp là trái với chủ trương của Đồng Minh mà nước Pháp lại là một thành viên. Vậy tôi tha thiết yêu cầu những ai đã từng đau khổ vì chiến tranh hãy bày tỏ thái độ và hành động để giúp chúng tôi chấm dứt chiến tranh đang ngày đêm tàn phá đất nước tôi. Thay mặt cho hàng chục triệu phụ nữ Việt Nam, tôi thỉnh cầu tất cả bạn bè của tôi và bạn bè của nước Việt Nam hãy bênh vực cho tự do. Xin các chính phủ của khối tự do sớm can thiệp để kiến tạo một nền hòa bình công minh và chân chính và xin quý vị nhận nơi đây lòng biết ơn sâu xa của tất cả đồng bào của chúng tôi “

(Jean Renaud, Ed Guy Boussac, 1949, Paris)

Phần Thánh lễ tưởng niệm do Lm Xavier Demolliens, Trợ lý Bề trên các chức sắc Thừa sai Paris (MEP), Lm Jean Maïs, cựu giáo sư Đại Học Đà Lạt, chủ bút Églises d’Asie và Lm Trần Ngọc Anh cử hành tại nhà nguyện của MEP.

Trong phần nhập lễ, nữ tu Christiane Kientz, bề trên dòng Đức Bà tại Pháp, ngỏ lời cảm ơn các Thừa sai Paris đã đóng góp tích cực vào việc rao giảng Phúc âm tại Á châu và cho phép cử hành thánh lễ ngày hôm nay. Trong nguyện đường lịch sử này, *“nơi đây vẫn còn những kỷ niệm của bao vị thừa sai với lòng quả cảm và nhiệt thành đã giúp cho bao người biết và yêu mến Chúa Giêsu Kitô .”*

Trước di ảnh hoàng hậu, nữ tu Christiane Kientz, nữ tu Odile Guyot-Fionneft thay mặt Bề trên Tổng quyền Dòng Đức Bà là nữ tu Marie-Alexia Nguyễn Thị Hồng Quỳ, bà Sabine Didelot, Bà Trương Bạch Bích, Hội trưởng Ái hữu Cựu nữ sinh Couvent des Oiseaux Việt Nam, Bà Hoàng Thị Anh Trâm và Bà Nguyễn Anh Thư trong Ban tổ chức, đại diện các cựu nữ sinh trường Đức Bà tại Đà Lạt, Hà Nội và Saigon, cùng cử hành nghi thức niệm hương theo truyền thống Việt Nam. Trong bài giảng, Lm Xavier Demolliens tán dương công đức của Nam Phương Hoàng Hậu như sau: *“ Qua lời kinh dâng nước Việt lên Trái tim Chúa Giêsu, Nam Phương Hoàng Hậu đã nói lên lòng biết ơn Thiên Chúa đã ban ân sủng đức tin. Bà đã thực hiện trọn vẹn sứ mệnh người Kitô hữu. Sau 50 năm ngày từ trần, bà nhận được sự kính trọng và yêu mến.”*

Tham dự thánh lễ có ba người con của Hoàng Hậu là Hoàng tử Bảo Thắng và hai Công chúa Phương Mai và Phương Dung và một số thân hào nhân sĩ ở Paris trong số có giáo sư Vũ Quốc Thúc là cựu Tổng trưởng và Khoa trưởng Đại học Luật khoa Saigon vừa mới cải đạo theo Công giáo.

Trong phần dâng lễ, cộng đoàn cùng hát với ca đoàn bài *“ Hãy làm cho Ngài lớn lên”*. Bài hát này được vang lên trong nguyện đường, là ngọn đuốc sáng rọi soi đường cho sứ mệnh giáo dục và truyền giáo của dòng Đức Bà. Ca đoàn do nữ tu Marie Liesse điều khiển, và gồm gia đình Ông Bà Nguyễn Kim Tuấn, các Bà Hồng Thư, Anh Thư, Hoàng Thị Anh Trâm ...

Với Hoàng Hậu Nam Phương, mọi người khi nhắc tới, cũng đều tỏ lòng thương tiếc và kính trọng. Điều rất hiếm đối với nhiều mệnh phụ phu nhân khác từ sau khi bà rời khỏi Việt Nam. Nhờ đi khỏi Việt Nam sớm, bà và các con của bà không phải lâm nạn như gia đình Bà Phi Ánh, Thứ Phi của Hoàng Đế Bảo Đại, ở lại Sài gòn sau khi Hoàng Đế Bảo Đại bị truất phế bằng “trung cầu dân ý”, nhà cửa, tài sản bị nhà cầm quyền ở Sài gòn tịch thu, con cái không được đi học bình thường, mà phải đổi họ tên...

Đi thăm mộ Nam Phương Hoàng Hậu



Mariette Jeanne Nguyễn Hữu Thị Lan
Ngày cưới 20 tháng 3 năm 1934 (19 tuổi)

Hằng năm, từ cuối tháng chạp, chính xác là từ ngày đưa ông Táo về Trời, ở Miền nam Việt Nam, nhà nhà đều lo xách cuốc, xẻng, dao mác, chổi, sơn hay vôi, ... đi “dẩy mả”, theo tiếng nói bình dân của dân Nam kỳ, hay đi “tảo mộ” cho có chữ nghĩa. Người ta sơn phết lại nhà cửa cho mới để ăn Tết thì cũng phải nghĩ tới chỗ an nghỉ của người thân quá cố.

Sống có nhà, chết có mồ. Ai trong năm làm không kịp vì gặt hái chưa xong thì qua đầu năm cho tới lễ Thanh Minh cũng phải lo chăm sóc mồ mả cho chu đáo. Tập tục “dẩy mả hay tảo mộ” ở Việt Nam mang ý nghĩa rất long trọng. Đàn ông trai tráng sáng ra, xách dụng cụ xông pha đẩy cỏ, chặt bỏ cây nhỏ mọc trên nấm mộ, tảo thanh cho sạch, sơn phết hay quét vôi lại mộ bằng gạch hay xi-măng, sơn lại mộ bia,... làm cho ngôi mộ và chung quanh đó sạch sẽ và mới mẻ để ăn Tết. Trong lúc đó, đàn bà ở nhà lo làm cơm nước để khi “dẩy mả” xong đem ra mả cúng. Có nhiều nhà vì rảnh rỗi, kéo nhau cả nhà ra mộ cúng ngày tảo mộ và cùng nhau ăn uống luôn tại chỗ. Như một ngày sum họp gia đình giữa nhiều thế hệ trong tinh thần chuẩn bị cùng ăn Tết với nhau vì ngày 30 rước ông bà.

Mang ý nghĩa thiêng liêng nên “tảo mộ” ở Việt Nam không giống người Tàu trong lễ Thanh minh vì trong lễ Thanh minh, người Tàu đi viếng mộ và đó cũng là ngày hội chào mừng mùa Xuân tới:

*“Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh”*
(Kiều, Nguyễn Du)

Hôm nay, chúng tôi đi viếng thăm mộ Nam Phương Hoàng Hậu, một việc làm hoàn toàn không nằm trong cả hai ý nghĩa đó bởi không nhằm sau ngày Ông Táo về Trời mà cũng không vào thời điểm chàng Kim và nàng Kiều gặp nhau. Chỉ thăm viếng cho biết nơi Hoàng Hậu cuối cùng của Nhà Nguyễn an nghỉ. Không trên đất quê hương mà ở tận một vùng thôn dã xa xôi lạnh lẽo của xứ Pháp. Ngoài ba bà con chúng tôi hôm nay, không biết trong năm, vào ngày lễ

Các Thánh 1/11 (Toussaint) hay ngày tảo mộ, có mấy người tới thăm viếng mộ Hoàng Hậu? Thắp một nén hương, đặt một bó hoa cho Hoàng Hậu?

Nơi Nam Phương Hoàng Hậu an nghỉ

Phải nói ít người Việt Nam ta nhắc nhở tới Hoàng Hậu. Biết Hoàng Hậu nằm ở đâu trên đất Pháp lại càng ít hơn. Trong lúc đó, có ít báo chí cộng sản ở trong Nam nhắc tới Hoàng Hậu, nhất là ngôi biệt thự ở Đà-lạt, chỉ nhằm mục đích quảng cáo du lịch nhiều hơn. Thậm chí Hội Ái hữu Gò-công, quê hương của Bà, nói về Nam Phương Hoàng Hậu cũng rất giản lược. Vì thiếu tài liệu? Hay do ảnh hưởng tuyên truyền “bài phong phản đế” của cộng sản và “bài phong đả thực” của Chánh phủ Ngô Đình Diệm khi truất phế Cựu Hoàng Bảo Đại mà dân chúng quên đi hay thờ ơ lãnh đạm?

Trong tình trạng thiếu thông tin đó, may mắn có ông Nguyễn Cao Đức và một nhóm cựu học sinh Jean Jacques Rousseau nhắc lại, trao đổi thông tin (trên mạng) về Hoàng Hậu Nam Phương khá phong phú. Vì có liên hệ với hoàng gia hay với gia đình những người trước đây làm việc trong Chánh phủ của Quốc trưởng Bảo Đại?

Sau khi cơm nước bữa trưa xong ở Tu Viện Tùng Lâm trong xóm Bosnages gần Limoges, tỉnh mịch rất thích hợp cho nơi tu tập, chúng tôi đi thẳng tới làng Chabrignac để tìm thăm mộ Hoàng Hậu. Khi đi, chúng tôi chỉ biết mộ nằm ở Chabrignac chứ không biết chính xác địa điểm nhưng vẫn chủ quan sẽ tìm được không khó vì đầu sao cũng là ngôi mộ của một Bà hoàng thì dân làng phải biết thôi.

Chúng tôi đang đi trong vùng Tây-Nam nước Pháp nên địa danh chỗ nào cũng tận cùng bằng vắn AC. Tiếp vĩ ngữ AC có nghĩa “thuộc về ...” để chỉ “đất này thuộc về ông tên gì đó ... làm chủ”. Từ đó, người Pháp mới có họ mang tên đất. Như cựu Tổng thống Pháp Jacques Chirac. Chirac là tên làng Chirac cũng ở vùng Corrèze này và ngày nay hầy còn. Người Tàu có Gia trang mang họ một gia đình, một dòng tộc. Như Vương Gia trang, ... Trước đây, Pháp và Tàu là hai nước phong kiến lâu đời mà ngày nay còn để lại vết tích. Việt Nam ta không có cách lập họ như vậy vì mọi người dân đã đều có quyền mang họ của dòng tộc như vua chúa. Việt Nam là nước quân chủ trước đây mà không phải là nước phong kiến. Nói Việt Nam phong kiến là chỉ biết nói lấy được cho mục đích tuyên truyền chánh trị mà thôi.

Chabrignac là một ngôi làng nhỏ hiền lành với gần năm trăm dân sống chủ yếu về nghề ruộng rẫy lúa bắp, khoai sắn, không về nghề trồng nho và làm rượu. Nhưng bù lại, Chabrignac là nơi du lịch vì cảnh đẹp, rất thơ mộng, có nhiều hang động, lâu đài cổ, nhà thờ cổ, ... Vào tới làng, chúng tôi tìm ngay người lớn tuổi hỏi thăm. Chúng tôi được chỉ tới nghĩa trang của làng. Quả thật ở đây có nhiều người biết Bà Hoàng nằm ở đâu. Nghĩa trang nằm trên khu đất cao tuy chưa đủ để gọi đó là cánh đồi. Chúng tôi xô nhẹ cánh cửa sắt khép hờ để vào bên trong. Thấy có người, chúng tôi tiến tới hỏi thăm và được chỉ ngay rất chính xác: “Ngôi mộ có hai cây trúc bách diệp”. Hai cây khá cao và xanh um nên dễ thấy. Chúng tôi tiến tới thì đúng là ngôi mộ của Nam Phương Hoàng hậu khi nhìn tấm mộ bia có ghi “Đại Nam Nam phương Hoàng hậu chi mộ” bằng chữ Hán. Phía dưới chân mộ có tấm bằng ghi thêm “Nơi đây an nghỉ Jeanne-Mariette Nguyễn Hữu Hào 1913-1963” bằng chữ Pháp.

Ngôi mộ làm bằng xi-măng đơn sơ. Mộ bia cũng bằng xi-măng nên góc dưới bên mặt bị bể một miếng nhỏ. Nhìn qua ngôi mộ, ai cũng có thể bảo ngôi mộ từ khá lâu không được tu bổ, chỉnh trang. Trong lúc chúng tôi có mặt, trên mộ có sẵn một bó bông tươi nhỏ như của ai mới đem tới ngày hôm trước thôi vì bông hầy còn tươi. Nghe nói dân làng, nhân đi viếng mộ thân nhân, thỉnh thoảng ghé qua viếng Hoàng hậu bằng một bó bông nho nhỏ để tỏ lòng ngưỡng mộ.

Điểm đáng để ý là chỉ có ngôi mộ của Hoàng hậu có trồng hai cây trúc bách diệp hai bên sừng sững như hai người đứng ngay ngắn hầu, bất chấp tuế nguyệt, hay hai ngọn nến khổng lồ và khu đất khá rộng so với nhiều mộ khác tuy không được tươm tất bằng vì những ngôi mộ này đều bằng đá hoa cương hay ít nhất cũng bằng đá mài. Gia đình làm tạm để chờ cơ hội cải táng đem về quê hương Gò công hay Đà-lạt? Theo lời ông Boudy, cựu Xã trưởng Chabrignac (đương kim Xã trưởng là ông Dupuy), lúc đám tang, quan tài của Hoàng hậu đã được làm bằng kẽm để chuẩn bị đem về Việt Nam nhưng khi xin phép, Chánh quyền của Tổng thống Ngô Đình Diệm từ chối nên phải chôn cất tại nghĩa trang Chabrignac!



*Mộ Nam Phương Hoàng Hậu
tại làng Chabrignac (Ảnh: Tác giả)*

Nhìn ngôi mộ của Nam Phương Hoàng hậu lạnh lẽo, cô đơn giữa người bản xứ, chúng tôi không khỏi bồi ngùi thương cảm cho thân phận của một Hoàng hậu mất nước. Thân phận của người dân bình thường như chúng tôi, nếu có con cái biết chăm lo, mồ mã có lẽ sẽ khá hơn chăng? Mà thôi, đời là vô thường, thân đã trở về với cát bụi thì còn chọn lựa, giai cấp, ngôi vị gì nữa?

Nhưng dù sao, Bà Hoàng hậu chết rất an lành. Không bị đau đớn. Đám tang không trọng thể theo nghi thức dành cho một Bà Hoàng, nhưng được đông đảo dân làng tiễn đưa, thương tiếc, có đủ mặt con cháu, cả Cựu Hoàng. Vẫn hơn người đang chức quyền tuyệt đối trong tay mà chết vô cùng thê thảm, không toàn thây. Chôn lén lút, không tang lễ, không làm được mồ mã. Khi có mồ mã, không dám ghi tên lên mộ bia. Mới thấy người lành thường gặp nạn, nhưng chung cuộc vẫn an lành.

Góp Phần Lịch Sử Của Làng Chabrignac Rời mộ phần của Hoàng hậu, chúng tôi tới nói chuyện với người đàn ông chúng tôi gặp lúc mới tới. Chúng tôi hỏi thăm về Bà. Ông tên Christian Bouzon là thầy giáo của ngôi trường duy nhất của làng. Vậy mà, có lúc trường không đủ học sinh để hoạt động. Nhà của ông thầy giáo Bouzon ở ngay bên cạnh trường và ông đang làm vườn bên kia bờ tường ngăn với nghĩa trang.

Vui vẻ tiếp chúng tôi, ông cho biết rất ít người Việt Nam tới thăm viếng mộ vì có lẽ nơi đây quá xa và đường đi trong làng cũng phức tạp. Ở văn phòng thị xã có nhiều hình ảnh, thông tin liên quan tới bà Hoàng hậu. Nhưng chính ông lại chưa một lần trông thấy mặt Bà Hoàng. Đám cưới Công chúa Phương Liên năm 1962, hình ảnh đăng trên báo địa phương La Montagne, có đủ mặt gia đình tham dự, nhưng cũng không thấy rõ mặt của Bà Hoàng. Ông Thầy giáo có một lần hướng dẫn học sinh của ông lập hồ sơ về Bà Hoàng trong giờ học lịch sử làng Chabrignac. Học sinh sưu tầm được thông tin về Bà Hoàng hậu Nam Phương, đọc qua, chúng đều xúc động, tiếc thương Bà.



Căn nhà của Nam Phương Hoàng Hậu (Ảnh: Tác giả)

Chúng hỏi Thầy giáo xứ Việt Nam của Bà ở đâu? Tại sao Bà là Hoàng hậu mà không ở Việt Nam? Khi nhắc lại chuyện Nam Phương Hoàng hậu, ông Thầy giáo cũng bùi ngùi cho số phận ngán ngùi và cái chết đột ngột vì bệnh sưng cổ họng của Bà do cứu cấp không kịp.

Chuyện xảy ra vào thượng tuần tháng 9 năm 1963. Sáng hôm ngày khai giảng mùa săn bắn – Pháp còn giữ tập tục này và có cả đảng chánh trị “Săn bắn, Đánh cá” ra tranh cử tổng thống – ông Thị trưởng Boudy và người Quản gia của Bà tới mời Bà cùng đi săn, nhưng Bà từ chối vì bị đau cổ và mệt. Hai người đi. Tới trưa hôm đó, họ được tin Bà Hoàng mất. Và bà mất trước mặt hai người phụ nữ Pháp giúp việc trong nhà. Ngày nay, khi hỏi thăm về Nam Phương Hoàng hậu, người dân làng Chabrignac đều tỏ lòng thương tiếc. Họ nói Nam Phương Hoàng hậu tuy sống ở đây từ lâu, ít giao thiệp với nhiều người, nhưng mỗi khi gặp ai, Bà đều vui vẻ chân tình, bình dị, nên được mọi người cảm mến và kính trọng. Dân làng lấy làm vinh hạnh vì một làng nhỏ như Chabrignac, hẻo lánh, có một công dân là một Bà Hoàng. Và Bà đã thật sự góp phần bổ sung cho lịch sử làng Chabrignac.



Con tem hình Nam Phương Hoàng Hậu

Khi lắng nghe những tiếng nói của dân làng về Bà Nam Phương, chúng tôi thấy thật tình dân làng rất thương Bà tuy không phải đồng chủng. Cơ Ngoi Nam Phương Hoàng Hậu Chúng tôi được ông thầy giáo Bouzon chỉ đường đi tới ngôi nhà của Hoàng hậu ở cách đó, chỗ nghĩa địa, chừng hơn cây số. Chúng tôi từ già ông Bouzon đi theo sự hướng dẫn rành rẽ của ông. Nhưng chúng tôi không tìm thấy. Quay trở lại để đi chậm chậm lần theo từng chi tiết ghi nhận. Lần này cũng không thấy ngôi nhà ở đâu hết. Trở lại chỗ nghĩa địa lần nữa, bỗng chúng tôi trông thấy một người Pháp lớn tuổi đang nói chuyện với bà vợ trước nhà, chúng tôi tới hỏi, được ông chỉ cũng cùng những chi tiết như ông thầy giáo vừa rồi. Thấy chúng tôi không tin chắc sẽ tìm được, ông bèn bảo bà vợ vào nhà, lấy xe đi dẫn đường chúng tôi. Cùng ngừng xe trước nhà Bà Hoàng, thì đúng là nơi chúng tôi đã đi ngang qua hai lần, nhưng không nghĩ là ở đây vì chúng tôi vẫn nghĩ nơi Bà ở phải là một cái lâu đài.

Năm 1958, Bà Nam Phương muốn xa lánh cảnh ồn ào, tấp nập của Paris và của thành phố du lịch và điện ảnh Cannes, Bà được một người bạn cũ người Pháp giới thiệu mua cơ ngơi này vừa để ở được yên tĩnh, vừa khai thác sinh lợi trang trại cho cuộc sống. Với tiền riêng, Bà mua lại cơ ngơi có tên La Perche nằm bên cạnh con lộ chánh của làng dẫn tới Thành phố Brive, thủ phủ của Tỉnh Corrèze, gồm một ngôi nhà chánh, kiểu xưa, hai tầng, bề ngang dài, xây bằng đá lấy từ vùng này, có 32 phòng ngủ, 4 phòng khách, 7 phòng tắm, với các dây trang trại, nhà kho dành để chứa dụng cụ canh nông và nông phẩm thu hoạch, 160 mẫu đất và 800 con bò... Những người phụ giúp việc cho Bà chỉ có hai phụ nữ người Pháp giúp nội trợ ăn ở luôn trong nhà với Bà và một người đàn ông Pháp cai quản khai thác nông nghiệp. Khi về đây, các hoàng tử và công chúa theo với Bà cho tới ngày đi lính hoặc lập gia đình. Công chúa Phương Liên năm 1962 kết hôn với ông Bernard Soulain làm Giám đốc ngân hàng ở Bordeaux. Hôn lễ tổ chức tại nhà thờ cổ của làng Chabignac tọa lạc phía bên kia con đường chạy ngang qua nhà Hoàng hậu. Công chúa Phương Mai có chồng là Quận công d' Addis Abbela. Hoàng tử Bảo Long làm Giám đốc ngân hàng sau khi giải ngũ, Bảo Thắng và Phương Dung cũng làm việc cho ngân hàng.

Cách 500m tới chết chưa gặp nhau

Nhắc lại tang lễ Bà Nam Phương năm 1963 tại đây có đông đủ gia đình, Cựu Hoàng và các hoàng tử, công chúa tham dự. Trong số hoàng gia hiện diện, hôm ấy còn có mặt Công chúa Như Lý với tên theo hoàng gia là Princesse d' Annam, con gái của vua Hàm Nghi, do Vua Hàm Nghi chọn cho cánh họ của ông. Công chúa Như Lý có chồng là Công tước Labesse. Hai người sống ở lâu đài ngang nghĩa trang ở phía bên kia đường, cách nhà Bà Nam Phương lối 500 m mà hai bên không bao giờ gặp nhau cho tới ngày Bà Nam Phương mất. Vua Hàm Nghi lập gia đình với con gái của Toàn quyền Pháp ở Algérie có ba người con: Công chúa Như Mai, Như Lý và Hoàng tử Minh Đức. Tất cả đều lấy tên d' Annam như Hoàng tử Minh Đức d' Annam (Le Prince Minh Đức d' Annam).

Năm 2004, Công chúa Như Lý mất, an táng tại mộ phần của gia đình Labesse là một ngôi nhà mồ kiên cố và cao lớn nhất trong nghĩa trang của làng Chabignac, nơi Bà Nam Phương an nghỉ. Công chúa Như Lý nằm ở phía trái từ cổng vào, Hoàng hậu Nam Phương nằm một mình bên mặt của nghĩa trang. Cách nhau theo chiều ngang chừng 50 m. Không biết giờ đây hai Bà đã gặp nhau chưa?

Thầy giáo Christian Bouzon cho chúng tôi biết có ý định hợp tác với Hội thân hữu Pháp-Việt Bordeaux tổ chức lễ tưởng niệm 50 năm ngày Nam Phương Hoàng hậu mất, đồng thời cũng là kỷ niệm Bà được 100 tuổi vào năm 2013.

Cơ ngơi của Hoàng hậu đã một lần bán lại cho một người Ý khai thác chăn nuôi. Nay nghe nói người chủ này đang muốn bán lại. Trong bạn đọc, có ai muốn mua lại cơ sở này để ở vừa làm ruộng, chăn nuôi. Một nơi yên lành, dân làng dễ thương, tử tế vô cùng.

Cỏ May sẵn sàng hướng dẫn đi tới đó, không nhận huê hồng.

Phụ đính I:

Đông Dương bách tuế: 1856 – 1956: lãnh thổ và con người

Chương trình triển lãm đầu tiên về «*Đông Dương, lãnh thổ và con người, 1856 – 1956*» vừa khai mạc và sẽ kéo dài từ ngày 16/10/2013 tới 26/01/2014 tại Viện Bảo tàng Quân đội ở Paris. Nói đây là lần đầu tiên về Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam, vì năm rồi, cũng tại đây, có tổ chức một cuộc triển lãm về Algérie, một xứ thuộc địa cũ của Pháp, từ 16/05 tới 29/07.

Chương trình triển lãm làm sống lại những sự việc về chánh trị, kinh tế, xã hội của Algérie suốt thời gian dài 132 năm bị Pháp chiếm đóng và cai trị . Những điều này được nhắc lại khá trung thực nhờ công trình tập hợp 271 sử liệu như tranh ảnh, văn kiện, sách vở, báo chí phát hành trong thời gian đó . Chọn thời điểm năm 2012 để tổ chức triển lãm, có lẽ chánh quyền pháp muốn kỷ niệm 50 năm ngày ký Hiệp định Evian cho Algérie thu hồi nền độc lập.



Ảnh do tác giả cung cấp

Còn tổ chức triển lãm 100 năm Đông Dương vào lúc này, chánh quyền Pháp nhằm mục đích gì? Pháp muốn trở lại Việt Nam như Đài RFI (Thụy My) viết nhơn đưa tin về lễ khai mạc triển lãm Đông Dương «*Nước Pháp trên con đường tài chinh phục Việt nam. Bốn mươi năm sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt nam, Pháp đang cố gắng giành lại thị phần tại thuộc địa cũ ...*»?

Về mặt quan hệ giữa hai nước, Trung tá Christophe Bertrand đảm trách tổ chức triển lãm nhận xét: «*Lịch sử giữa Việt Nam và Pháp là một lịch sử phức tạp, phong phú và thú vị (...) được đánh dấu bằng những cuộc chiến dai dẳng và những dịp hội ngộ bị bỏ lỡ ... Đối với Việt Nam, sự hiện diện của Pháp chỉ là một đoạn ngắn trong lịch sử. Ngày nay đã thay đổi kỷ nguyên, chúng ta đang trong giai đoạn bành trướng về kinh tế*».

Pháp có thêm một lý do nữa, có tính cơ hội, muốn trở lại Việt Nam. Phải chăng nay Chánh phủ xã hội pháp của T.T Hollande, vốn cũng là người thích khôi hài, tuy nay không còn khôi hài nổi nữa, đã cảm thấy dễ chịu, quên đi quá khứ ê chề của Điện Biên phủ, bắt tay ông Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vì Ông Nguyễn Tấn Dũng đã biết làm hề trong buổi họp báo với Ông Thủ tướng Ayrault nhơn chuyến viếng thăm của ông ấy hồi cuối tháng 9/2013?

Đông Dương 100 năm được tổ chức trong Viện Bảo tàng Quân đội, 129 đường Grenelle, Paris VII, tức trong lâu đài Invalides. Vì trong Invalides còn dành cho Viện Bảo tàng Lịch sử Giải phóng, Lịch sử cận đại và Văn miếu giữ hài cốt Nả-phá-luận Đại đế I.

Hôtel des Invalides

Nhơn nói về Hôtel des Invalides, tưởng cũng nên để ý đến cách của Tây gọi các trụ sở công quyền không giống ai cả. Họ dùng tiếng Hôtel nhưng Hôtel không có nghĩa thông thường là «Khách sạn» . Dinh Thủ tướng là Hôtel Matignon. Cơ quan Thuế vụ là Hôtel des Impôts. Bót Cảnh sát là Hôtel de Police. Và chỉ có Hôtel này là dành cho khách được cảnh sát mời tới ngủ qua đêm, được hoàn toàn miễn phí, có cả ăn uống, trong vài ngày. Cũng cách gọi này, trước 1945, Tòa Đô chánh Sài gòn là Hôtel de Ville được người Việt Nam dịch ra là Dinh Đốc lý. Ngày nay, ở Paris, Tòa Đô chánh hay Tòa Thị xã Paris vẫn gọi là Hôtel de Ville. Cũng như tất cả các Tòa Thị xã trên toàn nước Pháp.



Hôtel des Invalides

Hôtel des Invalides là một tòa nhà đồ sộ tọa lạc trên Đại lộ Invalides, thuộc Quận VII của Thành phố Paris, nơi đặt Viện Bảo tàng Quân đội nên cũng là nơi tổ chức lễ vinh danh những chiến sĩ hy sinh cho nước Pháp khi đưa linh cữu hồi hương.

Hôtel des Invalides do vua Louis XIV cho thành lập bằng Chiếu chỉ ban hành ngày 24 tháng 2 năm 1670 và qua năm 1676 mở cửa làm nơi dành cho thương binh và quân đội của nhà vua. Louis XIV được biết là Vua Mặt Trời. Ông để lại cho đời sau câu nói thời danh «Nhà nước là ta». Cộng sản hà nội học lóm được, xác định chế độ của họ đang cai trị Việt Nam «Nhà nước là đảng». Từ xa nhìn, người ta sẽ nhận ra Hôtel des Invalides nhờ nóc tháp bầu tròn cao vút màu vàng óng ánh. Vừa tới trước cổng, dọc theo bờ tường là một hàng đại bác đen ngòm nằm thẳng tắp như đón chào khách. Qua khỏi cổng, bên trong bờ tường, trong sân, cũng đầy những khẩu đại bác ngắn, dài, đủ cỡ. Tất cả đều còn trong tình trạng tốt nhờ được bảo quản kỹ vì đó là những chứng tích lịch sử Pháp từng là một đế quốc hùng mạnh suốt nhiều thế kỷ.

Cỏ May ngắm nhìn những khẩu đại bác mà không biết khẩu nào đã nã đạn vào Đà Nẵng để sau đó Việt Nam thất thủ, trở thành thuộc địa của Pháp kéo dài 100 năm. Và năm 1954, rồi tháng 4/1975, cộng sản Hà Nội tiếp thu Việt Nam, thay thế Pháp, tiếp tục chính sách thực dân ác ôn hơn Pháp nhiều lần. Thông thường khi cai tù độc ác bị thay thế, thì cai tù mới, rút kinh nghiệm, phải ác độc hơn để có thể bảo vệ ngôi vị cai tù lâu dài hơn.

100 năm: lãnh thổ và con người



Chân dung Hoàng tử Cảnh tại triển lãm

100 năm : lãnh thổ và con người

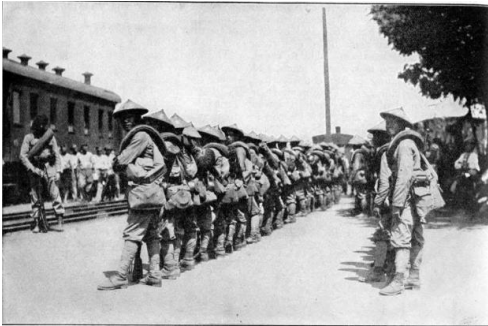
Triển lãm chiếm 2 phòng lớn trên lầu 3 của Viện Bảo tàng Quân đội .



Phòng 1 dành trưng bày những sử liệu liên quan tới giai đoạn đầu Pháp chiếm Việt nam (1858 – 1907): từ những bước chơn đầu tiên qua khỏi Ấn độ tới thành lập Đông Dương thuộc Pháp.

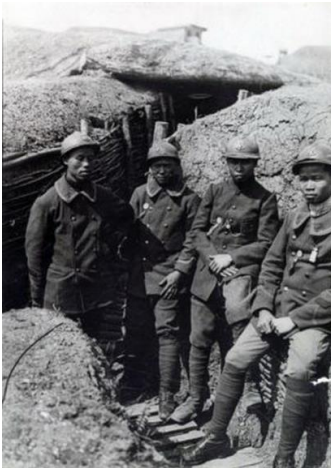
Lính Việt thời Đệ Nhất Thế Chiến

Phòng 2 dành cho Đông Dương, tức Đông Dương của Pháp (1907 – 1956).



Lính Việt thời Đệ Nhất Thế Chiến

Khi nói Đông Dương, người ta thường hiểu đó là 3 quốc gia thuộc Pháp: Việt nam, Cao mên và Ai-lao, khác với Đông dương là 5 nước nằm giữa Ấn-độ và Trung hoa : Việt, Mên ,Lèo, Thái, Miến. Phần hai này nhắc lại giai đoạn cuối trào của Đế quốc pháp ở Viễn đông và trọng tâm của thuộc địa đông dương.



Lính Việt thời Đệ Nhị Thế Chiến

Chương trình triển lãm tập hợp được 380 mẫu vật trong đó có những sử liệu lần đầu tiên được đem ra trưng bày. Tất cả đánh dấu khá rõ nét 100 năm quân đội pháp hoạt động ở Đông Dương và chấm dứt ở trận Điện Biên phủ vào năm 1954.

Vị trí Việt Nam trong địa phương được nhìn nhận là một vị trí chiến lược bởi bán đảo đông dương nằm ở chỗ giao lưu giữa Ấn độ và Trung hoa nên từ thế kỷ XVI không tránh khỏi khêu

gợi tham vọng về quyền lợi của người Âu châu. Những trao đổi thương mại với bán đảo đông dương bắt đầu với người Bồ-đào-nha, tiếp theo vào thế kỷ sau, với người Hòa-lan và người Anh. Người Pháp tới vào thế kỷ XVII theo kế hoạch tôn giáo, tìm nơi tiếp tế cho đoạn đường giữa Ấn độ và Trung hoa cho Công ty Hàng hải Đông Ấn của họ. Giáo hoàng Vatican ra lệnh Dòng Tên và những thừa sai của Phái bộ hải ngoại qua miền đất xa xôi này truyền giáo cho dân địa phương và đào tạo một đội ngũ giáo sĩ người bản xứ.



Pháp chiếm Bắc Ninh & Sơn Tây

Trước khi Pháp đặt chân tới miền đất Đông Dương, ba nước này gồm nhiều sắc dân thiểu số nên có nhiều khác biệt về sắc tộc và ngôn ngữ, văn hóa. Mỗi quan hệ cũng chênh lệch. Hai nước Miên và Lào còn bị Siêm-la (Thái-lan) đô hộ trong lúc đó, Việt nam nằm trong ảnh hưởng văn hóa chánh trị trung hoa.

Trong quá trình chinh phục, Pháp đã phải mất 40 năm thiết lập sự đô hộ ở Viễn-Đông, mặc dầu bị những thay đổi chế độ ở chánh quốc và những diễn tiến chánh trị ở địa phương. Sau chiến tranh nha phiến (1839 – 1841), Pháp tăng cường lực lượng hải quân trên Nam hải. Từ năm 1840, Hải quân pháp, để củng cố vị trí của mình trên vùng biển này, chủ trương phải can thiệp vào Việt nam .



Áo triều TĐ Nguyễn tri Phương

Pháp chiếm Việt Nam làm hai lần. Trước tiên, từ năm 1856 tới 1867, Hải quân của Hoàng đế Napoléon III tiến chiếm Miền Nam Việt Nam, đặt tên vùng đất này là Nam kỳ (Cochinchine), sau đó, mở rộng qua tới Cao-Miên . Kế tiếp, từ năm 1873 tới năm 1897, Pháp hưởng ứng theo

áp lực của nhóm quyền lợi kinh tế, say xưa với hào quang Pháp là một Đế quốc hùng mạnh và thiết tha với sứ mạng đem lại văn minh nên gởi qua một đạo quân viễn chinh tiến chiếm và bình định Miền Trung và Miền Bắc Việt Nam. Pháp đã phải đối đầu trên bộ và trên biển với Trung hoa.

Năm 1887, Pháp làm chủ vùng này gồm Nam kỳ là thuộc địa, Trung kỳ hay xứ An-nam, Bắc kỳ và Cao-mên là 3 xứ Bảo hộ. Năm 1893, chiếm Lào . Năm 1907, dưới áp lực quân sự của Pháp, Siêm trao trả lại cho Miên hai tỉnh. Nhưng phải tới sau Đệ I Thế chiến, Pháp mới thật sự «bình định» được vùng này.

Đất nước trở thành lãnh thổ Đông dương thuộc Pháp, làm mất chủ quyền quân chủ lâu đời của Việt Nam, nên giới nho sĩ và một bộ phận lớn nông dân đứng lên chống lại nhà cầm quyền Pháp. Cuộc kháng chiến yêu nước kéo dài, dai dẳng. Nhưng đặc tính yêu nước và chánh trị của những phong trào phản kháng võ trang này bị nhà cầm quyền thực dân cho là những hành động thảo khấu. Thực dân Pháp không ngần ngại dùng võ lực đàn áp thẳng tay.

Sứ mạng khai hóa của Pháp được họ vận dụng để giải thích lý do đô hộ của họ và sự bất bình đẳng giữa người Âu châu và người bản xứ. Năm 1910, đội ngũ thực dân cai trị Việt Nam chỉ có 20 000 người. Ba phần tư sanh sống tại những thành phố lớn như Sài Gòn, Chợ Lớn, Hà Nội. Vì vậy, hành chánh và quân đội phải tuyển dụng dân bản xứ nhưng những chức vụ chỉ huy hay quan trọng đều do người pháp nắm giữ.

Đối phó với những phản kháng của những phong trào tranh đấu ái quốc của dân chúng Việt Nam, Toàn quyền Albert Sarraut vừa dùng cảnh sát và quân đội đàn áp, vừa thiết lập một chánh sách mới kết hợp những phần tử ưu tú của Triều đình An nam vào phục vụ nhà cầm quyền thực dân. Nhưng chánh sách này không thật sự thành công và nhất là không giúp mở rộng đời sống chánh trị quốc gia.

Trong những năm 1930, cộng sản ra đời ở Việt Nam, tìm cách khai thác có lợi cho phong trào cộng sản quốc tế, sự bất mãn của giới nông dân, từ điền chủ tới tá điền đều khổ đốn do hậu quả nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1929.

Nhật Bản đầu hàng đồng minh. Hoàng đế Bảo Đại thoái vị. Chánh trường Việt Nam trở thành một khoảng trống vô chủ. Cộng sản Việt minh của Hồ Chí Minh xuất hiện «cướp chánh quyền» và ngày 2/9, tuyên bố Độc lập, thiết lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ở Pháp, dư luận chánh giới và cả dân chúng bị chia rẽ giữa sự thờ ơ và sự bất mãn theo đuổi chiến tranh, còn nhà cầm quyền thì muốn tìm lối thoát trong danh dự.

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, Điện Biên phủ thất thủ. Ngày 21 tháng 7 năm 1954, Thủ tướng Pháp, Ông Pierre Mendès France, tại Hội nghị Quốc tế Genève, ký Hiệp ước đình chiến và chấm dứt chiến tranh, chia nước Việt Nam làm hai ở vĩ tuyến 17. Cũng chấm dứt sự có mặt người Pháp ở Đông dương.



Có một chi tiết khách thăm viếng triển lãm là người Việt Nam không thể bỏ qua là chữ Đông Dương, các chữ Đông đều được viết theo mẫu tự chữ việt nam, tức chữ Đ có gạch ngang.

Một chi tiết vô cùng thú vị!

Paris-Hà Nội trong những ngày tới

Để tỏ dấu hiệu hòa hoãn giữa hai nước, lợi dụng khi Ông Võ Nguyên Giáp chết thật sự, Ông Laurent Fabius, Tổng trưởng Ngoại giao của Chánh phủ xã hội của Ông Tổng thống Hollande, không ngần ngại tuyên bố công kênh Ông Giáp lên thành “một con người ngoại hạng”, “người yêu nước vĩ đại của cộng sản Việt Nam”. Trong lúc đó, cựu chiến binh pháp lên án Tướng Giáp đã không thi hành qui ước Genève về tù binh, làm tử vong cả hai mươi ngàn tù binh Pháp. Một thứ tội ác chống nhân loại.

Ông Tổng thống Hollande sẽ qua thăm viếng chánh thức Việt Nam vào năm 2104.

Ngày nay, Pháp không còn là nhà đầu tư hàng đầu ở Việt nam vì địa vị này đã bị Huê kỳ, Nhựt bản, Đại hàn và Tàu chiếm giữ từ năm 2011.

Trong năm 2012, Pháp xuất cảng vào Việt Nam trị giá 615 triệu đô-la nhưng nhập cảng từ Việt Nam lên tới 2, 69 tỉ.

Những quan hệ thuận lợi về lịch sử, chánh trị với Việt Nam vẫn chưa có thể cải thiện những trao đổi kinh tế. Trong việc ký kết Hiệp định đối tác chiến lược Pháp-Việt vào cuối tháng 9 vừa qua, người ta nghĩ quan hệ kinh tế giữa Paris và Hà Nội sẽ khởi sắc hơn.

Paris hy vọng sẽ bán được cho Việt Nam nhiều máy bay Airbus 320, sẽ đầu tư về ngành khí đốt, xây dựng hạ tầng cơ sở, khai thác kỹ thuật cao, nông nghiệp và y tế, mở ngân hàng mới

...

Những nhận xét lạc quan trên dẫn tới kết luận: « Các dấu hiệu cho thấy băng giá đã bắt đầu tan nhưng chỉ mới là bước đầu, còn rất nhiều việc phải làm trong thời gian tới ».

Nhưng có những việc phải làm mà Chánh phủ Pháp không thể làm được để việc làm ăn của Pháp có kết quả tốt là bộ máy độc tài, tham nhũng, kim kẹp nhân dân của đảng cộng sản, trước hết, cần phải được tháo gỡ sạch sẽ!

Hòn ờ đâu bây giờ ?

Hay: Mảnh đất Đông Dương cuối cùng trên đất Pháp



Lính Việt trên đất Pháp

Cụ Nguyễn Văn Thành, Cỏ May có nhắc trong bài trước, là một trong 20 000 người bị nhà cầm quyền thực dân Pháp ở Việt Nam cưỡng bức vội vàng qua Pháp để lao động không lương phục vụ cho Nhà nước Pháp.

Những người này bị Nhà nước Pháp liên tục từ trước Đệ II Thế chiến tới nay quên lãng một cách vô cùng tự nhiên. Gần đây có nhà văn, nhà báo, nhà làm phim, sinh viên làm Tiểu luận Cao học và Luận án Tiến sĩ, lần lượt nhắc lại và đặt vấn đề trách nhiệm với Nhà nước Pháp. Nhiều buổi hội thảo, thuyết trình được tổ chức tại những địa điểm nơi những người Đông Dương này đã ở qua, làm việc trước kia, để vực dậy trí nhớ của những người trách nhiệm. Và đồng thời cũng nhằm giúp những thế hệ sau này có những thông tin về thân phận của họ.

" *Công Binh, đêm Đông dương dài* " (Công Binh, la longue nuit Indochinoise) là một cuốn phim do Lâm Lê thực hiện để nhắc lại những người lính thợ Đông Dương trong đó có người cha của tác giả và một số ít hiện diện như những nhân chứng trong phim hãy còn sống sót ở Việt Nam và ở Pháp ngày nay .

Trước khi Đệ II Thế chiến khai diễn, Nhà nước thực dân Pháp ban hành lệnh cưỡng bách trưng dụng người dân xứ thuộc địa đưa về chánh quốc làm việc như công nhân không chuyên môn (ONS = Ouvrier Non Spécialisé) và không lương tại các xưởng kỹ nghệ chiến tranh. Việt Nam bị nhà cầm quyền thực dân bắt 20 000 thanh niên đưa khẩn cấp qua Pháp để thay thế lính Pháp phải đi đánh giặc. Sau khi Pháp thất trận, những người Việt Nam này bị nhận làm lính nên bị quân Đức và những người Pháp hợp tác với Đức xử dụng. Họ phải sống lưu đày cơ cực dưới thời Đức chiếm đóng. Một số người này là những người đầu tiên trồng lúa theo kiểu Việt Nam ở Camargue.

Ở Pháp, họ bị nhà cầm quyền Pháp bắt làm nô lệ. Về xứ, họ bị Hà nội kết tội là những người phản quốc.

45 ngày tới Pháp

Nhắc lại chính xác ngày 29 tháng 8 năm 1939, Công Báo Đông Dương phổ biến một Nghị định theo đó nhà cầm quyền thực dân Pháp tuyển dụng cưỡng bách 20 000 thanh niên Việt Nam đưa qua Pháp, không phải đi lính, mà làm những công việc không chuyên môn. Mỗi gia đình nào trong làng có 2 con trai tuổi từ 18 tới 45, phải nộp một người nhưng tránh cho con trai trưởng để ở nhà lo việc thờ cúng gia tiên. Nếu nhà nào có con mà không đưa con đi thì người cha phải chịu ở tù. Chánh quyền thuộc địa được lệnh phải kết thúc chiến dịch tuyển người trong vòng 6 tháng. Có nhiều người bị bắt đi không kịp từ giã vợ con.

Nói là 20 000, nhưng con số tới Pháp là 19 550 người trong đó có 6900 người ở Bắc, 10 850 người ở Trung, tức xứ Annam, và 1800 người ở xứ Nam Kỳ thuộc địa.

Họ xuống tàu ở Hải Phòng, Đà Nẵng và Sài Gòn. Và cuộc hải hành của họ thường phải mất 45 ngày. Dĩ nhiên họ bị nhốt trong hầm chở hàng hóa, bị cấm lên boong vì nơi đây có người Pháp và sĩ quan. Họ ngủ cứ 5/6 người trên một sạp gỗ, không nệm, chiều dài 1, 50m. Vì hầm tàu là nơi chở hàng nên không được thiết bị các điều kiện vệ sinh nên mùi hôi bốc lên nồng nặc. Ăn uống, cứ 10 người nhận 1 cái thau thức ăn chia nhau.

Tới Marseille, 75 Đội được đưa tới Baumettes thuộc Quận IX của Marseille ngày nay ở tạm chờ phân phối đi các nơi làm việc. Lúc đó chỗ ở Baumettes vừa mới xây xong, sau này là khám đường của Marseille còn tồn tại tới ngày nay. Ở nhiều trại, công nhân ăn không đủ no vì bị tham nhũng ở khâu cung cấp lương thực. Mỗi người phải tự xoay sở lấy giải quyết cái đói. Mèo, chó lúc đó quý giá vô cùng, ngon hơn thỏ và cừu, cho nên trong phạm vi vài cây số chung quanh, người ta không còn nghe được tiếng mèo ngao, tiếng chó sủa ma nữa.

Nhà nước bảo hộ hay nhà tù

Tháng 6/1940, Pháp thua trận. Vài ngàn trong số công nhơn này được hồi hương. Nhưng từ năm 1941, đường biển Âu châu và Viễn đông bị cắt bởi Hải quân Anh, 14 000 công nhơn này bị kẹt lại ở Pháp. Bộ Lao động Chánh phủ quyết định đem bán những công nhơn này cho các xí nghiệp tư như xưởng dệt, nhà máy luyện thép, xưởng cưa, nông trường, hay cho chánh quyền địa phương để đào cống rãnh, lấp đầm lầy, đốn cây... với giá nhơn công rẻ mạt. Khi mướn công nhơn, người chủ chỉ làm giao kèo với Bộ Lao động, đúng hơn, với Sở nhơn công bản xứ (M.O.I = Service de la Main d'Oeuvre Indigène), trả tiền làm việc thẳng cho M.O.I, tức Cai thầu. Suốt nhiều năm dài, Cai thầu thực dân thu tiền bán nhơn công nhưng lại không trả lại cho công nhơn một đồng xu lớn, đồng xu nhỏ nào hết. Họ làm việc không lương, chỉ nhận được một số tiền phụ cấp bằng 1/10 lương của công nhơn Pháp lúc đó. Họ còn bị bữa đói, bữa no, ngược đãi, chỗ ở tồi tệ, không nước nóng, không sưởi vào mùa lạnh, không được đi lại tự do. Những công nhơn ở lại, không về xứ được do chiến tranh, tập trung ở miền Nam Pháp, trong những trại lớn ở rải rác từ Marseille qua Bordeaux.

Nước Pháp được Đồng minh giải phóng khỏi sự đô hộ của Đức quốc xã nhưng tình trạng của những công nhơn lao động cưỡng bách Việt nam lại không thay đổi. Những đợt hồi hương đầu tiên chỉ được tổ chức vào năm 1948. Và những công nhơn sau cùng về xứ năm 1952, sau 12 năm bị cưỡng bách biệt xứ. Có lối một ngàn người lấy quyết định ở lại Pháp sanh sống. Từ đó, 20 000 công nhơn Việt nam bị cưỡng bách tới Pháp trước Thế chiến để giúp làm chiến tranh giải phóng Nhà nước Bảo hộ tại bốn quốc hoàn toàn bị lịch sử Pháp bỏ quên như thể những người này chưa bao giờ hiện hữu trên đất Pháp. Cũng may, năm 1986, một nữ sinh viên ở Đại học Nanterre làm một Tiểu luận Cao học về thân phận của những người bị bỏ quên này. Qua năm 1996, Ông Lê Hữu Thọ, nguyên Giám thị-Thông ngôn (Surveillant-Interprète) của Đội 35 cho Nhà L'Harmattan, Paris V, ấn hành những kỷ niệm của ông dưới nhan đề " *Lộ trình của một quan lại nhỏ* " (Itinéraire d'un petit mandarin) .

Tiếp theo, nhà báo Pierre Daum, như bị thu hút mãnh liệt bởi hoàn cảnh nghiệt ngã của những người nghèo khổ ở tận Đông dương bị Nhà nước Pháp bỏ quên, bèn lao mình vào cuộc tìm tòi thông tin, nhơn chứng suốt bốn năm liền. Sau cùng, ông cho ra đời được cuốn " *Những người di cư bị cưỡng bách, những người lao động Đông dương trên đất Pháp (1939-1952)* ", do nhà Actes-Sud xuất bản. Tác phẩm của ông đưa ra ánh sáng trang sử thuộc địa đen tối của Pháp. Với sự khuyến khích thêm của Ông Lê Hữu Thọ, Ông Pierre Daum vận động Thị trường Thành phố Arles tổ chức triển lãm và nói chuyện về những người phục vụ nước Pháp bị Chánh phủ Pháp bỏ quên suốt 70 năm dài.

Chọn Thành phố Arles để khơi dậy ký ức của nước Pháp vì chính nơi đây, 70 năm trước, có 1500 người Việt nam được gởi tới làm ruộng muối và ruộng lúa. Họ đã thành công ngoài sự hi vọng với cách làm ruộng như ở Việt nam. Bởi họ vốn gốc nông dân bỗng bị bốc khỏi đồng ruộng đem qua đây. Ruộng lúa Camargue do họ khởi công cày cấy từ những năm 41-45 đã đem lại cho vùng này sự phồn thịnh. Ngày nay, không riêng người dân Camargue ăn gạo cấy gặt từ đây, mà trên thị trường xứ Pháp, gạo Camargue cũng được bày bán rộng rãi. Với nhiều thứ như gạo lứt, gạo trắng, gạo hạt tròn, gạo hạt dài, gạo thơm, gạo đỏ, gạo đen... Cỏ May từ lâu nay ăn gạo Camargue, gạo lứt, gạo đỏ, thay thế gạo trắng Thái lan.

Ăn trái nhớ kẻ trồng cây. Lần đầu tiên, Thành phố Arles, nhờ sự vận động của nhà báo Pierre Daum, hồi tháng 12 năm 2009, tổ chức lễ tưởng nhớ công ơn những người Việt nam đã khó nhọc giai đoạn đầu cày cấy ruộng lúa Camargue nhờ đó mà ngày nay có gạo Camargue. Mà đó lại là điều mọi người không ai biết tới chớ đừng nói nhắc tới.

Trong buổi lễ, trước sự hiện diện đông đảo của dân chúng địa phương và, đặc biệt hơn hết, của mười tác nhơn và chứng nhơn, tức trong số 20 000 người trước kia nay còn sống sót được, ông Thị trường đã chánh thức thừa nhận nước Cộng Hòa Pháp đã có trang sử đen tối đó trong thời làm thực dân.

Gạo Camargue



Ruộng lúa ở Camargue. Ảnh Cỏ May

Trước chiến tranh, năm 1938, Pháp nhập cảng mỗi năm 600 000 tấn gạo từ Á châu mà hết 80% của Việt nam. Pháp thất trận, Đế quốc thực dân cũng bị sụp đổ theo luôn. Chánh phủ Vichy, năm 1941, có sáng kiến xử dụng nhơn công Việt nam những người gốc nông dân chuyên nghiệp để thử trồng lúa ở vùng ngập nước Camargue không khác những điều kiện nước, đất như ở Việt nam. Thế là 225 công nhơn không chuyên môn Việt nam gốc nông dân được gọi tới Camargue. Lúa giống, mua ở Ý.

Những người Việt nam này bắt tay làm ruộng theo cách thức đã từng làm ở Việt nam từ bao nhiêu đời. Năm 1942, mùa gặt đầu tiên trúng mùa: 182 tấn lúa thu hoạch trên 50 mẫu đất canh tác. Qua năm sau, thu được 600 tấn lúa trên 230 mẫu đất. Năm 1944, 2200 tấn lúa thu được trên 800 mẫu đất. Đà sản xuất này kéo dài tới năm 1960. Lúc bấy giờ, người ta làm được 3 mùa. Gạo đạt phẩm chất tuyệt hảo. Người dân Camargue còn nhớ dưới thời bị Đức chiếm đóng, gạo là vàng. 1kg gạo đổi được 50kg xi-măng nên có nhiều người dân Camargue đã trở thành điền chủ giàu nhờ vài mẫu ruộng.

Và một sự khám phá kỳ thú về gạo Camargue do nông dân Việt nam, những người bị lưu đày biệt xứ, khai sanh ra tại đây. Một hôm, nhà báo Pierre Daum vào xem nhà máy chà gạo Lustucru ở Arles nhìn thấy những bức hình nông dân Việt nam, ông bèn tìm hiểu tới và đã khám phá ra lịch sử gạo Camargue ngày nay đang lưu hành trên thị trường. Trong buổi lễ tưởng niệm và tri ơn những công nhơn Việt nam tới đây trước thế chiến và ở lại đây, đem lại cho Camargue, một vùng ruộng lúa phí nhiều ngày nay, ông Thị trưởng Arles tuyên bố sẽ làm bia tưởng niệm những người bạn cao quý Việt nam và đặt tấm bia ấy tại một địa điểm xứng đáng trong Thành phố.

(Kỳ tới Cỏ May sẽ mời bạn đọc đi thăm Cụ Cựu Giám thi-Thông ngôn Nguyễn văn Thành ở Lattes, vùng Camargue.)

Hà Nội bên bờ sông Lot

hay Mảnh đất Đông Dương cuối cùng trên chánh quốc



Ảnh của CAFI

Phần I: Cộng đồng Xã thôn Việt Nam - Như bên trong lũy tre làng

Phòng ăn chỉ kê bốn năm cái bàn cho không quá hai mươi người khách. Đứng ra đây không phải là nhà hàng ăn, chủ quán chỉ làm vài món quen thuộc bán phụ thêm cho khách trong Cư xá (Trại tái định cư Sainte Livrade) như bà con lối xóm. Trước kia, cũng bà Cụ này vừa bán tạp hóa, bên cạnh ngăn ra một phòng nhỏ, với vài ba cái bàn đơn sơ, bán thức ăn Việt Nam cho bà con trong Cư xá như bún riêu, phở, bánh cuốn, ... vài ngày trong tuần vì phòng ốc chật hẹp.

Chúng tôi ngồi vào một cái bàn vừa trống, vừa ăn cơm trưa vừa nói chuyện về nơi đây.

Trong ba người chúng tôi, có hai người đã có dịp biết nơi đây từ khá lâu nên nay trở lại không tránh khỏi có nhiều cảm xúc như người đi xa xứ lâu ngày nay trở về thăm quê cũ.

Nhìn chung cảnh vật không có gì thay đổi đáng chú ý. Nhà cửa, lối đi, ... vẫn như xưa. Duy có người thì hầu hết già đi nhiều.

Những người cùng ngồi ăn trưa trong phòng đều nhìn chúng tôi như theo dõi, nhưng với cái nhìn thiện cảm, sẵn sàng bắt chuyện với chúng tôi. Thỉnh thoảng họ chia sẻ với chúng tôi cái cười vui của chúng tôi. Họ hiểu tiếng Việt Nam tuy mật mây người nào cũng tám chín mười phần trăm là Tây. Không Tây trắng, Tây sạm (gốc bắc phi) thì cũng Tây đen. Chúng tôi chưa ăn xong bữa cơm thì có vài người xoay qua góp chuyện với chúng tôi. Bằng tiếng Việt Nam vì chúng tôi nói chuyện tiếng Việt.

Tất cả đều mang họ và tên ngoại quốc. Năm nay, họ phải vào lối sáu mươi tuổi, tức thế hệ 2 của cha mẹ hồi hương định cư ở đây. Anh Marcel có nước da ngăm ngăm, nói giọng bắc rất Hà Nội. Anh tới đây năm 1956 lúc anh mới lên năm. Hơn năm mươi năm sau, anh vẫn nói được tiếng Việt Nam tuy anh sống trong môi trường Tây nhiều hơn Việt. Tiếng pháp của anh hoàn toàn như người Pháp.

Trong câu chuyện, chúng tôi nhận thấy có một số từ ngữ anh còn giữ nguyên vẹn từ lúc anh đi khỏi Việt Nam. Như “bánh mì”, tiếng mà chúng ta ngày nay dùng quen thuộc, thì anh gọi đó là “bánh tây”. Anh cũng như những người ở đây ai cũng gọi “bánh tây” chớ không có ai biết “bánh mì”.

Bánh tây là tiếng quen dùng ở Bắc và cả ở Hà Nội. Vì đó là thứ bánh của Tây ăn. Còn ta ăn cơm hoặc ăn phở. Trái lại, trong Nam và Sài Gòn, người dân gọi như ngày nay “bánh mì”. Bánh tây để chỉ riêng những thứ bánh ngọt như bít-quy, các loại bánh kem, sô-cô-la, ... Những năm chiến tranh, lương thực khan hiếm, lính Tây ở Sài Gòn ăn bánh mì đen và cứng. Chỉ sĩ quan mới được ăn bánh mì trắng, mềm. Bánh mì đen cứng, dân chúng gọi “bánh mì san-đá” (bánh mì của soldat = lính ăn). Loại bánh mì này chọi chớ bẻ đầu, đem cho dân nhà quê, họ chê. Thà họ ăn cơm nguội với mắm.

Trong lời nói của người ở đây, chúng tôi theo dõi nhận thấy hoàn toàn không có những từ ngữ mới từ sau 30/04/75 du nhập vào. Như vậy, phần lớn, họ không thường về Việt Nam nên không tiếp thu tiếng nói ngày nay. Tiếng Việt mang theo từ năm 1956, trao đổi chỉ trong không gian thu hẹp Sainte Livrade, nên không có điều kiện tiến hóa nếu không bị mai một đã là may mắn lắm rồi. Cũng như tiếng pháp ở Canada, từ cách phát âm tới một số từ ngữ thông dụng cũng không giống như tiếng pháp tại Pháp ngày nay.

Những người Việt Nam ở đây, Tây nhiều hơn Việt, qua Pháp năm mới lên sáu, ngày nay đã sáu mươi, sống trong môi trường bị áp lực của chính quyền lúc nhỏ ở Trại, không có lớp dạy tiếng Việt, không được phép nói chuyện với nhau tiếng Việt, mà vẫn còn giữ được một thứ tiếng Việt khá trong sáng. Có phải đây là những tấm gương sáng gìn giữ tâm hồn Việt Nam không?

Hôm ấy, ngoại trừ gia đình du khách người Anh ngồi ngang chúng tôi, tất cả đều nhìn về phía chúng tôi để nói chuyện. Mỗi người đem lại cho chúng tôi một chút của Sainte Livrade làm cho câu chuyện về Sainte Livrade thêm đậm đà. Bỗng chúng tôi ngưng ngang câu chuyện để lắng nghe câu hỏi của cô đầm, cháu nội bà chủ quán:

- “Chả bò” hay “chả bớ”?

Chúng tôi ngạc nhiên vì không hiểu câu hỏi của cô bé. Một anh ngồi ở bàn bên cạnh cười và giải nghĩa cho chúng tôi:

- Con nhỏ cháu bà Gontran nói tiếng Việt nhưng không hiểu rõ tiếng Việt. Nó không hiểu “bò” là “bóp” của tiếng pháp. Nó tưởng là hai thứ chả khác nhau đấy.

Ở bàn kia, một anh Tây đen – đen thiệt tình – mặc áo thun (T-shirt) đen, trước ngực mang số 333, ngồi ăn tàu hủ nước đường, vừa nhìn mọi người theo dõi câu chuyện. Thấy thái độ đầy thiện cảm của anh, anh bạn chúng tôi bắt chuyện với anh bằng tiếng Việt để thử có đúng là anh hiểu tiếng Việt không?

- Anh mang số 333 không đúng. La-de ở Việt Nam là 33.

- Phải. Tôi biết. Nhưng anh đừng lầm với 35 là con dê nhé.

Tất cả mọi người đều cười lớn vui vẻ.

Người trong Cư xá có thói quen khi đi ngang qua đây, ghé vào quán, gặp chào nhau người quen biết, hoặc ăn cái bánh ú, bánh dầy, miếng kẹo đậu phộng, miếng mè xừng, hay chén chè, chén tàu hủ nước đường, uống tách nước trà nóng. Một điểm hẹn trong ngày của họ.

Chúng tôi hỏi chuyện bà Gontran, chủ quán:

- Thừa bà, từ ngày đi khỏi Hà Nội tới nay, hằng năm bà có về Việt Nam du lịch, thăm viếng họ hàng không?

- Có, cách nay vài năm, tôi có về 2 lần để làm mồ mả. Làm xong hết rồi. Thôi, tôi không về nữa.

- Bà không về du lịch à?

- Không. Tôi thấy buồn khi về lại Hà Nội. Hà Nội không còn nữa. Mọi người xa lạ. Họ ăn nói không giống như chúng tôi ngày xưa. Họ nói chuyện, tôi không hiểu.

Viết tới đây, chúng tôi được tin bà Cụ Gontran, chủ quán, vừa mất hôm tuần trước, sau khi chúng tôi về. Chúng tôi xin có lời chia buồn cùng hơn trăm người con, cháu, chắt của bà và cầu nguyện người quá cố sớm về bên chân Thiên Chúa.

Một vài bà Cụ cùng ở Cư xá, quen biết bà Gontran, bảo nhau khi biết bà Gontran mất: “Bà Gontran mất đột ngột như vậy vì bà là người theo đạo (Công giáo), khi dọn về nhà mới làm quán, không cúng đất đai thổ trạch nên bị những người khuất mặt, họ quỷ. Tiệm quán buôn bán, người vô ra, lui tới, làm động đất đai”. Chúng tôi hỏi thêm vài người nữa hằng năm có thường về Việt Nam không? Họ bảo không về vì họ ở đây như là quê hương. Hà Nội của họ là ở đây. Một Hà Nội nguyên vẹn của trước năm 1956. Vừa Hà Nội bảo hộ, vừa Hà Nội cổ kính của 36 Phố phường. Của ngàn năm Thăng Long!

Anh Marcel hướng dẫn chúng tôi đi một vòng Cư xá để quan sát. Ở đầu một dãy nhà là một ngôi nhà thờ được hình thành từ một căn nhà của dãy Cư xá, cũng với tháp chuông cao vượt lên khỏi nóc nhà. Ở một dãy nhà khác, cũng ở căn đầu là ngôi chùa Phật. Phía trên cửa vào có treo tấm bảng tên ngôi chùa “Quang Minh Tự” bằng chữ Hán.

Tới ngày lễ, ngày vía, chùa và nhà thờ mở cửa cho dân chúng trong Cư xá tới làm lễ, cúng bái. Hàng năm, vào tháng tám, nghỉ hè, bà con ở đây tổ chức ngày hội lớn. Năm nay, ngày hội lớn được tổ chức 3 ngày liền 13, 14 và 15 tháng 8.

Ngày đầu dành cho tiếp đón người tới. Trong năm, mọi người đi làm ăn xa vì tại Sainte Livrade không có công việc làm nên nhân dịp nghỉ hè, họ trở về đây dự lễ. Qua hai ngày sau là lễ chánh. Ngày 14 dành cho lễ ở nhà thờ cầu nguyện cho người chết. Ngày 15, chùa Quang Minh tổ chức lễ cầu siêu báo hiếu mùa Vu Lan do Thượng Tọa Quảng Đạo của chùa Khánh Anh ở Bagneux, vùng Paris, xuống chủ lễ. Sau lễ, bà con Phật tử và cả bà con không Phật tử có mặt tại chỗ cùng nhau chia lễ vật vừa.

Cúng xong người quá vắng. Một hình thức không khác gì đám giỗ hay đám cúng đình ngày xưa trong làng. Dân làng không phân biệt tín ngưỡng tham dự, cùng tổ chức lễ cúng. Lễ xong, mọi người cùng họp nhau lại ăn uống. Sau cùng, ban tổ chức gom góp lại lễ vật đem biếu tặng mang về. Đám giỗ kỵ ở nhà tư nhân cũng giống như vậy. Người được mời tới ăn giỗ không

nhất thiết phải người trong họ. Tiệc xong, gia chủ đem hoa quả, bánh trái biếu người ăn giỗ mang về.

Buổi lễ ở chùa hôm trưa 15/8 vừa qua mang cùng ý nghĩa văn hóa truyền thống dân tộc gốc nông nghiệp, nhưng trong một hoàn cảnh xa quê hương hơn nửa thế kỷ .

Trước đây, sau lễ Phật là lễ tế chư Thánh. Các cụ lên đồng với nhạc lễ, y phục rực rỡ theo từng vị thánh về nhập cốt đồng. Người hầu đồng được phát lộc thánh để phủ hộ mạnh giò, làm ăn may mắn, phát tài. Từ hai năm nay, lễ hầu đồng không còn nữa vì các cụ đã cao tuổi. Năm nay, đặc biệt là lễ cúng cô hồn tháng Bảy, tức lễ tế Thập loại chúng sanh, được Thượng Tọa Quảng Đạo cử hành theo nghi thức Phật giáo, thay vì như bà con làm hằng năm. Lễ cúng nghiêm trang đầy đủ ý nghĩa tôn giáo, nâng cao tín ngưỡng, làm cho bà con Phật tử vô cùng hài lòng.

Trong suốt ba ngày lễ hội, vào buổi tối đều có tiệc vui, với nhiều món ăn thuần túy Việt Nam, với ca vũ nhạc kéo dài tới quá khuya. Ông Patrick Fernand, Chủ tịch ARAC, mời cả người địa phương tới tham dự tiệc vui. Chánh quyền thị xã Sainte Livrade góp màn pháo bông làm cho buổi lễ hội hằng năm của năm nay thêm phần hào hứng. Ngoài chương trình văn nghệ, năm nay còn có chương trình biểu diễn võ thuật Nhu đạo và võ tự do.

Lễ hội truyền thống của đồng bào ở Sainte Livrade, về ý nghĩa, không khác gì lễ Tết ở Việt Nam ngày xưa. Trong năm mọi người trong làng đi làm ăn xa nhà. Ngày Tết, dù ở xa tận đâu đâu, cũng đều kéo nhau về ăn Tết, cúng ông bà tổ tiên với gia đình, với làng nước. Ở Sainte Livrade không chọn làm lễ ngày Tết được vì ngày Tết là ngày trong năm làm việc, không có ngày nghỉ nhiều. Hơn nữa, còn điều kiện thời tiết không thích hợp như mùa hè.

Trong câu chuyện với bà con ở Cư xá Sainte Livrade, chúng tôi có hỏi thăm ở đây từ trước giờ có cán bộ Việt Minh, tức Việt cộng ngày nay, len lỏi vào tuyên truyền, kêu gọi bà con đóng góp tiền bạc cho họ, hay mời bà con về Việt Nam du lịch, tham dự những lễ lạc ở Việt Nam hay không? Bà con cho biết ở đây không hề có Việt cộng lớn, Việt cộng con nào tới.

Chúng tôi ngạc nhiên vì đây là môi trường rất thuận lợi cho việc tuyên truyền của Việt cộng.

Thế tại sao họ không hoạt động? Họ chê chảnh? Bao giờ chó xã hội chủ nghĩa lại chê cú!

Chúng tôi ra về sau gần một ngày như được cơ hội thật sự sống với quê hương Miền Bắc, với Hà Nội, nơi mà chúng tôi chưa có dịp tới. Ở đây chỉ là một Hà Nội thu nhỏ trong một chu vi chỉ hơn 7 mẫu đất, với những dãy nhà lợp tôn xi-măng, buồn thảm vì không cây cối che bóng mát, không có nhà cao cửa rộng, không có hồ Hoàn Kiếm, hồ Trúc Bạch, đền Cổ Ngư, ... nhưng ở đây có đầy ấp tình người. Đói với cả người xa lạ vừa mới tới. Chỉ có chung với nhau một quê hương Việt Nam trong quá khứ. Cửa trước 1956 và cửa trước 1975!

Phần II: Cộng đồng thôn xã Việt Nam

Tino Rossi Hà Nội hay “Ông Già Nuôi Mèo”

Cụ Emile Le Jeune nói, ngày nay, trong lòng Cụ không có giữ hận thù. Có lẽ đúng. Vì Cụ đã qui y theo Phật pháp.

Trong nhà, Cụ thiết lập bàn thờ Phật rất trang nghiêm. Lúc chúng tôi tới thăm viếng bất ngờ tại tư gia, Cụ đang dùng cơm trưa và dường như Cụ ăn chay vì trong bữa ăn chỉ có rau cải mà thôi.

Cụ rất vui vẻ nói chuyện với chúng tôi về cuộc đời của Cụ lúc còn trai trẻ. Vì con quan Tòa Tây, Cụ theo học trường tây Albert Sarraut ở Hà Nội. Và học hết chương trình Trung học Nhưng khi đi lính, Cụ chỉ làm “ông Đội”, tức Trung sĩ hay Trung sĩ nhứt (Sergent hay Sergent Chef) nhưng Cụ nổi tiếng một thời trong giới “trai thanh gái lịch” của Hà thành với biệt danh “Tino Rossi Hà Nội”. Không biết phải vì Cụ đẹp trai hay vì Cụ hát hay?

Có lẽ vì được cái biệt danh Tino Rossi mà khi đi lính, với gia thế lớn như vậy, Cụ chỉ làm tới “ông Đội” thay vì sĩ quan?

Bởi có không ít những người Việt Nam cùng lớp tuổi của cụ, ngày nay còn sống ở hải ngoại, chỉ mới học năm thứ ba (3e Année của Trung học theo chế độ giáo dục Đông Dương Pháp), tức chưa thi Văn bằng “Diplôme” (DEPSI), mà vẫn làm ông Đội thông dịch lúc mới vào lính, rồi làm Sĩ quan lên tới cấp Tá vào năm 1954.

Lại có kẻ gốc Sơn Tây, xuất thân trong giới xe đò, lớn lên vào thuở Tây cuối trào, đi lính Tây, nhờ tài bố lão mà vọt lên tới Tướng Tư lệnh Không Quân ở Sài Gòn trước 75.

Và Ông Đội Emile Le Jeune năm 1956 hồi hương về Sainte Livrade được Chánh quyền Quản lý Trại đề nghị ông đi học làm thợ hồ để có thể tái hội nhập vào đời sống mới .



Ông già nuôi mèo - Ảnh của Thanh Vân

Ngày nay, Cụ Emile Le Jeune có một biệt danh khác, hiền lành, dễ thương vô cùng: “Ông Già Nuôi Mèo”!

Đúng vậy. Tới Trại Sainte Livrade, hỏi bất kỳ ai “Ông Già Nuôi Mèo” ở đâu sẽ được dẫn tới tận nhà.

Chúng tôi, trong câu chuyện với anh Marcel vừa quen nhau trước đó vài giờ, trong quán ăn ở Trại, nghe nói tới “Ông Già Nuôi Mèo”, bèn nhờ anh đưa chúng tôi tới gặp cho biết. Thoạt nghe biệt danh của ông, chúng tôi nghĩ ông là người nuôi mèo cho vui tuổi già và bán lại cho ai muốn mua về nuôi vì ở đây xa cách thành phố nên không có tiệm bán thú vật như chó, mèo, chim chóc, cá kiểng, ...

Trong câu chuyện, Cụ Emile Le Jeune thường lái khách nghe chuyện về với Phật pháp . . . “Đời là vô thường”... Và mỗi khi nói về Phật pháp, Cụ thường nhìn lên bàn thờ Phật như để xác tín những lời của Cụ.

Có lúc Cụ giảng luôn cho chúng tôi nghe ý nghĩa của Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh. Cụ giảng ” ...Sắc tức thị không ...” là ý muốn nói “Cái Có” đó là “Cái Có” ở trên kia, trên cao khỏi cõi thế gian này, tức Đấng Thiên Liêng, là Ông Phật, Ông Trời, ...và cụ vừa đọc lời kinh để dẫn chứng: ” ... *sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ tướng hành thức diệc phục như thị . Xá Lợi tử, thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm, thị cố không trung vô sắc, vô thọ tướng hành thức, vô nhân nhĩ tỷ thiệt thân ý. ...*”

Lúc ra khỏi nhà Cụ Le Jeune, chúng tôi hỏi anh Marcel tại sao mọi người ở đây gọi Cụ Le Jeune là “Ông Già Nuôi Mèo”?

Anh Marcel thuật lại câu chuyện tù Việt minh của Cụ năm 1946 ở Bắc Việt. Lúc cụ bị Việt minh nhốt trong hầm, Cụ chỉ chờ ngày Việt minh tới dẫn đi chặc đầu bằng mã-tấu như những đồng đội của Cụ vì thân phận của Cụ vừa Tây lai, con Quan Tòa với mẹ là hoàng phái. Tức Cụ thuộc thành phần mang nợ máu với cách mạng và nhân dân vì vừa Thực dân, vừa Phong kiến, vừa tiểu tư sản thì thử hỏi làm sao thoát khỏi tử thần Việt minh được?

Bỗng một hôm, Cụ trông thấy một con mèo từ đâu vào chỗ giam Cụ. Khi con mèo bỏ đi ra, cụ bèn men theo con mèo và Cụ nhờ đó mà thoát thân an toàn. Ngày nay, nhớ lại con mèo cứu mạng, khi trông thấy mèo đi ngang qua nhà, Cụ đem thức ăn ra cho mèo ăn. Từ đó trở thành thói quen của mèo. Và có nhiều con mèo rủ nhau tới nhà Cụ xin ăn. Cụ được người trong Trại đặt cho Cụ biệt danh “Ông Già Nuôi Mèo”. Và tên thật Emile Le Jeune của Cụ cơ hồ như bị mọi người quên mất .

Như bên trong lũy tre làng

Hơn hai mươi năm sau, trở lại viếng Trại Sainte Livrade, ngay từ lúc mới tới “cổng trại”, chúng tôi đã được người trong Trại ân cần chào hỏi và sẵn lòng hướng dẫn chúng tôi tìm người muốn thăm viếng. Tình cảm thân thiện này ở đây vẫn không thay đổi.

Chúng tôi nhớ lại lần thăm viếng trước, lúc mới vào, còn đang ngơ ngác ngắm nhìn quan cảnh, bỗng có tiếng người hỏi lớn “Muốn kiếm ai đó?” bằng tiếng Việt rất chuẩn xác. Chúng tôi nhìn khắp nơi để tìm người hỏi mà không thấy vì trước chúng tôi, cách mười thước, chỉ có một người Pháp trạc năm mươi tuổi đang đứng nhìn theo chúng tôi. Thấy chúng tôi ngạc nhiên, ông tiến tới bắt tay chào hỏi chúng tôi và nói chuyện thêm. Cử chỉ, lời nói và tiếng Việt Nam, làm cho chúng tôi có cảm tưởng như mình đang đi chơi tại quê hương.

Tối lại, anh bạn Raymond Huỳnh, chủ nhà cho ăn bắp nướng thoa mỡ hành (dầu hành) thật ngon vì bắp mua tại chỗ nên mềm và ngọt vô cùng. Sáng ra, chúng tôi tới quán tạp hóa của một bà Cụ tóc vấn, ngồi trên góc sạp gỗ bày đầy hàng.

Cửa hàng của bà không có kệ hàng. Chúng tôi mua khoai mì luộc, trên mặt có rắc dứa nạo miếng to và muối mè. Giá khá mắc vì đó là hàng nhập cảng và chuyên chở từ xa tới. Vừa ăn vừa nghĩ cứ ở lại Việt Nam thì tha hồ ăn khoai mì mỗi ngày, khỏi phải mua mắc tiền vì Phường khóm phân phối bù thêm cho đủ khẩu phần gạo.

Ngày nay, trở lại viếng thăm, chúng tôi vào cửa hàng trong một tòa nhà mới xây cất xong, khang trang và khá rộng lớn. Nhiều mặt hàng, từ thực phẩm khô như bún, bánh phở, đồ hộp, mì gói, nước mắm, ... tới các loại rau cải, hoa quả địa phương như lê, táo, hoa quả nhập cảng từ Á châu như xoài, bưởi, rau thơm, ... tất cả bày trên kệ hoặc trên mặt tủ hàng.

Vì tới vào buổi trưa nên chúng tôi tìm mua vài thứ để ăn trưa. Chúng tôi nhìn trên quầy hàng thấy có vài loại xôi, bánh khúc, bánh ú, bánh tét, bánh dày, chả lụa. Từ hôm đi hồi đầu tuần cho tới hôm nay là cuối tuần, chúng tôi ăn chay nên hôm nay muốn giữ ăn chay luôn cho trọn đạo? Chúng tôi hỏi bà đầm đứng sau quầy có thứ xôi nào không có thịt không? Bà nhìn chúng tôi vừa hỏi phải chúng tôi muốn ăn chay không?

- Phải. Chúng tôi ăn chay.

- Vậy chúng tôi làm cơm chay cho. Ăn cơm nóng ngon hơn.

Chúng tôi bắt chuyện hỏi thăm. Trước kia, chúng tôi có biết một bà Cụ người Việt Nam miền Bắc, đầu tóc vấn, có một cửa hàng tạp hóa...

Bà đầm reo lên với tiếng cười vui vẻ trả lời chúng tôi đó là mẹ chồng của bà và bà bảo bà ấy đang có ở đây, vừa gọi bà tới nói chuyện với chúng tôi.

Một bà Cụ nay tuy già nhưng trông còn khỏe mạnh, nhanh nhẹn, tươi cười niềm nở chào chúng tôi.

Đúng là bà mà chúng tôi đã gặp và mua khoai mì ở quán của bà cách đây hơn hai mươi năm.

Bà giới thiệu bà đầm đứng bán hàng vừa nói chuyện với chúng tôi là con dâu, cô bé lai lỏi hai mươi tuổi đứng bên cạnh, phụ bà đầm, là cháu nội. Bà có tất cả 7 người con trai và 7 người con gái, cháu và chắt. Tất cả có hơn trăm người nên bắt chợt hỏi, bà không thể trả lời bằng con số chính xác được.

Bà nói với chúng tôi một cách tự hào là mọi người trong gia đình, rể tây, dâu đầm, cháu tây, cháu đầm, cho tới các chắt của bà, đều nói được tiếng Việt Nam khá rành rẽ. Với giọng Hà Nội trước 1954. Với những từ ngữ cũng của thời ấy.

Và cả nhà sống quây quần với nhau như một xí nghiệp gia đình.

Quả thật. Một người Pháp mặc áo choàng làm việc màu trắng từ trong bếp bước ra với 3 đĩa cơm xào thập cẩm chay đem đặt lên bàn. Cậu bé hơn mười tuổi đem ra khăn ăn, dưa, nĩa, muỗng, ly. Một cô đầm lai mang tới cho chúng tôi một chai nước ướp lạnh. Chúng tôi hỏi chuyện bằng tiếng Việt và được trả lời bằng tiếng Việt khá rõ.

Phần III: Những ngày đầu tới Sainte Livrade



Một góc trại Sainte Livrade

Trên đường về lại Montmorillon từ Toulouse, chúng tôi ghé qua thăm ngôi làng Việt Nam ở Thành phố Sainte Livrade nằm bên bờ sông Lot, thuộc Tỉnh Lot et Garonne. Nói ghé qua chớ thật ra phải nhắm hướng Saint Livrade vì nơi đây không hoàn toàn nằm trên đường về, mà chênh lệch về phía Tây-Nam của Montmorillon. Từ Toulouse đi, chúng tôi mất lối 400 km lái xe.

Cách đặt tên thành phố của Pháp thường dựa trên địa danh. Như Tỉnh Lot et Garonne trong tỉnh có Thành phố nhỏ nơi có ngôi làng Việt Nam mà chúng tôi sắp tới thăm viếng nằm giữa 2 con sông Garonne và sông Lot.

Tên thành phố cũng dựa theo cách đặt tên này: Sainte Livrade sur Lot, tức Thành phố “Sainte Livrade trên sông Lot”. Hoặc người ta lấy một điểm thiên nhiên như rừng, đồi, thung lũng, ... làm điểm qui chiếu để đặt tên thành phố.

Như thành phố Clichy sous Bois có nghĩa là thành phố “Clichy dưới Rừng”, tức thành phố nằm ở bìa rừng hay ở chân rừng, với vị trí thấp hơn tầm cao của rừng. Cách đặt tên này hoàn toàn khác với Việt Nam truyền thống thường lấy nguồn gốc ở lịch sử hoặc ít nhất ở giai thoại địa phương.

Sau 30/04/1975, nhà cầm quyền Việt Nam xoá sạch những địa danh cũ, đổi thành những tên mới, lấy cách đặt tên hành chánh giống như Pháp. Từ đó, chúng ta có Tỉnh Sông Bé, Tỉnh Đồng Nai, ...Hoặc rập khuôn theo Liên Xô như thành phố Hồ Chí Minh.

Vài nét sơ lược về Trại tái định cư

Chúng tôi tới Thành phố Sainte Livrade. Đây là một thành phố nhỏ với 6000 dân. Hơn hai mươi năm sau mới trở lại nên quên đường đi thẳng tới khu gia cư của đồng bào Miền Bắc, chúng tôi phải hỏi thăm ở dân địa phương. Bỗng trông thấy một bà đầm váy ngắn, tay cầm cây chổi chà, chúng tôi vội đề nghị anh bạn bán bánh nhanh nhẹn, bật thiệp, hãy xuống xe tới hỏi đường đi. Bà ấy biết nên trả lời ngay:

- Các ông muốn tìm “căng người Tàu” (Camp des chinois) phải không? Hãy đi dọc theo bờ sông, tới cây cầu nhỏ, quẹo mặt, đi thẳng vài trăm thước, sẽ trông thấy những dãy nhà “tôn” thấp.

Chúng tôi nghĩ “Camp des chinois” này đã có ở đây từ hơn 50 năm qua, thế mà dân địa phương ngày nay vẫn không biết rõ đó không phải là “Camp des chinois”, mà là “Camp des Vietnamiens”.

Đi đúng theo sự chỉ dẫn của bà đầm, chỉ 5 phút sau, chúng tôi trông thấy những dãy nhà “tôn” cũ kỹ, thấp lè tè, so với nhà cửa ở vùng này. Xe vừa đậu vào bóng mát của một tàng cây trước ngõ vào Camp, chúng tôi tiến tới đọc bảng báo cáo của Thị xã về dự án công trình canh tân khu gia cư Sainte Livrade. Bỗng có một chiếc xe chạy ngang qua, quay đầu trở lại gần chúng tôi.

Người đi trên xe, trạc tuổi ba bốn mươi, nét mặt Tây phương, vui vẻ hỏi chúng tôi muốn kiếm nhà ai ở đây. Chúng tôi trả lời là muốn tới thăm lại nơi này.

Chúng tôi được mời hãy vào. Đằng kia có quán bán nhiều thứ Việt Nam. Có cả phở.

Một bạn trong chúng tôi hỏi thăm anh Huỳnh ...Không nhớ tên. Còn ở đây không?

- Đó là Raymond Huỳnh ở ngoài phố, với người em gái tật nguyền. Trước kia ở đây.

Chúng tôi nhận thấy người ở đây lúc nào cũng ân cần, niềm nở, vui vẻ với khách phương xa tới thăm viếng. Hơn hai mươi năm trước, chúng tôi cũng được chào hỏi niềm nở như hôm nay.

Vài nét sơ lược về Sainte Livrade sur Lot

Năm 1954 kết thúc chiến tranh Đông Dương với Hiệp định đình chiến Genève. Miền Nam Việt Nam đón tiếp tái định cư gần một triệu đồng bào Miền Bắc chạy trốn cộng sản. Trong lúc đó, có vào khoảng bốn mươi ngàn đồng bào cũng Miền Bắc, từ bỏ nhà cửa, sự nghiệp, đi qua Pháp “hồi hương”.

Chánh thức, họ là công dân Pháp hồi hương. Trong số đó, có không ít phụ nữ là vợ, vợ góa, con em của quân nhân, công chức người Pháp hoặc người Việt Nam quốc tịch Pháp. Họ chấp nhận đi qua Pháp, tuy quá ngỡ ngàng nhưng phải đi để tránh bị Việt minh trả thù hoặc bạo hành do quan hệ gia đình hay là người phục vụ Chánh quyền thực dân. Tất cả đều mang tội “Việt gian” đối với Việt minh.

Lúc bấy giờ, người dân bình thường lỡ nói một tiếng Tây hay mặc quần áo, đội cái nón,... có viền 3 màu xanh, trắng, đỏ là có thể bị khép vào tội “Việt gian” và bị mổ bụng dòn trấu hay cho đi mò tôm, tức trói tay chân vào sợi dây cột theo cục đá, ném xuống sông. Hơn nữa, đồng bào Miền Bắc còn mang nặng nỗi ám ảnh vụ Cải Cách Ruộng đất rừng rợn đã giết hại không biết bao nhiêu nông dân vô tội ở các vùng “giải phóng” từ năm 1953.

Họ được Chánh quyền Pháp đưa xuống tàu đi qua tới Marseille. Từ đây, họ được phân phối tới các trại tiếp cư sống tạm chờ ngày ổn định đời sống mới.

Các trại tạm cư nằm rải rác ở các tỉnh miền nam nước Pháp trong đó Sainte Livrade là một trại tiếp cư từ năm 1956 còn tồn tại tới ngày nay.

Trại Sainte Livrade gồm 26 dãy nhà đánh số thứ tự theo mẫu tự A, B, C, ... với 300 đơn vị gia cư. Những dãy nhà này đều lợp bằng “tôn xi-măng”, tường gạch mỏng. Những dãy nhà được xếp đầu mặt với nhau, và phía sau cũng đầu đít với nhau. Giữa hai dãy là một khoảng trống làm lối đi.

Những căn nhà gồm từ một phòng ngủ cho tới 4 phòng ngủ. Nước và phòng vệ sinh nằm ở bên ngoài. Sưởi bằng than hoặc củi.

Tình trạng vật chất của trại Sainte Livrade quá tồi tệ như vậy vì trước kia là trại lính. Năm 1939, nơi đây được sử dụng làm nơi cư ngụ cho công nhân người Ý làm việc cho nhà máy thuốc súng ở bên kia bờ sông Lot. Chiến tranh bùng nổ. Nhà máy không hoạt động. Công nhân Ý, một số trở về Ý đi lính. Một số khác ở lại Pháp lánh nạn chiến tranh.

Đến mùa Xuân năm 1956, Chánh phủ Pháp trưng dụng trại Sainte Livrade, tu bổ vội vàng, đón nhận gần 2000 người Việt Nam rời Miền Bắc qua Pháp hồi hương. Lý do và hoàn cảnh của họ đi, phải nói là họ đi tỵ nạn. Đúng, họ là những người Việt Nam tỵ nạn cộng sản đầu tiên trên đất Pháp. Mười năm sau, trại Sainte Livrade đổi tên, trở thành Trung tâm đón nhận người Pháp Đông dương. Ngày nay, trại Sainte Livrade được Chánh phủ chuyển giao cho Thành phố Sainte Livrade sur Lot quản trị.

Từ hơn 50 năm, trại định cư Sainte Livrade, nhìn chung, vẫn không thay đổi. Ngoại trừ hàng rào kẽm gai bao chung quanh trại được tháo gỡ và vài tiện nghi do người chủ cư tự làm lấy như đem nước, vệ sinh vào trong nhà, tăng cường điều kiện sưởi ấm vào mùa lạnh.

Những ngày đầu đến trại

Rời cảng Marseille, xe đưa những người hồi hương về thẳng Sainte Livrade. Tùy theo số người trong gia đình, Ban Quản lý trại cấp phát nhà ở. Quần áo, giường chiếu, các thứ vật dụng cấp phát thiếu trước hụt sau. Đã đau lòng phải rời bỏ quê hương, nay tiếp xúc với thực tế của cuộc sống mới, những người hồi hương càng thấy đau lòng thêm.

Đời sống ở trại do những công chức quản lý. Mà những người này được đào tạo, không phải nhằm làm công tác xã hội, trái lại, để kiểm soát, theo dõi, giam giữ. Trong những năm đầu, trại đặt dưới kỷ luật quân đội. Giống như trại lính và lính ở trại. Mọi ra vào đều bị kiểm soát. Sáng đầu tuần, tất cả người trong trại phải tham dự lễ chào cờ. Tỉnh thoảng, Ban Quản lý trại còn ban hành lệnh thiết quân lực trong trại. Chế độ gặt gao ở trại nhằm nhiều mục tiêu. Như đề phòng dân trại nổi loạn do cán bộ cộng sản trà trộn xúi giục. Nhằm ngấm ngấm làm nản lòng dân trại để họ sớm rời bỏ trại ra bên ngoài sanh sống. Như ngăn cấm dân trại mua sắm TV hay vài trang thiết bị khác.

Phụ nữ phần lớn đều không biết tiếng Pháp và không có nghề nghiệp nên không dám rời trại để lập nghiệp nơi khác. Khi tới trại, tất cả người hồi hương đều không được phụ cấp tiền bạc. Vì lúc bấy giờ, Chánh phủ Pháp chưa có qui chế tỵ nạn. Họ phải đi làm việc trong các nhà máy làm đồ hộp hay lựa đậu cho nhà máy vào hộp hoặc đi hái đậu trong rẫy. Trẻ con cũng đi hái đậu, lựa đậu để kiếm tiền phụ thêm gia đình hoặc mua sắm tập vở, quần áo cho ngày khai trường. Trong trại, về sau, có mở trường Tiểu học. Trẻ con có thể theo học cho tới 14 tuổi. Sau Tiểu học, chúng được hướng dẫn, gần như bắt buộc, chọn nghề theo học. Thường những nghề phải chọn, rất ít nghề thích hợp với người chọn.

Chánh quyền Pháp nhìn những người hồi hương là những người không thể hội nhập vào xã hội Pháp. Đó là những người chỉ cần được cho ăn, cho ở, tức chỉ cần đem lại cho họ một mức sống tối thiểu. Và vì không thể hội nhập với xã hội nên họ phải sống ngăn cách với xã hội. Phải chăng đây chính là lý do khiến trại Sainte Livrade bị Chánh phủ Pháp bỏ quên từ năm mươi năm qua mặc dầu thế hệ hai, ba của lớp người hồi hương đã liên tục, kiên trì tranh đấu để mọi người được thừa nhận là người hồi hương?

Sainte Livrade – Trại cấm Những vết hằn không xóa được



Góc trại Sainte Livrade

Trại tái định cư người pháp Đông Dương hồi hương ở Sainte Livrade, ngay lúc đầu, do Bộ Ngoại giao quản lý. Sau đó, trại lần lượt được tất cả 8 Bộ khác nhau quản lý cho tới ngày nhượng lại cho Thị xã Sainte Livrade.

Từ lúc mới bước chân vào Trại, những người hồi hương bị những viên chức gốc được đào tạo để cai trị dân thuộc địa tiếp tục cai trị. Họ lập lại những thói quen thô bạo trước đây ở Đông Dương. Bà Jacqueline Le Crenn ngày nay còn nhớ rõ “*Họ đối xử với chúng tôi còn kém hơn những thứ không ra gì. Ở tại xứ Pháp hết chiến tranh mà họ tiếp tục thiết quân luật, hạn chế xài điện. Chúng tôi phải chịu đựng như vậy suốt nhiều năm dài mà không hiểu gì cả. Chúng tôi vẫn không nói một lời*”.

Bà Jacqueline Le Crenn nay đã 90 tuổi. Mang tên hoàn toàn Tây vì bà là người lai. Bà vẫn sống trong một căn nhà chật hẹp. Bước vào là nhà bếp, phòng ngủ và phòng khách chung vì bà để dành riêng một phòng làm phòng thờ Phật.

Bà nói với mọi người tới viếng thăm “Tôi đã quen sống ở đây rồi. Và tôi cũng muốn sẽ chết ở tại đây”.

Trước đây ở Việt Nam (Bắc Việt), bà có nhà cửa khang trang. Bà và ông chồng đang dự định mua ruộng đất để lúc về già sống ấm no.

Bỗng chiến tranh đã cướp mất sạch tài sản của bà, cướp luôn cả dự tính của bà. Quân đội viễn chinh Pháp hồi hương. Bà đi theo về Pháp cùng với hàng ngàn người khác. Rồi Bắc vào Nam để chờ lên tàu đi Pháp. Từ Sài Gòn qua Marseille, tàu chạy mất cả tháng trời. Bà nằm dưới hầm tàu, tự nhủ “Thôi hết rồi. Hết tất cả”. Và bà khóc.

Ông Paul Cazes, chồng bà, hồi ở Việt Nam học khá và làm công an. Về Pháp, ông không được nhận vào cảnh sát làm việc lại nghề cũ. Ông phải xin việc trong một xưởng máy và làm công nhân.

Ban ngày, có người không việc làm, đi lang thang dọc theo các dãy nhà. Có người đi vừa ca hát hoặc nói chuyện một mình.

Thiếu niên trong trại vì bị nhốt tù túng cả ngày đêm, không có một sinh hoạt nào giải trí, không được đi học chữ hoặc học nghề nên chỉ sau một thời gian, chúng bị bệnh tâm thần. Ban quản lý trại giải quyết bằng cách đưa chúng nó vào nhà thương tâm thần. Khi ra, tình trạng của chúng nó trầm trọng hơn.

Thật thê thảm cho những năm đầu tiên tới trại mãi cho tới ngày nay, những người lớn tuổi ở đây vẫn không làm sao quên được.

Năm 1999, Thị xã được sự yểm trợ của Chánh quyền Trung ương, đưa ra một chương trình khẩn cấp tái thiết Trại về mặt tiện nghi tối thiểu. Đây chỉ là chương trình nhằm cải thiện cơ sở vệ sinh tổng quát trong lúc chờ đợi Chánh phủ đưa ra một chương trình lớn, toàn diện. Nhưng rồi không có gì mới. Người dân hồi hương ở trại bảo nhau phải chăng vì Chánh phủ thua trận ở Việt Nam nặng nề quá, một thứ chiến tranh bị cả thế giới lên án, mà ngày nay không muốn bỏ tiền ra cho chúng ta?

Riêng bà Vương, có chồng là người Pháp, từ lâu nay không ai nghe bà nói một tiếng nào về mong đợi ở Chánh phủ sẽ giúp đỡ cho đời sống được khá hơn. Bà ở đây nhưng vẫn giữ tập quán xưa. Hằng ngày, ở nhà, bà ăn mặc theo Việt Nam. Bà vẫn bới tóc. Cái búi tóc ở sau ót của bà được chải gỡ gọn đẹp, tuy tóc đã bạc trắng.

Mỗi buổi sáng, bà chậm rãi pha một tách cà-phê sữa đem đặc lên bàn thờ cúng chồng vì ông mới mất. Hai ông bà có với nhau 16 người con.

Trước khi chết, ông thường nói với bà và các con “Của cải duy nhất của tôi, là bà và các con”. Với Chánh phủ Pháp, ông thường nói “Họ phải biết họ nợ chúng ta điều gì. Tôi. Tôi không hề đòi hỏi ở họ một điều gì cả. Chúng ta là những người sống trong cái trại bị bỏ quên”!

Bà Francine Gerlach nay trên sáu mươi, mẹ là người Việt, cha là lính viễn chinh Pháp, nhưng bà chưa bao giờ biết mặt cha, nhắc lại những ngày đầu mới tới thật đau khổ. Ngày nay nhớ lại quả thật là cơn ác mộng hãi hùng.

Người ta sống trong bùn vì đất chung quanh trại là đất bùn. Ác nghiệt hơn là mọi người ở đây bị cấm nói chuyện bằng tiếng Việt, cấm tu bổ nơi ở, cấm mọi mua sắm từ chiếc xe đạp. Mà cấm nói chuyện bằng tiếng Việt không khác gì hơn là cấm hẳn mọi người nói chuyện vì có ai nói được tiếng Pháp đâu!

Những người con lai

Nói trại tái định cư người Pháp Đông Dương, nhưng thật ra ở đây phần lớn là các bà góa phụ và trẻ con mồ côi Việt Nam và lai.

Thời chiến tranh thuộc địa, quân đội viễn chinh Pháp gồm cả người Việt còn quốc tịch Việt và một số lính lê-dương. Riêng người Việt, ngoài số lính, còn có thêm những người làm việc cho bộ máy quân sự và dân chính của Chánh quyền thuộc địa.



*Lính Việt mặc quần áo An Nam
(đội mũ chóp, quần xà cạp)*

Dưới Đệ II Chế, Pháp chiếm Nam kỳ, mở rộng ra Bắc và luôn cả Đông Dương vào thời Đệ III Cộng hòa. Chiến tranh kết thúc dưới thời Đệ IV Cộng hòa. Vì tham vọng của de Gaulle muốn tiếp tục duy trì Pháp là một Đế quốc mà phải bị thất bại chua cay. Nhưng thất bại của Pháp lại di hại cho Việt Nam phải gánh chịu cái thảm nạn cộng sản cai trị đất nước suốt hơn nửa thế kỷ nay. Ông Gilles Manceron, sử gia, nhận định về hiện tượng Trại tái định cư người Pháp hồi hương một cách thấm thía vô cùng: “Trại Sainte Livrade là hiện thân thảm trạng lịch sử thực dân của Pháp kéo dài suốt cả nửa thế kỷ ở ngay giữa lòng xứ Pháp”.

Khác hơn người Việt Nam ở tại Việt Nam dưới thời bị đô hộ, những người ở Sainte Livrade, tuy hằng ngày, lúc ban đầu có chào cờ, hát quốc ca Pháp nhưng không học bài học lịch sử của Trường Jules Ferry dạy dân Việt Nam là “Ông cố nội của chúng ta là người Gô-loa”.

Những người con lai ngày nay trở thành bình thường. Nhưng trước đây, những đứa trẻ lai có khi không do sự kết hợp theo ý muốn của hai người. Khi tới Sainte Livrade định cư theo mẹ, cuộc đời của những người con lai không êm ả như dòng sông Lot. Trái lại đó là lịch sử dài xung đột chủng tộc, văn hóa, tập quán, ... Họ phải sống ngoài lề xã hội mới. Trại tái định cư không xa trung tâm thành phố Sainte Livrade, nhưng chúng không được nhận vào học trường tại đây, được chăm sóc sức khỏe như những đứa trẻ cùng trang lứa khác ở địa phương.

Ngày nay, có những người học giỏi, đang giảng dạy lịch sử, văn chương Việt Nam tại Đại Học, vẫn thắc mắc muốn tìm về cội nguồn của mình. Có người chỉ biết tên họ và quê quán của cha hay mẹ ở Việt Nam. Họ đi Việt Nam, tìm tới quê quán của cha mẹ theo họ biết. Có người tìm được đúng nơi sanh quán, nhưng người xưa đã mất .

Vì quyền lợi

“Chánh phủ phải biết họ nợ chúng ta điều gì? Tôi, tôi không bao giờ đòi hỏi ... ». Những người thế hệ I không kêu ca, đòi hỏi quyền lợi của mình bị Chánh phủ cố tình quên, phải chăng do văn hóa lâu đời tin ở ông Trời có mắt?



Nhà thờ tại Sainte Livrade của những người Pháp gốc Việt "hồi hương"

Con em của họ lớn lên ở đây không chịu im lặng chấp nhận số phận như đã an bài. Năm 2002, sau khi Chánh phủ ban hành một số qui định về quyền lợi cho người Algériens phục vụ Chánh phủ Pháp và người Pháp ở Algérie hồi hương, họ lập Hội “Nhớ Đông dương” để tranh đấu khôi phục quyền lợi chánh đáng của họ và của lớp người trước. Trước tiên, họ đòi hỏi mọi người ở Sainte Livrade, đến từ năm 1956, phải được chánh thức thừa nhận và đối xử như người ở Algérie về.

Hội đòi hỏi Chánh phủ phải trả phụ cấp cho tất cả các gia đình ở Sainte Livrade 30.000 Euros như tiền thiệt hại, nâng tiền hưu trí của góa phụ tính theo mỗi đứa con.

Ông Emile Lejeune, 85 tuổi, cha là người Pháp làm Thẩm phán, mẹ là một bà hoàng tộc, đi lính ở Miền Bắc. Năm 1946, ông bị Việt minh bắt cầm tù 7 năm. Ngày nay, ông còn nhớ ở tù Việt minh, cái chết và cái sống bằng nhau. Nhưng ghê gớm hơn hết vẫn là “tẩy não”. Việt minh chủ trương làm đổi trụy tinh thần của con người để phải chịu khuất phục. Trong số 40.000 tù binh, chỉ sống sót được nhiều lắm là 10.000 người.

Ông sống cùng với bà vợ sau, gốc người Sa đéc, trong một căn nhà giữ nguyên tình trạng cũ. Trong phòng khách, ông treo bức ảnh một chiếc thuyền trong Vịnh Hạ Long, bàn thờ Phật, nón lá, nón cối thuộc địa, mũ lính, ...

Ông nói “*Ngày nay, tôi không giữ hận thù trong lòng. Nhưng tôi buồn. Vì nước Pháp là nước chúng tôi tin cậy, không đón nhận chúng tôi như người Pháp. Mà như những người ngoại quốc. Họ nhốt chúng tôi, kiểm soát chúng tôi, rồi bỏ chúng tôi. Chúng tôi có tranh đấu, cũng chỉ muốn đòi hỏi công bằng, lẽ phải. Đó là Chánh phủ phải nhìn nhận chúng tôi. Thanh thiếu niên, các bà mẹ của những người đã nằm xuống cho nước Pháp*”.

Mảnh đất Đông Dương cuối cùng trên đất Pháp

Về thăm lại Hà Nội

Paris vào tháng 8 vắng dân Parisien vì phần lớn đi Hè ở vùng quê, vùng biển hay trên núi . Năm nay ngày lễ Assomption 15 tháng 8 lại nhằm ngày thứ hai làm cho cuối tuần thêm dài ra nên Paris và các thành phố lại càng thêm vắng hơn .

Năm rồi chúng tôi đi viếng Trung Tâm định cư những người Pháp Đông dương hồi hương sau Hiệp định đình chiến Genève 54 tại Thành phố Sainte Livrade sur Lot không nhằm ngày Lễ Hội

hàng năm của Trung Tâm . Chúng tôi tới chỉ muốn viếng lại nơi mà trước đây, hơn hai mươi năm, chúng tôi đã có dịp tới thăm qua cho biết .

Cỏ May đã ghi lại cuộc thăm viếng thú vị ấy ở năm rồi qua một loạt 6 bài dưới tựa « Hà nội bên bờ sông Lot » . Năm nay, Cỏ May trở lại *Hà nội bên bờ sông Lot* để gặp lại bà con ở đó, vừa theo dõi sự thay đổi nơi đây, vừa tham dự Lễ Hội truyền thống hàng năm tổ chức vào giữa tháng 8 .

Đường đi không khó ...

Từ Paris xuống tới Sainte Livrade sur Lot phải mất lối 600 km lái xe . Vì Pháp đang ban hành chính sách thắt lưng buộc bụng nên Cỏ May chọn quốc lộ và tỉnh lộ, đôi khi đi theo hương lộ để tránh trả tiền « mĩ lộ » vì tiền xa lộ rất đắt, hơn cả tiền nhiên liệu tuy xăng giá 1 euro 50 / lit .

Vì người ở Pháp sống bằng giá sanh hoạt quá mắc mớ như thế mà có người nhìn nhận giá trị kinh tế của người Pháp cao hơn người Mỹ, người Úc tuy về mặt sản xuất có kém hơn .

Vì không dám đi xa lộ nên chúng tôi không đi thẳng tới Sainte Livrade sur Lot mà phải ghé qua nghỉ đêm ở nhà một người bạn ở Thành phố « Núi Người Hồi » . Như vậy chúng tôi chỉ còn cách mục tiêu non 300 km . Sáng hôm sau, người bạn ở « Núi Người Hồi » cùng đi với chúng tôi .

Anh biết rành đường đi ở địa phương vì trước năm 70, anh học ở vùng này và thường len lỏi tới Sainte Livrade để mua rau muống Hà nội và đôi khi, cả Cày tơ Hải phòng nữa .

Lễ Hội truyền thống hàng năm diễn ra vào giữa tháng 8 vì vào tháng Hè « dân làng » trong năm đi làm ăn xa, ngày Hè qui tụ về « cố hương » để đoàn tụ với gia đình, thăm hỏi họ hàng, người làng kẻ nước . Tục lệ này, nếu còn ở Việt nam, sẽ phải được tổ chức vào ngày Tết .

Nhưng ở Pháp không thể tổ chức được vào ngày Tết vì thời tiết không thuận lợi và mọi người đang làm việc .

Lễ Hội ở Trung Tâm hồi cư người Pháp Đông dương năm nay cũng như các năm trước diễn ra suốt 3 ngày, từ Thứ Bảy 13, Chủ Nhật 14 và Thứ Hai 15 tháng 8 . Khai Hội hôm Thứ Bảy bằng Lễ tôn giáo : Lễ ở ngôi Quang Minh Tự và ở ngôi giáo đường Các Thánh Tử Đạo Việt nam . Chùa và Nhà thờ là 2 căn nhà ở đầu dãy nhà trong Trung Tâm . Trước đây có một ngôi Đền Thánh như ngôi đình làng dành để thờ các Chư Thánh và tới kỳ cúng, các Cụ tổ chức hầu đồng giống như lúc còn ở Miền Bắc Việt nam . Từ vài năm nay, việc cúng lễ này tạm ngưng vì các Cụ hầu đồng lớn tuổi mà chưa có người thay thế . Nghe đâu, năm tới, chương trình xây cất xong những dãy nhà mới thay thế những dãy nhà cũ có từ trước Thế Chiến, những nơi thờ tự sẽ được làm lớn rộng ra, người ta sẽ tổ chức lên đồng tại Đền Thánh như trước kia . Con gái của Bà cụ Cazes sẽ nối nghiệp Bà mà đảm trách việc hầu đồng . Hiện nay, Đền Thánh tạm đưa về tư thất Bà Cụ thờ phượng. Tuy thờ ở tư thất, việc tổ chức thờ phượng rất chu đáo .

Hàng năm vào tháng giêng, tháng 7 và tháng chạp, Bà Cụ Cazes đều có tổ chức lễ cúng và có lên đồng cho các cụ quen biết chừng hơn mười người đến hầu đồng . Bà Cụ năm nay đã 89 tuổi nên không còn ngồi đồng được . Bà chỉ làm lễ khai Phủ, rước chư Thánh .

Từ năm 56 được Chánh phủ Pháp đưa cả gia đình qua định cư ở đây, Bà Cụ Cazes chưa trở về Hà nội . Bà có 17 người con . Người con gái lớn của Bà năm nay 67 tuổi và cậu con trai út được 42 tuổi . Con, cháu, chắt của Bà tất cả hơn một trăm người mà Bà không thể nhớ chính xác là bao nhiêu . Bà Cụ vẫn còn minh mẫn, nói chuyện mạch lạc . Theo Bà vì nhờ hầu đồng mà Chư Thánh phù hộ nên bà được sức khỏe sung mãn và tâm thần tỉnh táo .

Bà tiết lộ với chúng tôi một việc hệ trọng là Chánh quyền Sainte Livrade khi xây cất lại cư xá đã phá bỏ những dãy nhà cũ, không đúng với nguyện vọng của các Cụ, lớp người lớn khi tới tái định cư ở đây . Họ muốn Chánh quyền chỉ chỉnh trang lại cho chắc chắn, đủ tiện nghi, mà không thay đổi kiến trúc, nên đêm Bà thấy các Cụ hiện về buồn phiền với Bà . Chuyện các cụ đêm hiện về buồn phiền xảy ra từ lúc công trường xây cất dựng lên cho tới ngày nay .

Lễ Hội làng

Ngày đầu là lễ nhà thờ, cơm trưa với các món ăn thuần túy Việt nam . Có thêm gian hàng bán các món ăn Việt nam cho khách tới trễ hoặc không kịp đặt chỗ trước . Tối đến, ca nhạc ở sân khấu ngoài trời và khiêu vũ . Hôm thứ hai, 10 giờ sáng làm lễ ở chùa . Sau lễ có phát quà cho mọi người có mặt tham dự lễ không khỏi làm nhớ lại lễ cúng Rằm tháng bảy ở Việt nam . Cúng xong, người ta phát quà bằng các thứ bánh : bánh cấp, bánh cúng, bánh bò, bánh qui, bánh chuối, trái cây,... cho phần đông là trẻ con, gọi là « xả giàn » hay « phá giàn » . Buổi chiều, Đại diện Ban Tổ chức hướng dẫn khách đi thăm viếng Trung tâm với lời giải thích rõ từng chi tiết .

Anh Robert, người trước kia ở đây, chỉ cho chúng tôi xem vài căn nhà trong những dãy nhà của Trung tâm, dân tại đây vẫn còn quen gọi « Căn » (Camp = Trại) có mái nhỏ che cửa ra vào và bãi cỏ rào lại trong lúc những căn nhà khác không có những thứ này . Đó là nhà của nhơn viên quản lý Trại . Họ được nhiều quyền lợi mà những người hồi cư bình thường không thể có được . Hơn nữa những gia đình hồi cư hằng ngày cơm không đủ ăn vì trợ cấp quá thấp . Đàn bà và trẻ con phải hái đậu, lật đậu để kiếm thêm chút tiền phụ thêm bữa ăn hằng ngày . Nước xài, vệ sinh, ...chung cho cả dãy nhà đều ở bên ngoài. Sưởi không đủ ấm nên vào mùa lạnh, mọi người ở trong nhà đều phải mặc thêm áo lạnh như lúc đi ra ngoài . Chiều đến, ca nhạc, vũ ngoài trời . Chúng tôi theo đoàn người vào viếng nhà thờ . Chúng tôi dừng lại trước tượng Đức Mẹ cùng với nhiều người, có cả người Pháp để xem ảnh Đức Mẹ và cái khung ảnh có viền màu cờ Việt nam . Anh Daniel, người hướng dẫn, chỉ cho mọi người biết đây là cờ Miền Nam Việt nam, khác với cờ đỏ sao vàng của Miền Bắc . Chúng tôi vội nói « đây là cờ Việt nam từ Bắc tới Nam có từ lúc cờ đỏ sao vàng còn ẩn núp trong rừng rậm ở Bắc Việt và đã được hơn ba mươi quốc gia nhìn nhận » .

Qua ngày thứ ba, có nhiều cuộc chơi cộng đồng rất vui đầy hứng thú cho đông đảo khán giả như biểu diễn võ thuật, bóng chuyền, múa lân, thi đánh quả cầu sắt (Pétanque) . Hôm nào cũng có hàng quán bán thức ăn thuần túy Việt nam .

Trong ngày thứ ba, có thêm gian hàng bán sách của Bà Dominique Roland . Sách được tác giả ký cho người mua sách . Bà Dominique Roland đang giảng dạy tại Viện Quốc gia Ngôn ngữ và Văn minh Đông phương mà giới sinh viên quen gọi Trường Langues O, tọa lạc tại đường Đại Học (Rue Université), Quận VI Paris .

Những người mang hai dòng máu

Bà Dominique Roland có mẹ là người Việt nam quê ở Hà Tây . Cho tới nay đã ngoài năm mươi mà Bà luôn để tâm đi tìm mẹ, người thân bên mẹ . Cách nay vài năm, Bà đã về Hà Tây, tìm được vài người biết mẹ của Bà nhưng tông tích mẹ hiện còn sống hay đã mất ? Và ở đâu ? Đó là những điều Bà đang ôm ấp mà chưa có ánh sáng . Trong sách kể chuyện Bà đi Việt nam, tự nhiên Bà viết « Tôi về Hà nội ... » . Bà viết mà không hề để ý là Bà đã viết « Bà về », chớ không phải « Bà đi hay đến Hà nội » . Vì tự nhiên Bà viết bằng con tim mang giòng máu Việt nam mà thường Bà không ý thức .

Cũng cùng hoàn cảnh người mang hai dòng máu, Ông Patrick, Bác sĩ Y khoa, còn trẻ, có đứa con trai nhỏ . Ông đặt tên cho con là «Tuấn» để nhắc nhở nó có nguồn gốc Việt nam . Cha của Ông cắt đứt mọi liên hệ huyết thống của Ông, đó là điều làm Ông buồn phiền không ít . Khi biết Patrick là Bác sĩ và đặt tên con với cái tên Việt nam, Cỏ May tự lấy làm xấu hổ vì đã nhận người qua bề ngoài mặc dù vẫn biết «chiếc áo không lán nên thầy tu» . Patrick mặc chiếc áo thun 3 lỗ, quần thủy quân lục chiến và đầu cạo trọc, chừa lại cái bím dài buông ra sau ót . Chắc không riêng gì Cỏ May, thử hỏi có ai nghĩ đây là một vị Bác sĩ Y khoa hay không ? Rồi khi thoạt trông thấy Bà Dominique Roland từ xa tới, Cỏ May không có thể nghĩ đây là một giảng sư Đại Học và là tác giả vài quyển sách biên khảo khoa học . Bà mặc chiếc T-Shirt củ

mềm, trước ngực in bông hoa với màu sắc diêm dúa . Hai bàn tay của Bà không còn một ngón nào trống vì đầy những chiếc nhẫn màu trắng như bạc, to cộm . Hai cổ tay của Bà đầy những dây xiềng, lòi tói . Khi Bà tới trước mặt, người bạn của Cỏ May nhận ra và nói chuyện .

Thoáng nghe Bà nói chuyện, Cỏ May ngạc nhiên sao Bà này có thể có những lời nói có vẻ « có học » như vậy . Người bạn của Cỏ May bèn giới thiệu Bà Dominique để nhắc lại Bà quen biết Cù Huy Cận, Cù Huy Hà Vũ lúc ở Huế, biết Trần văn Khê lúc ở Hà nội. Huy Cận là bạn học với mẹ của Bà và cũng là học trò của Ông ngoại của Bà ở Quốc Học, ông Charles Harter . Chúng tôi mở rộng câu chuyện với Bà Roland về tình hình Việt nam ngày nay để nghe nhận xét của Bà . Theo Bà thì những người lãnh đạo ngày nay đều dốt nát và du côn (Bà dùng tiếng voyous). Trong lúc đó thanh niên học xong, có đứa có trình độ Tú Tài + 5 (5 năm Đại Học) lại thất nghiệp hoặc phải chấp nhận làm những công việc dưới khả năng rất nhiều, với đồng lương chết đói . Đây là những trái bom nổ chậm ở Việt nam ngày nay . Nhận xét của Bà Roland lại trùng hợp với suy nghĩ của ký giả Mỹ Peter Coy . Trong một bài báo, Ký giả Peter Coy viết « Trong những cuộc cách mạng đang xảy ra ở Trung Đông và Bắc Phi, lớp người trẻ đóng một vai trò chủ yếu. Tuổi trẻ có học, có lý tưởng, thất nghiệp và bất mãn là những động cơ thúc đẩy họ hành động. Khát vọng chung của lớp người trẻ là có việc làm và được tự do. Những hiện tượng tuổi trẻ biểu tình, phản đối Chánh phủ, không chỉ xảy ra ở Tunisia, Ai Cập, Yemen, Syria, v.v... mà xảy ra ở khắp mọi nơi, kể cả ở những nước giàu có. Thí dụ theo số thống kê của OCDE, tỉ lệ thất nghiệp của người trẻ ở Mỹ là 17.6% vào năm 2009, ở Pháp là 22.8%, Thụy Điển 25%, và Tây Ban Nha 37.9%. Tại những quốc gia này, thanh niên cũng biểu tình đòi chính quyền giải quyết tình trạng thất nghiệp. Thông thường thì ôn hòa, nhưng đôi khi cũng xảy ra những cuộc xô xát dữ dội với cảnh sát.

Ở Việt Nam, tỉ lệ thất nghiệp tương đối thấp và ở vào mức 2.9% trong năm 2010. Nhưng tỉ lệ thất nghiệp của lớp người trẻ thông thường cao hơn gấp đôi tỉ lệ thất nghiệp cho cả nước, tức là vào khoảng 6%. Theo Tổng Cục Thống Kê Việt Nam, ba nhóm tuổi 15-19, 20-24, và 25-29 là những nhóm có dân số cao nhất ở Việt Nam với tỉ lệ trên tổng số dân lần lượt là 10.2%, 9.2%, và 8.9%, tổng cộng của ba nhóm là 28.3%. Việt Nam cũng sẽ phải đối phó với những rối loạn xã hội bắt đầu từ lớp người trẻ, nếu tình trạng kinh tế suy thoái nghiêm trọng và nạn thất nghiệp tăng. Tình hình ở Bắc Phi và Trung Đông hiện nay là những bài học cho Việt Nam ... »
(Nguyễn Quốc Khải dịch - phổ biến trên Internet).

Năm tới, Trung Tâm Sainte Livrade sur Lot sẽ hoàn tất chương trình xây cất mới . Những người lớn tuổi ở trong « Căn » yêu cầu Chánh quyền cho giữ lại 4 dãy nhà trong nguyên trạng nhưng được chỉnh trang để làm nơi kỷ niệm . 1600 người, năm 1956, từ bỏ nhà cửa, để của cải lại Hà nội để " hồi hương" . Có người có đủ gia đình nhưng cũng có khá đông chỉ mẹ góa, con cô năm bảy đứa . Họ là người Việt nam có chồng người Pháp là lính hay viên chức chánh phủ Pháp . Có khi họ là những phụ nữ hai dòng máu « hồi hương » về quê Mẹ . Nhưng thân phận của họ đầy cay nghiệt . Chánh phủ Pháp đem họ hồi hương, nhưng tới đất Mẹ lại bỏ họ sống lây lất ở đó cho đến hết cuộc đời . Góc gác Việt nam thì không biết nơi nào phía bên kia Đại dương . Nội không nhìn, ngoại thất lạc ! Từ năm 1956 cho tới nay, tất cả đều không lãnh được phụ cấp như những người Pháp hay á-rập từ Algérie về Pháp sau năm 1962 . Hoàn cảnh giống nhau, nhưng sự đối xử của Chánh phủ Pháp đối với họ không giống nhau . Còn bạc đãi nữa . Với những người Việt nam ở đây, nơi này là quê hương của họ . Là Hà nội của họ . Nhiều Bà Cụ còn giữ răng đen, còn vấn tóc, là để bảo vệ điều các Cụ mang theo được . Cũng giống như bao nhiêu người ở Miền nam VN, sau 30/04/75, chạy được ra hải ngoại, bỏ lại mọi thứ ở Việt nam, chỉ mang theo được cái Tự Do và Dân chủ .

Chúng tôi không nghe nói những người ở đây chạy theo chánh sách « hòa hợp » của Việt cộng như một số người ở Miền nam ngày nay. Và ở đây, cho tới nay, vẫn chưa hề có một tên VC lớn, VC con nào men tới hoạt động. Không giống như ở Paris, Úc, Mỹ hay ở Canada.

Về miền Nam

Đời người ngắn ngủi, xa xứ 35 năm, chưa một lần về thăm lại quê hương, là một khoảng thời gian khá dài cho một người như Cỏ May. Thuở nhỏ, sống với cha mẹ ở nhà quê, giữa đồng ruộng, hằng ngày chăn vịt, giữ trâu, cứ tưởng như vậy là yên phận một đời người ở miền đồng chua, nước mặn cách Sài gòn không quá hai mươi km về hướng Tây. Vận nước biến đổi đã đưa đẩy nhiều nông dân phải rời bỏ ruộng nương lên Sài gòn lánh nạn. Nạn Việt Minh ban đêm, nạn Tây bố ban ngày. Sau 75, dân chúng bình thường, gốc gác Sài gòn hay từ đồng quê tới trước đây, ai có điều kiện, đều lần lượt bỏ nước ra đi lánh nạn. Lần này, chỉ lánh có một thứ nạn, nạn ngày và nạn đêm, đó là nạn cộng sản đến đời “giải phóng quê hương”.

Vì không về được thăm viếng lại quê hương với đồng ruộng ngày xưa mà Cỏ May, từ nhiều năm nay, cứ độ Hè về, trời nắng ấm, thường tìm cơ hội đi về miền Nam. Không phải miền Nam Việt nam, mà là miền Nam xứ Pháp. Nơi đây có những cánh đồng ruộng lúa ngập nước không khác đồng lúa miền quê Gia định, Long An, Mỹ Tho. Trước Thế chiến II, những người Việt nam bị cưỡng bách qua Pháp làm lao động không lương cho Nhà nước Bảo hộ đã đem cách canh tác, với giống lúa ở Việt nam, áp dụng trên những cánh đồng ngập nước vùng Camargue và đã biến những cánh đồng này từ đó trở thành một vùng đồng lúa bát ngát. Mỗi năm thu hoạch đem lại cho nước Pháp gần trăm tấn gạo phụ thêm lương thực cho nước Pháp những năm khó khăn vì chiến tranh. Lúa cấy ở đồng Camargue ngày nay được Viện nông nghiệp Pháp cải tiến, tạo thêm nhiều giống lúa khác nhau. Nông dân mở rộng thêm diện tích canh tác. Trên thị trường Pháp, gạo Camargue xuất hiện khá nhiều. Trong siêu thị, gạo Camargue bày bán trong những bao 1kg, với nhiều thứ khác nhau, gạo đen, gạo đỏ, gạo trắng, hạt tròn, hạt dài, trắng có, lứt có. Giá cả cũng ngang ngửa với các loại gạo quen thuộc khác. Tại thành phố Arles hãy còn một nhà máy xay lúa kiểu xưa ở Việt nam nhưng ngày nay chỉ được bảo quản như một di tích lịch sử. Những người làm ruộng đầu tiên ở đây là một số trong 20 000 người "lính thợ" bị bắt đưa qua Pháp vào cuối năm 1929 và đầu năm 1930. Thật ra, họ không phải là lính vì không được huấn luyện để đánh giặc, mà chỉ làm công không chuyên môn trong các xưởng kỹ nghệ phục vụ chiến tranh. Tên gọi chánh thức là ONS (Ouvriers Non Spécialisés) = Thợ không chuyên môn. Họ bị bỏ quên nhưng những ai về miền Nam nên biết ở miền Nam nắng ấm này, hiện nay, còn hơn mười người sanh sống với tuổi đời ngoài chín mươi.

(Xin đọc thêm ở phần phụ chương B - Trang 40; “Nhớ lũy tre làng” với vùng ruộng lúa Camargue 20 000 người bị nhà cầm quyền thực dân pháp cưỡng bách qua Pháp làm công không lương, như làm rẫy, làm ruộng trồng lúa, giống lúa của Việt nam đem qua)

Nhớ lũy tre làng



Về vùng Languedoc-Roussillon, du khách khó bỏ qua ngôi làng cổ Aigues-Mortes mà không thăm viếng. Địa danh này nằm giữa thành phố Montpellier và Nîmes nhưng sâu về phía Nam gần biển. Đây là một vùng kênh rạch chằng chịt làm cho không ít du khách gốc Nam kỳ lục tỉnh không khỏi nhớ lại quê hương Bến tre, Vĩnh long, Cần thơ.

Khi vừa tới ngôi làng cổ Aigues-Mortes, du khách sẽ ngạc nhiên trước một bức tường thành cao, kiên cố, xây bằng gạch đá, chạy dài mà chưa có ý niệm là đằng sau bức tường này là một ngôi làng cổ được bức tường như vạt lý trường thành bao bọc chung quanh để bảo vệ ngôi làng. Người Việt nam đang ngoài có thể hình dung lại như lũy tre làng của một thời xa xưa ở quê nhà. Ý nghĩ về một lũy tre làng ở miền Bắc Việt nam, tuy chưa được biết qua thực tế, chỉ qua sách vở, mà đã làm cho Cổ May thật sự xúc động khi Cổ May bước qua cổng thành để vào bên trong tìm căn nhà số 27, đường Emile Jamais. Xúc động vì có cảm tưởng như mình đang về tới làng quê.

Cái nôi vùng ruộng lúa Camargue

Nằm giữa những ao hồ, làng Aigues-Mortes ngày nay vẫn còn giữ được khá đậm nét bộ mặt nền văn minh trung cổ. Một vùng u khuất nước ngập, sinh lầy, nhưng có nhiều nắng ấm. Những tháp canh vượt lên khỏi đầu tường thành, giữa vùng đầm lầy, đầy bí ẩn, gợi lại một chiều dài lịch sử xây thành, lập xã thôn, xác định bờ cõi để chế, tổ chức phát động những cuộc thánh chiến... Du khách bước chơn đến vùng này, nhìn bức tường kiên cố còn đứng sừng sững bao quanh một khu đất rộng lớn, bên trong là ngôi làng đang sanh sống sầm uất, không thể không muốn biết qua vài nét về lịch sử địa phương. Ngày nay du lịch quả thật là một ngành hoạt động mạnh, cả trong thời kỳ kinh tế đang hồi suy thoái.

Để biết sơ lược về lịch sử làng Aigues-Mortes và bờ tường chạy dài bao quanh ngôi làng trước mắt, du khách chỉ cần bước vào Văn phòng Du lịch của Thị xã thường tọa lạc ngay Trung tâm thành phố. Nơi đây vừa có người hướng dẫn, vừa có tài liệu in sẵn và phát miễn phí cho du khách. Theo tài liệu của Văn phòng Du lịch phát hành, vào thế kỷ thứ XIII, vua Saint Louis chưa làm chủ được một khoảng đất đai nào nằm dọc theo bờ Địa Trung hải. Vùng nước ngập, sông ngòi chằng chịt Aigues-Mortes đã thu hút mãnh liệt sự chú ý của vua Saint Louis. Lập tức, ông khám phá ra ngay cái ưu thế chiến lược của Aigues-Mortes nằm giữa những hải cảng khác đang kiểm soát và khai thác con đường giao lưu huyết mạch từ Ý dẫn dài qua Tây-ban-nha chạy ngang qua đây. Thế là ông tìm cách thương lượng với Tu viện Psalmody có từ thế kỷ thứ V, chủ nơn vùng lãnh địa này, để mua lại Aigues-Mortes. Cái may mắn của ông là tu viện đang hồi gặp khó khăn về tài chánh do chương trình mở rộng tu viện bị thất bại. Cuộc thương thảo chưa kết thúc, Saint Louis đã vội cho khởi công xây ngay Tháp Constance để xác định sự hiện diện và uy quyền của ông tại Aigues-Mortes và sẽ trở thành một hải cảng vừa thương mại vừa quân sự.

Nơi đây, sau khi xuất hiện tu viện Psalmody, vẫn chưa có dân chúng sanh sống đông đảo. Khí hậu độc, nhiều muối mòng và bệnh truyền nhiễm. Vậy mà tu viện nhiều lần bị Hồi giáo tấn công, tu sĩ bỏ chạy tản lạc hết cả. Đến thế kỷ XI, tu sĩ mới lần lượt kéo nhau về tu viện. Nguồn lợi tức ở đây chỉ là đánh cá và làm muối ăn. Về muối, đặc biệt ở đây có thứ muối đỏ hồng mà nơi khác không có. Nhưng ngày nay, muối ở đây không còn đắc dụng nữa, ngoài phần lớn dùng để rải đường vào mùa đông làm cho tuyết không đóng băng nguy hiểm cho xe cộ đi lại. Tu viện bán đất dài dài để lấy tiền trả nợ nhưng nợ vẫn không thanh toán hết được. Tu viện lâm vào cảnh phá sản, điều kiện thuận lợi cho Saint Louis tậu đất, xây thành, lập cơ ngơi. Aigues-Mortes nằm giữa vùng nước ngập đem lại cho nhà vua nhiều thuận lợi, vừa bảo vệ thành chống lại sự xâm nhập và tấn công của địch, vừa giúp khai thác thủy lưu, mở mang giao dịch với bên ngoài. Aigues-Mortes trở thành một hải cảng trên bờ Địa trung hải mà sau lưng là thành phố, làng mạc.

Tuy thành phố, làng mạc đã ra đời, nhưng bệnh hoạn còn hoành hành nên dân cư vẫn còn thưa thớt. Nhà vua Saint Louis bèn ban hành Chỉ dụ ưu đãi cho ai muốn tới đây lập nghiệp như độc quyền buôn bán, những quyền lợi về chánh trị, miễn nhiều sắc thuế... Dân chúng

hưởng ứng những ưu đãi của nhà vua, bắt đầu kéo tới định cư, lập nghiệp. Họ tới từ nhiều vùng khác và cả từ nước ngoài. Nhiều nhất là dân Ý. Di chuyển vào thời đó chủ yếu bằng ghe thuyền. Thuyền buồm lớn có phòng ốc khá tiện nghi dành cho vua chúa và hoàng gia. Hành khách khá giả, có tiền, mang theo mỗi người một cái rương lớn, vừa dùng để hành lý, vừa làm chỗ ngủ đồng thời cũng dùng làm quan tài khi chết. Những lúc thời tiết tốt, du khách được phép lên trên boong tàu hứng gió mát, nắng ấm, thở không khí trong lành. Nhưng không phải họ được quyền đi lúc nào cũng được, mà phải thay phiên nhau. Và thời gian được lên boong không phải nhiều. Thì giờ còn lại, mọi người bị giam trong phòng tàu đóng cửa kín mít. Khỏi phải nói, ở đây mùi người ta lâu ngày không tắm gội, mùi quần áo không giặt, mùi dơ dáy thứ của hầm tàu, trộn lẫn và cùng xông lên. Nhiều du khách, thủy thủ, bị bệnh chết. Xác chưa kịp thủy táng, đàn chuột đói từ lâu ngày ào tới chia phần. Tiếng đọc kinh phát lên giữa tiếng giành ăn của đàn chuột. Tới phiên những người sống sót chia nhau những gì còn lại của người chết. Quy luật bất thành văn nhưng giải quyết khá ôn hòa giữa những người chưa chết. Cuộc hành trình đường thủy dài nhất thường phải mất ba tháng.

Vua Saint Louis xây dựng xong hải cảng bắt đầu lấy thuế để xây dựng thành phố, thôn xóm. Nhưng chương trình khai hoang lập ấp của ông chưa kết thúc thì ông mất. Vua Philippe III Le Hardi, con trai của ông, lên nối ngôi và tiếp tục sự nghiệp của vua cha. Vua Saint Louis chết ở Tunis trong chuyến Thập tự giá thứ VII. Năm 1240, Giáo hoàng Innocent V triệu tập về thành phố Lyon ở Pháp tất cả Giám mục để tổ chức những cuộc thánh chiến nhằm thu hồi thánh địa Jérusalem bị mất lại vào tay Thổ (Turcs). Nhưng các Đức Giám mục mạnh ai nấy tìm đường đào thoát. Sau cùng, vua Saint Louis đứng ra nhận lãnh chỉ huy chiến dịch thánh chiến VII và ông không trở lại. Cuộc thánh chiến này vì do ông chỉ huy nên được xem là của Pháp. Chiến tranh với lãnh chúa Aragon làm tiêu hao quá nhiều tiền bạc nên công việc xây dựng vì đó phải nhiều lần đình chỉ. Mặt khác, duyên hải Địa trung hải bị hải quân của nhà cầm quyền Catalan (Tây-ban-nha) kiểm soát, tàu bè vì đó không cập bến được, nên nhà vua Philippe III Le Hardi không thu được thuế. Năm 1285, vua Philippe III Le Hardi mất. Vua Philippe IV Le Bel lên nối ngôi quốc vương Pháp mới hoàn thành chương trình xây dựng hai lần bị dở dang.

Tháp Constance

Tháp Constance ngày nay hầy còn. Đó là một tháp lớn nhất nhìn ra sông, kiểm soát mọi tàu bè di chuyển ngang qua Aigues-Mortes. Cho tới sau thế kỷ XIII, Aigues-Mortes là một thành phố sầm uất, vào thời điểm cực thịnh, có hơn 12 000 dân. Từ sau giữa thế kỷ XIV, đất bồi làm cho biển ngày càng cách xa, các thủy lộ bị cát lấp dần làm cho cảng Aigues-Mortes bị tê liệt. Nhà cầm quyền quân chủ có đưa ra kế hoạch xúc cát, khai lại thủy lộ nhưng phải chịu bất lực trước sức mạnh của thiên nhiên. Từ đó, Aigues-Mortes không bao giờ đứng lên được nữa. Ngày nay, dân số Aigues-Mortes là 8700 người với gần 4000 đơn vị gia cư vừa chánh (dân cư cố định địa phương), vừa phụ (tới ở ngắn hạn nghỉ ngơi, nhất là vào mùa hè). Không kể thêm 120 ngôi nhà bỏ trống do chủ bỏ đi tới nơi khác tìm công ăn việc làm. Hằng năm, có 1 200 000 du khách tới thăm viếng hoặc ở nghỉ ngơi. Aigues-Mortes có nghĩa là " Nước Chết ", tức nước ứ đọng, không lưu thông mạnh .

Aigues-Mortes được bao bọc chung quanh bởi một bức tường cao dài 1634 m, nhiều chỗ, cao tới gần 10 m, với 20 tháp canh cao vượt lên chiều cao của tường thành. Cứ từ 6 tới 9 m, tường có những " ổ châu mai " để xạ thủ nhìn ra, khi địch tới, nhắm bắn tên. Ở chơn mỗi " ổ châu mai ", có lỗ trống lớn, từ bên trong, có thể nhìn ra ngoài thấy được ở tầm gần chơn tường, để nhắm bắn địch khi tiến tới gần hoặc muốn leo lên tường.

Đọc theo tường, ở vị trí thấp hơn đầu tường, là lối đi nối giáp vòng tường thành. Ngày nay, du khách có thể đi dạo chơi trên lối đi này rất thoải mái, và lên cả Tháp Constance, để ngắm cảnh chung quanh Aigues-Mortes với tầm nhìn khá xa. Quả thật Aigues-Mortes nằm giữa vùng

nước mênh mông, với sông ngòi chằng chịt. Nhưng du khách đừng quên, ở xứ Pháp, không có món gì được miễn phí hay biếu không làm duyên. Giá đi dạo trên tường thành là 7 euros cho người lớn và 4 euros cho trẻ em.

Ngày nay, du khách đi trên tường thành, vào xem Tháp Constance, đều lấy làm thích thú và thậm chí cảm phục người xưa đã để lại cho hậu thế một tác phẩm tuyệt tác. Theo vài sử gia, vào đầu thế kỷ XV, Tháp mang tên Constance là để tưởng niệm bà dì của vua Saint Louis, bà lấy vua Raymond VI của Toulouse. Nhưng nhiều người khác lại cho rằng tên Constance để chỉ sự "bất biến", sự "bền vững" của kiến trúc mà thôi. Mà thật, Aigues-Mortes là cố thành quân sự của Pháp thời trung cổ còn lại, không bị hư hại nhiều và được chính phủ Pháp bảo quản rất kỹ vì nó được xếp vào danh sách di sản văn hóa quốc gia. Nhưng có mấy ai cảm thấy rùng mình khi bước vào Tháp Constance ? Nơi đây, năm 1685, sau khi Chỉ dụ nhà vua bị hủy bỏ (Edit de Nantes), trở thành nhà tù rùng rợn nhốt những người Tin lành không có ngày ra về. Edit de Nantes phạt đàn ông Tin lành chung thân khổ sai, đàn bà bị tước đoạt thân thể và của cải. Chỉ có cách thoát ra khỏi xứ Pháp mới có thể hành đạo được mà thôi.

Trong những người tù tin lành ở Tháp Constance, có Bà Marie Durand là người tù bất khuất. Một tấm gương sáng cho người Tin lành. Bà bị tù 38 năm, từ năm 15 tuổi. Anh của bà bị treo cổ. Cha của bà bị tù chung thân. Bà giữ vững đức tin, biến thành động lực tạo nên phong trào Tin lành chống đối rộng và mạnh. Năm 1768, như một cuộc thanh tra, Hoàng tử Beauvaux (Ngày nay Bộ Nội vụ Pháp đặt tại Công trường Beauvaux) của xứ Languedoc ra lệnh mở phòng biệt giam cho ông khám xét. Thấy thân thể của Bà Marie Durand quá tiêu tụy, nhưng tinh thần vẫn tráng kiện, ông bèn ra lệnh phóng thích bà cùng với vài nữ tù nhưn khác.

Và cũng ở vùng Camargue này, vào những năm cuối thập niên 20 và đầu thập niên 30, có không ít người Việt nam trong số 20 000 người bị nhà cầm quyền thực dân pháp cưỡng bách qua Pháp làm công không lương, như làm rẫy, làm ruộng trồng lúa, giống lúa của Việt nam đem qua. Sau Thế chiến II, có nhiều gia đình không về Việt nam. Họ chọn ở lại, lập gia đình và sanh sống cho tới ngày nay.

Cuộc đời của họ không khác những người nô lệ, chỉ được di chuyển tại chỗ, khác hơn ở tù. Họ làm việc và bị đối xử không khác lớp con cháu của họ sau này bị nhà cầm quyền cộng sản Hà nội bắt đi cải tạo tập trung. Bị đau khổ, nhục nhã không thể tả xiết.

Mỗi khi đi về Miền này, Cỏ May vẫn cảm thấy đâu đây in dấu bóng dáng của những người đến từ quê hương miền Trung, miền Bắc của Cỏ May mà ngày nay chỉ còn lại hơn mười người đã ngoài 90 tuổi. Vẫn sanh sống ở đây. Trong đó có Cụ Nguyễn văn Thanh (hay Thành), con quan Tuần phủ ở Nghệ An, tình nguyện đi làm Giám thị-Thông ngôn (Surveillant-Interprète), ngày nay còn sống và vừa cho xuất bản quyển hồi ký với cái tựa hàm chứa trọn vẹn cả cuộc đời của ông "Saigon-Marseille : aller simple" (Sài gòn-Marseille: đi không trở về).

Phụ đính II:

“Cậu Ấm” Nguyễn Văn Thành [1]

Cậu Ấm phản kháng



*Cụ Nguyễn Văn Thành.
Ảnh do tác giả cung cấp*

Cụ Nguyễn Văn Thành đúng là một Cậu Ấm. Cụ sinh năm 1921 tại Huế. Con trai của Quan Phủ Nguyễn Văn Thọ từng sự tại Thành phố Vinh dưới thời Pháp thuộc và mẹ là một hoàng thân triều Nguyễn. Năm 17 tuổi, Nguyễn Văn Thành tình nguyện gia nhập lực lượng lính thợ làm Giám thị-Thông ngôn theo lệnh tuyển mộ cưỡng bách của chánh quyền bảo hộ. Ông phải nhờ cha xin đặc cách vì thiếu tuổi. Năm 1939, ông qua tới Marseille cùng với 20 000 lính thợ, đại đa số là nông dân, không biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ. Năm sau, Pháp thua trận, những người này không còn làm việc cho công binh xưởng quân đội pháp mà được Sở Nhân công Bản xứ (M.O.I) thuộc Bộ Lao động, đem bán cho xí nghiệp tư. Từ đây, họ bị gởi đi làm công nhân không chuyên môn ((ONS) ở các nơi, từ Toulon qua tới Bordeaux, luôn luôn thuộc phần nửa phía Nam nước Pháp. Tức trên phần lãnh thổ của Chánh quyền Vichy.

Tới năm 1952, chỉ còn hơn 1000 người chọn ở lại Pháp sinh sống. Cụ Nguyễn Văn Thành là một trong những người này.

Cậu Ấm phản kháng

Khi nhà cầm quyền bảo hộ đặt xong nền cai trị ở Việt Nam, nhận thấy hệ thống chánh quyền quân chủ có những cái hay của nó, người pháp tạm thời giữ lại và chỉ đặt quan chức pháp ở vị trí lãnh đạo. Quan chức Việt Nam luôn luôn làm phó. Thân phụ Cụ Nguyễn Văn Thành ở Vinh làm Phó Tỉnh, đứng đầu là một quan chức người Pháp.

Trong nhà, Nguyễn Văn Thành là con trai cả và con cưng nên ông thường xử sự với các em như ông là một thứ bạo chúa. Trái lại, đối đãi với người ăn người làm trong phủ, ông tỏ ra thân thiện và những người này cũng dành cho ông nhiều quý mến.

Bà vú chăm sóc ông, thương yêu ông, cho ông nhiều ấu yếm hơn mẹ ruột đối với ông. Sống trong phủ, ông không khác một hoàng tử nên ông chẳng biết gì nhiều ở bên ngoài.

Một hôm, ông đi dạo chơi ra bên ngoài một mình. Một thiếu niên người pháp, trạc tuổi ông, đi ngược chiều với ông. Lề đường rộng đủ cho hai người tránh nhau và đi tiếp. Khi đi ngang qua ông, bỗng thiếu niên người pháp cặp cổ ông và thoi vào mặt ông mấy cái đau điếng vừa văng tục chửi ông bằng tiếng Việt. Khi thiếu niên pháp buông ông ra, ông co giò chạy thẳng về nhà. Đây là lần đầu tiên ông bị kẻ lạ hành hung thô bạo. Ông âm thầm lấy làm tức giận và xấu hổ với chính mình. Tại sao không phản ứng kịp thời? Con quan, ông xưa nay nghĩ chẳng có ai

dám đụng tới mình. Sự thô bạo xảy ra vừa rồi làm cho ông thấy tự ái bị tổn thương lại vừa sợ hãi. Con người ông như rã rời, suy nhược.

Trong trường tây, Cậu Ấm Thành không được học chút gì về Việt Nam. Con quan lại làm việc cho Nhà nước Đại Pháp nhưng ông vẫn cảm thấy mình là người Việt Nam. Nhờ làm bạn với người giúp việc trong nhà, ông học được về những vị anh hùng dân tộc như Hưng Đạo Vương, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, ... tất cả đều chống lại quân xâm lược Tàu giành lại độc lập cho đất nước. Những điều học được ở những người giúp việc đem lại cho ông một tinh thần tự hào.

Sau vụ bị thiếu niên tây đánh, ông thường lân la tới khuya với những người giúp việc. Nhờ đó ông như được thức tỉnh. Ông càng cảm thấy cần biết thêm nhiều những giai thoại về anh hùng ái quốc dân tộc. Nhứt là chuyện các vua phảng kháng chống Tây. Các vua Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân làm cho ông say mê tìm hiểu.

Từ đây, ông cảm thấy ghét đi học và muốn bỏ học. Ông thường trốn học.



Hằng ngày, mẹ ông kiểm soát bài vở của ông. Biết ông trốn học, bà bắt ông nằm dài xuống, lấy roi mây đánh vào đít ông, mỗi lần từ 4,5 roi trở lên tùy theo lỗi nặng nhẹ. Đau điếng nhưng ông vẫn lơ là việc học vì ghét cái học theo Tây ở nhà trường.

Trong số người ăn người làm trong nhà, ông kính trọng và thương hơn hết là Bà Vú và Chú Kéo. Ai cũng gọi « Chú Kéo » vì công việc làm của chú là kéo xe đưa ông bà phủ đi và Cậu Ấm Thành đi học hằng ngày. Gọi Chú Kéo thành quen nên mọi người không ai nhớ tên thật của chú nữa.

Chú Kéo là người khiêm tốn, kín đáo, ngay thẳng. Không bao giờ chú xuất hiện trước người khác, nhưng lúc nào cần là có chú ngay. Chú chẳng những được người ăn người làm trong phủ kính trọng mà cả ông bà phủ cũng lắng nghe ý kiến của chú. Khi khuyên ai việc gì, chú thường nói lại những lời xưa nhưng chú dùng rất chính xác làm cho người nghe dễ hiểu và dễ nhớ.

Cậu Ấm Thành rất sung sướng và an tâm bên cạnh Chú Kéo và Bà Vú. Hai người luôn luôn chịu lắng nghe Cậu, cả đôi khi la rầy Cậu khi Cậu có lời không phải hay hành động không phải. Cậu Thành rất thích chơi với An, con trai Chú Kéo. An lớn hơn Thành vài tuổi, không biết chữ, nhưng thông minh. Chơi với Thành, An luôn luôn khéo léo nhường nhịn Thành mà không chạm tự ái của Thành.

Cậu Thành thương yêu những người này và được những người này hết lòng thương yêu lại. Cậu cũng muốn cha mẹ, gia đình Cậu cũng đối xử và được đối xử như vậy, nhưng tập tục chỉ cho con người ta bôn phận và tuân thủ.

An, con trai Chú Kéo, thông minh nhưng không được đi học. Ngày kia lớn lên sẽ nối nghiệp Chú Kéo, tiếp tục phục vụ gia đình chủ. Lớp người này chỉ mong có được việc làm, tận tụy làm việc để việc làm được bền vững nhờ chủ thương. Họ nghĩ thân phận của họ đã được an bài như vậy nên không dám mong đợi một sự thay đổi tốt hơn. Điều này làm cho Cậu Ấm Thành không khỏi nghĩ ngợi với một nỗi buồn riêng khó tả.

Mặc dầu ở tuổi thiếu niên, Cậu Ấm Thành đã bắt đầu nhận thấy sự bất công và bất bình đẳng giữa người với người cùng lứa tuổi, những người cùng ở chung trong một nhà. Cậu cảm thấy bị dày vò bởi thân phận người ăn người làm. Vào làm việc cho một gia đình giàu có, quyền thế, là tìm được cho bản thân và gia đình cơm ăn, chỗ ở tránh nắng mưa nhưng cũng từ đây bắt đầu thân phận kẻ ăn người ở phụ thuộc vào chủ từ thế hệ này qua thế hệ kia. Cậu Ấm Thành hiểu như vậy nhưng lại không dám đem nói chuyện với cha mẹ điều Cậu khám phá. Một hôm Cậu Ấm Thành đem sự thắc mắc của mình nói ra với Chú Kéo. Chăm chỉ lắng nghe nhưng Chú Kéo không trả lời thẳng với Thành, mà chỉ nói vắn tắt « Cậu muốn tôi nói điều gì với Cậu bây giờ! Chúng tôi nghèo và chúng tôi may mắn được việc làm ở đây. Cha mẹ Cậu đối xử với chúng tôi đầy tình nghĩa. Chúng tôi phải biết giữ sự trung tín đối với gia đình Cậu. Cậu nhìn thấy An thông minh, lanh lẹ nhưng nó không biết chữ. Và sẽ không bao giờ nó biết chữ được. Lúc nào đó, tôi mong ông bà sẽ cho phép nó thay thế tôi tiếp tục phục vụ gia đình Cậu. Làm công việc kiếm cơm này, nó chỉ cần có cặp giò khỏe là đủ!

Cậu Ấm Thành cảm thấy như có sự cay đắng trong lời nói của Chú Kéo. Chú phải buồn lòng chớ vì Chú đã không tạo được tương lai cho con. Cậu nghĩ tiếp những người ăn ở trong nhà được gia đình Cậu nuôi ăn, nuôi ở, phát quần áo, thương mến thật lòng đi nữa, nhưng họ vẫn không thể làm chủ được chính thân phận của họ. Tình trạng lệ thuộc này có thể liên tục kéo dài qua nhiều thế hệ.

Những suy nghĩ này đã mạnh nhen ở Cậu Ấm Thành ý niệm đầu tiên về tinh thần phản kháng chống lại một cái gì mơ hồ bất công, một sự pha trộn truyền thống, cơ chế xã hội, kẻ giàu người nghèo, sự phí phạm tài nguyên con người, ...

Quyết định thôi học

Một hôm Cậu Thành lấy quyết định thôi học. Cậu đem nói với mẹ quyết định của Cậu. Bà lắng nghe và không phản ứng. Cậu viết thư báo tin cho cha vì lúc bấy giờ gia đình ở tại Huế, chỉ trừ cha của Cậu ở ngoài Vinh vì công vụ. Như vậy Cậu Ấm Thành học chưa xong hết chương trình Trung học phổ thông.

Biết được quyết định nghỉ học của Cậu Thành, ông viết thư cho Cậu, thư viết bằng tiếng pháp, chấp nhận quyết định của con vì ông biết con trai cả của ông không thể tiến thân theo văn nghiệp, càng không thể theo quan trường. Ông chỉ muốn biết con của ông lúc này muốn điều gì, có chọn lựa gì? Ông đồng ý Cậu Thành có thể làm nghề tay chân vì, theo ông, không có nghề xấu, chỉ có con người xấu. Ông gửi Cậu Thành cho một ga-ra để học nghề sửa xe hơi. Biết đâu ngày kia, Cậu Thành không trở thành một ông chủ.

Nhưng Thành cũng bỏ học nghề.

Tháng 7/1939, Hoàng đế Bảo Đại đưa ra lời kêu gọi để tuyển mộ 20 000 người tình nguyện qua Pháp làm việc. Không phải đánh giặc, mà làm việc trong công binh xưởng. Ở Việt Nam người ta chỉ biết lờ mờ là Pháp đang sửa soạn để đánh Đức quốc xã của Hitler vì người có bộ râu cút mũi đó muốn chiếm cả thế giới và thống trị mọi người.

Số người tình nguyện hưởng ứng lời kêu gọi của Hoàng Đế Bảo Đại quá ít nên chỉ mấy hôm sau, nhà cầm quyền pháp làm áp lực lên nhà vua đổi lời kêu gọi thành lệnh động viên. Những người tình nguyện chỉ ai nói được ít nhiều tiếng Pháp. Thế là Cậu Ấm Thành ghi tên tình nguyện đi Tây làm Giám thị-Thông ngôn.

Việc động viên thanh niên từ 18 tới 45 tuổi làm mất đi những cột trụ gia đình, gây xáo trộn đời sống xã thôn. Đúng là phép vua thua lệ làng. Dân làng bèn thay thế cột trụ gia đình bằng vị thành niên hoặc người lớn tuổi và mất năng suất lao động.

Chánh quyền ở làng đồng lõa trong việc gian lận này, miễn làm sao nộp đủ số người yêu cầu đồng thời họ cũng kiếm được chút tiền còm bỏ túi. Và lại việc gian lận lại giúp cho nhiều gia đình không bị mất lao động chủ lực. Cả hai đều có lợi.

Có một trường hợp cười ra nước mắt. Người cha của một gia đình đi làm ăn xa, bị bắt đưa tới một trại tập trung chờ ngày xuống tàu đi Tây. Ở đây, một buổi sáng tạp dịch, ông đối mặt với người con trai ở nhà cũng bị bắt theo lệnh động viên. Thế là cả hai cha con đều chờ ngày xuống tàu đi Tây một lượt.

Từ nay, đi xa, đi qua xứ Tây, ý nghĩ này cứ chiếm lấy đầu óc Thành. Đi khỏi xứ đối với Thành như một tia sáng lóe lên ở đầu đường hầm bên kia. Hay đi để không còn nghĩ ngợi gì cả, hay đúng hơn, để làm một cử động. Hay phạm một cử động. Đi tới đâu, không quan trọng vì Thành không ao ước phải tới nơi nào. Thành đi không phải để tìm một giải pháp.

Càng ngày, đầu óc Thành càng bám chặt vào ý nghĩ ngông cuồng này « Rời khỏi đây, đi tới một nơi khác, ngay cả tới cái chết đi nữa cũng được ».

Cậu Ấm Thành tới nhà người yêu – Cậu yêu thầm lặng – để từ giả nhưng Cậu không dám gặp, chỉ dừng lại cách nhà lối hai mươi thước để thấy bóng dáng nàng bên cửa sổ. Vậy cũng đủ lắm rồi!

Thành đi ra ngoài Vinh với cả gia đình để gặp cha. Trong bữa cơm đầu tiên, Thành lấy giọng cứng rắn thừa lại với cha lần cuối cùng quyết định của mình đi Tây theo lời kêu gọi của Vua Bảo Đại. Mặc dầu lời can gián của cha mẹ, Thành vẫn cương quyết giữ quyết định của mình. Thấy không thể thay đổi được ý kiến của Thành, mẹ của cậu bèn lo hành trang cho cậu. Cha cậu lo giấy tờ. Thấy chưa đủ tuổi, ông đặt vấn đề với nhân viên tuyển mộ, và nêu lên luôn, mắt của Thành cận thị nặng, hi vọng hồ sơ tình nguyện của Thành sẽ bị từ chối. Nhưng viên Trung sĩ Phòng tuyển mộ ghi vào hồ sơ « Hồ sơ tốt, chấp thuận ».

“Cậu Ấm” Nguyễn Văn Thành [2]

M.O.I thực dân và M.O.I cộng sản hà nội

Ra khỏi Văn phòng tuyển mộ, với thẻ chứng nhận chánh thức Giám thị-Thông ngôn, Cậu Ấm Nguyễn Văn Thành thật sự bắt đầu thấy mở ra trước mắt một đời sống mới, tốt xấu, hay dở, chưa biết. Nhưng mặc kệ, miễn thoát ra khỏi cái khung cảnh hiện tại là đủ. Có một điều làm cho Cậu thấy sung sướng là Cô Tình, người từ bấy lâu nay Cậu thầm yêu mà không dám nói ra, khi biết tin Cậu tình nguyện đăng đi Tây, đã gất lên là « Cậu điên mới làm như vậy ». Theo Cậu Thành, điều đó có nghĩa là Cô Tình cũng đã « để ý » đến Cậu. Chớ không phải vô tình. Mà đúng. Sau này, cô ở vậy đợi ngày Cậu Thành về nước.

Cùng đi chung với Thành có Sanh là người anh họ. Sanh cũng tình nguyện và hứa với cha mẹ của Thành là đi theo để chăm sóc và bảo vệ Thành. Hai người đã thành công khắc phục sự phản đối của hai gia đình theo quyết định của họ. Sanh và Thành không vì vậy mà lấy làm hài lòng. Họ cảm thấy thấm thía một nỗi buồn trước sự thất vọng của những người từng yêu thương họ và họ cũng yêu thương.

Thành không làm sao quên được lời trách cứ ngắn gọn của chú Kéo « Thành là kẻ đào nhiệm ». Vì Thành từ bỏ vai trò trưởng nam trong gia đình ?

Những ngày mới

Từ nay, tức sau khi chánh thức được tuyển mộ, mọi người phải vào trại ở chờ ngày xuống tàu. Trại là những dãy nhà dài cất trên một cuộc đất rộng, chung quanh rào kín mít bằng dây kẽm gai. Sanh hoạt ở trại theo nề nếp tổ chức tập thể như nhà binh. Những tân tuyển ở trại được

chia thành Đội (Compagnie) . Mỗi Đội đặt dưới quyền chỉ huy của một người pháp hay việt nam quốc tịch pháp . Chức vụ của họ là « Commandant » (Không phải là Thiếu tá, mà là người chỉ huy - Đội trưởng) . Mỗi đội gồm có 10 Toán (Groupe) . Mỗi Toán có 25 công nhân không chuyên môn (ONS = Ouvrier Non Spécialisé) do một Giám thị-Thông ngôn trách nhiệm . Chánh quyền pháp-việt xếp những người « được tuyển mộ » theo địa phương để dễ nhận diện . Người ở Bắc mang danh số ZT (Z là chỉ chung những công nhân không chuyên môn, T = Tonkin, Bắc kỳ), ZA chỉ Trung kỳ (A=Annam) và ZCo chỉ Nam kỳ (Co=Cochinchine) . Mỗi kỳ còn ghi thêm nơi tuyển mộ, tức Tỉnh . Như ZAN là Annam, N=Nghệ an . Sau cùng là con số thứ tự của mỗi công nhân : ZAN5 (An-nam, Nghệ an, Công nhân số 5) . Những người được « trúng tuyển » (nói theo vc), có người dưới tuổi động viên đi lính, có người quá tuổi động viên nhưng không ai khiếu nại được .

Hai Giám thị Sanh và Thành, tuy nhỏ tuổi hơn nhiều người trong Toán của họ, đều được cả Toán kính nể . Có khi được kính nể chỉ vì người có ăn học, biết tiếng tây, làm Sếp của họ, theo tập quán xã hội có từ lâu đời . Nhưng riêng trong trường hợp này, đối với Sanh và Thành, hai người thật sự được cả Toán tín nhiệm và cảm tình .

Qua ngày thứ ba sau khi nhập trại, viên Đội trưởng họp các Giám thị lại để ban chỉ thị : « Các Giám thị phải hướng dẫn toán viên của mình chào cờ mỗi sáng thứ hai và đi thành hàng ngay ngắn theo tiếng đếm một, hai, một, » . Nói xong, viên Đội trưởng đứng ngay ngắn, nhip chân cái cắc và chào, quay lại thẳng người rồi mới đi .

Nhận chỉ thị xong, Thành không khỏi buồn cười . Những người bị bắt đưa tới đây đều sanh sống ở nhà quê, giữa đồng ruộng, họ quen đi bờ ruộng hay lội dưới ruộng nước, thì làm sao họ có thể đi theo cơ bản thao diễn như lính được . Nên Giám thị Sanh và Thành bảo Toán của họ hãy đi theo họ, giữ hàng lối đàng hoàng một chút và đừng nói chuyện. Có vài Toán khác thấy có lý nên bắt chước theo, mặc kệ chỉ thị của viên quân nhân Tây kia vì quá hăn say .

Mọi người nói không ra lời

Các Giám thị dẫn Toán của mình tới kho nhận lãnh đồng phục, quần áo ấm, giày, vớ . Nhơn viên thủ kho người việt, sinh nói tiếng pháp hơn tiếng việt tuy nói chuyện với những người nhà quê không biết cả quốc ngữ . Vì tiếng pháp vốn biểu hiện quyền lực . Thủ kho hỏi công nhân mang giày số mấy, số quần áo, số nón, ... Chẳng những họ không hiểu gì hết, mà có hiểu, họ cũng không biết họ phải mang giày số mấy, đội nón số mấy , ...Suốt đời họ đi chơn đất, đầu đội nón lá, ... Giám thị Thành vô cùng chán nản . Anh liền can thiệp để giải quyết cho mau . Anh nói với mấy viên thủ kho là những người này không hiểu tiếng tây, tiếng u gì hết . Hãy phát cho tôi quần áo số , ..giày những số ..., nón, mũ những số ... Các toán viên tiến tới nhận lãnh và mang về trại .

Mọi người mang giày chỉ trong ít lâu đều bị phỏng chơn, không thể đi được . Giám thị đành xin đặt cách cho họ đi chơn không cho tới ngày lên tàu đi Marseille .

Ngày rời trại để lên xe chở tới bến tàu Đà Nẵng, người thân của Thành tới từ giả . Mọi người không ai cầm được nước mắt . Ai cũng nói rất ít . Có lẽ vì bị nện lời . Thành nhìn mẹ, thấy sự âu yếm của người mẹ trong ánh mắt .

Mặc dầu rất đau lòng, Thành cố giữ vững tinh thần trong lúc này . Vì không phải chỉ có một mình Thành, mà còn những người đồng bào cũng bị bóc rời khỏi gia đình, xứ sở đang nạp mạng cho guồng máy thực dân. Họ còn đáng thương hơn vì không biết chữ, không biết gì hơn đời sống cơ cực của họ hằng ngày ở đồng ruộng .

Ngày 13 tháng 12 năm 1939 mọi người lên đường. Bữa ăn trưa hôm ấy còn lại rất nhiều vì không ai nuốt vô. Tất cả ghen vì khóc không ra tiếng. Nhiều người có cặp mắt nhìn ngơ ngác.

Vượt trùng dương

Trên tàu Yalou đi Marseille, mọi người đều ở dưới hầm . Ngủ trên sạp gỗ . Không được phép lên trên boong. Mọi người phải chia nhau làm tạp dịch giữ vệ sinh chung . Nhưng vì thiếu phương tiện nên không thể giải quyết được mùi hôi thúi và dơ bẩn . Trong ít lâu, có nhiều người bị bệnh do thiếu vệ sinh tối thiểu . Một phái đoàn đại diện gồm mười Giám thị xin gặp Thuyền trưởng đưa yêu sách về chế độ ăn uống, thuốc men, vệ sinh . Mấy ngày sau đó, bữa ăn có khá hơn nhưng vấn đề vệ sinh và thuốc men cho bệnh nhơn vẫn chưa được cải thiện . Rồi bị « Cò mồi » viết gian đưng ra lập Ban Đại diện khác, nịnh chủ Tây, phản bác những yêu sách của Ban Đại diện chơn chánh . Chẳng lẽ hiện tượng chia rẽ trong sinh hoạt cộng đồng người việt ta đã có từ khá lâu rồi sao ?

Trong hầm tàu, bỗng xuất hiện một thanh niên vừa đi giữa đồng đội vừa ca hát, với gương mặt trông như ngây ngô . Không ai quan tâm tới anh ta cho lắm . Chỉ ít lâu sau, anh chàng vừa hát, có khi hò huế, lân la tới gần Giám thị và nói nhỏ nhằm sách động tổ chức biểu tình chống đối, ở trên tàu và cả khi lên bờ . Anh bị phát hiện và bị bắt nhốt ngay vào phòng tối . Tới Djibouti, tàu dừng lại . Mọi người được phép lên boong hứng gió 15 phút . Riêng với anh này, phòng giam của anh được mở cửa sổ (hublot) . Anh bèn thò hết đầu ra ngoài để vừa thở, vừa nhìn xa . Tàu kéo neo, sợi dây neo đánh anh đứt đầu . Thảm quyền trên tàu thông báo cái chết vì tai nạn . Chuyện cũng bị quên lãng trong vài ngày sau đó .

Chúng tôi là MOI

Chánh quyền Vichy không muốn nuôi những công nhơn việt nam nữa mà không có lợi gì hết nên chỉ thị cho M.O.I (Main d'Oeuvre Indigène) thuộc Bộ Lao động tìm cách bán công nhơn này cho các xí nghiệp còn hoạt động ở Miền nam như xưởng kỹ nghệ, mỏ than, ruộng muối, nhà máy hóa chất, nông trại chăn nuôi, chủ trồng nho làm rượu, ... Công nhơn làm việc cật lực, người lãnh lương là M.O.I . Và M.O.I chỉ trợ cấp hằng tháng cho họ mười quan (francs) không đủ hút thuốc lá (1 đồng bạc đồng dương – 1 piastre bằng 27 quan pháp lúc bấy giờ) . Nên mọi người ai cũng tự nhiên thừa nhận mình mới thiệt là MỌI . Ngày nay, cũng có M.O.I ở Việt nam, cũng bán công nhơn ra ngoại quốc, gọi là xuất khẩu lao động, cũng ký hợp đồng với chủ thuê, lấy tiền và chỉ để lại cho công nhơn không đủ sống, ... M.O.I ở Việt nam, cũng giống như thực dân pháp, cũng là Bộ Thương binh Xã hội và đảng cộng sản, nhưng khác hơn là M.O.I ở Việt nam vừa bán sức lao động vừa bán nhơn phẩm của hàng trăm ngàn công nhơn lấy tiền bỏ túi riêng . Và công nhơn lại là nhơn dân của chế độ .

Toán của Thành, của Sanh và 3 Toán khác gồm 120 người, với 5 Giám thị, được đưa về làng Predeignes thu lượm hạt dẻ (trái Chataigne, thường gọi là trái Marron – Nên nhớ hạt Marron ăn được là hạt Chataigne. Thời khó khăn do chiến tranh, thiếu bột mì, dân chúng vùng quê lấy hạt chataigne xay ra bột làm bánh mì nên ngày nay, có người còn giữ cách gọi « hạt bánh mì »). Xe lửa đưa mọi người tới nhà Ga Figeac . Về làng Predeignes, thuộc Tỉnh Lot, còn 8km nữa, mọi người phải đi bộ vì không có phương tiện chuyên chở công cộng .

Đi trên đường làng, mọi người đều cảm thấy thoải mái, hít thở không khí trong lành, nhìn thấy đồng ruộng, nương rẫy, tay sờ những thân cây bên đường . Nhớ lại những ngày giam mình trong hầm tàu, trong trại tạm cư, ai cũng không khỏi rùng mình . Bỗng mọi người đều lấy làm ngạc nhiên là đường xá trống trơn, không bóng người đi . Nhà nhà đều đóng cửa kín mít . Không nghe cả tiếng chó sủa . Có cảm tưởng như một vùng hoang sơ không người ở . Địa điểm hẹn nhau là trường học để chờ người chủ làm tới nhận lãnh . Chỉ vài phút sau, Ông xã trưởng tới với ông Đội trưởng kêu các Giám thị vào Văn phòng xã để gặp những người muốn mượn công nhơn . Năm nông dân đồng ý mượn công nhơn lượm trái chataigne từ nay cho tới cuối tháng mười một . Họ ký hợp đồng với Đại diện M.O.I, dẫn công nhơn về nhà với họ . Chỗ ở là những gian nhà trống, nơi để mùa màng . Trên gác là nơi để rơm . Công nhơn cảm thấy dễ chịu khi ngủ lại mùi rơm rạ khô . Họ lấy gác rơm làm chỗ ngủ . Rơm thay nệm rất

tốt . Còn bếp, nồi niêu, ... ? Hỏi chủ nhà mới biết ông Đội trưởng bảo những thứ này, những người việt nam không cần vì họ sẽ tổ chức đời sống của họ theo tập quán riêng của họ . Sau khi hiểu, ông chủ nhà đem tới đầy đủ dụng cụ nhà bếp . Đời sống của công nhơn ở đây liền được tổ chức theo ý kiếng chung của mọi người .

Sáng ra, mỗi người lãnh một cái bao lớn, đi ra vườn lượm hạt chataigne cho tới chiều, đầy bao, vác về .

Dân làng sợ bị chinois (Ba Tàu) ăn thịt

Thành tìm hiểu tại sao dân làng trốn trong nhà khi những người của Thành vừa tới . Họ sợ người xa lạ á châu là những người còn dã man, có thể ăn thịt họ . Để giải tỏa sự sợ hãi vô lý này, Ông xã trưởng hội ý với Cha Sở và Thầy giáo – Tam đầu chế biểu hiện văn hóa chánh trị của nền Cộng hòa Pháp, nay bị bãi bỏ - tổ chức một trận bóng chuyền giữa công nhơn việt nam và thanh niên trong làng . Sau buổi giao hảo này, dân làng chẳng những không còn sợ hãi, trái lại còn cảm mến những người gốc nông dân chất phát bị bắt buộc rời khỏi gia đình, ruộng vườn, qua đây làm công cơ cực mà không lương . Từ đây, dân làng chia nhau, mời những công nhơn, ngoài giờ làm việc, tới nhà họ chơi, uống cà-phê, ăn bánh, cả quà biếu với những thổ sản như thịt nguội, bánh mì, trái cây, rau cải, ...

Trong lúc công nhơn lượm hạt chataigne cho đầy bao, các Giám thị len lỏi lên chân đồi, theo lời hẹn hôm trước, tìm các thôn nữ đang ngồi chần cừu của mình gặm cỏ trên cánh đồng . Các thôn nữ thích nghe kể chuyện về Việt nam xa xôi, đôi mắt mơ màng như muốn tìm về nơi đó cho biết rõ hơn . Các chàng Giám thị ngã mình xuống cỏ, nằm dài, đầu gát lên đùi thôn nữ, kể chuyện dài việt nam cho tới chiều ...

Cậu Ấm Thành nằm gát đầu lên đùi cô thôn nữ chần cừu, nhớ lại « Những bức thư Hè » của Alphonse Daudet, lúc ở nhà còn đi học, Thành đọc thấy thú vị vô cùng . Thành từng mơ ước được sống trong đó . Giờ đây, Thành thấy cái hiện tại của Thành mới thật sự thú vị ...

“Cậu Ấm” Nguyễn Văn Thành [3]

Con trai Đức Chúa Trời đều giống nhau

Hai toán công nhơn của Thành và Sanh luôn luôn được Đội trưởng chấp thuận cho đổi đi chung với nhau về cùng một nơi làm việc . Họ tới Bergerac là một làng của Tỉnh Dordogne thuộc vùng Aquitaine, Miền Tây-Nam nước Pháp .

Tới đây, Thành gặp lại Nghinh , Giám thị Đội 14 . Trong thời gian làm Giám thị, Nghinh luôn luôn tìm cơ hội xách động công nhơn biểu tình, làm reo chống đối Ban lãnh đạo hoặc chủ làm, hướng công nhơn theo quan điểm giai cấp đấu tranh . Năm 1945, Nghinh bị công an tây bắt ở Marseille vì có những hành động chống phá chánh phủ pháp có tính chánh trị và bị gởi về Sài gòn để ở tù . Ít lâu sau đó, anh vượt ngục và vượt thoát ra Hà nội, hoạt động nghiệp đoàn, cán bộ cấp lãnh đạo . Sau 30/04/75, Cậu Thành về Sài gòn gặp lại bạn cũ . Nghinh tâm sự với Thành những bất mãn về chế độ mà ông hết lòng phục vụ trước đây, bắt kể vào tù ra khám . Giờ đây, ông sống cơ cực, lang thang, không khá hơn thân phận công nhơn (M.O.I) lúc ở Pháp . Mà ngay trên xứ sở của mình . Thành được tin ông mất năm 1990 trong nghèo đói .

Những bữa ăn không quên

Về Bergerac, mọi người làm việc vừa lo đối phó với cái đói và bệnh tật do đói sanh ra . Đói và thiếu thuốc men vì chiến tranh làm cho xứ sở kiệt huệ . Ngoài giờ làm việc, nhiều người đi ra đồng tìm hái rau, trái rừng phụ thêm bữa ăn . Một hôm, họ hái được nấm đem về nấu cháo nấm . Mùi thơm bốc lên ngây ngất làm cho ai cũng thấy đói

bụng . Cháo vừa chín, Thành bị đưa đi một công tác thông ngôn gấp vì có vài công nhơn bị lỗi thời với cảnh sát . Những người ăn cháo hôm ấy bị đau bụng, bôi dầu nhị thiên đờng, cạo gió, không khỏi . Sau cùng đưa đi nhà thương . Bảy người chết do ăn nấm độc cứu cấp không kịp . Từ đó, Thành không bao giờ dám ăn nấm .

Hằng ngày, ai cũng thấy có con chó tới phòng ăn lân la kiếm ăn, nay không thấy nó nữa . Bữa cơm chiều hôm ấy có món ra-gu mùi bốc lên thơm phức . Ai cũng thấy đói bụng .Thành hỏi anh bếp thịt kiếm được ở đâu hay vậy ? Anh bếp mỉm cười « bí mật nhà nghề » . Ngồi vào bàn, ai cũng hăm hờ ăn . Có một người không ăn đĩa ra-gu . Vì lý do riêng . Một Phật tử . Những người khác cố nài ép anh ấy cùng ăn cho vui . Sau cùng, anh ăn và chỉ ăn một miếng nhỏ để bày tỏ tinh thần « đồng hội, đồng thuyền » với nhau . Phần còn lại, các bạn khác chia nhau . Dù sao, « Cờ Tây » cũng đã lên bàn ăn rồi ! Qua hôm sau, mọi người có thêm món thịt ngon lành nữa : món civet, không phải civet lapin (thỏ hầm rượu) mà civet chat (mèo hầm rượu) . Thế là từ nay, ở đây, chó hết sữa, mèo hết gạo !

Vấn đề chăm sóc sức khỏe rất may rủi . Ai bị bệnh, có đưa vào nhà thương, cũng chỉ được vài viên thuốc vô thường vô phạt . Có khi bệnh nhơn chết chưa kịp uống thuốc . Nhưng nhà thương lại là nỗi ám ảnh kinh hoàng . Năm nhà thương thường là một cuộc hành trình bất phục hồi . Có một công nhơn vào nhà thương để mổ ruột dư nhưng khi ra về « ngã sau » lại mất đi một cái thận . Người ta bảo nhau bác sĩ nhà thương thích mổ bệnh nhơn, không phải để chữa bệnh, mà để làm thí nghiệm và thực tập . Khi bệnh nhơn chết, thân xác sẽ được một nấm mồ cho khỏi lạnh lẽo nơi xứ người ? Một công nhơn việt nam thoát chết ở nhà thương Le Dantec trở về kể lại chuyện thật chính anh ta chứng kiến .

Người việt nam thích món cháo lòng . Lòng bò hoặc lòng heo . Một anh Ba Tàu làm món cháo lòng bán chui tại nhà cho những người quen biết . Ăn cháo, ai có tiền thì trả bằng tiền . Ai không tiền thì trả bằng thuốc lá trong phần nhu yếu phẩm cá nhơn của công nhơn . Việc buôn bán của anh Ba Tàu ngày càng khấm khá ra .

Ai cũng biết đang ở thời buổi khó khăn, mọi thứ đều khan hiếm, nhứt là thực phẩm nên hỏi anh Ba Tàu các thứ lòng nấu cháo, anh tìm ở đâu ra . Anh Ba Tàu cho biết anh đổi thuốc lá với một anh hàng thịt ở cách đây khá xa .

Tình cờ, một người làm công việc tẩn liệm ở nhà thương kể chuyện sáng nay, anh tẩn liệm một người, khi cho vào hòm, thấy cái xác, ngực mở toan, bên trong trống lỗng . Anh nói chưa bao giờ anh tẩn liệm một cái xác như vậy .

Những người có ăn cháo lòng nghe chuyện kể xong, bèn cùng nhau kéo tới nhà anh Ba Tàu hỏi anh Ba Tàu mua lòng ở đâu ? Hãy dẫn họ tới đó . Lúc đầu còn nói chuyện . Sau vài câu, thấy anh Ba Tàu có vẻ lúng túng, họ bắt đầu tra khảo anh Ba Tàu . Thấy tình thế hung hãn, anh Ba Tàu chịu kể lại chuyện thật : « tối hôm qua, anh thấy con mèo tha một cục gì là lạ, anh lấy cục đá chọi con mèo để giành lấy vật đó . Con mèo sợ, nhả ra và anh lượm lên, thấy một trái tim chưa hư hẵn nên anh đem rửa với nước muối và làm cháo lòng » . Nghe tới đây, nhóm mấy người khách cháo lòng liền áp tới, túm lấy anh Ba Tàu, kể thôi, người đá tới bời .

Anh Ba Tàu dựng lên câu chuyện con mèo để không khai người cung cấp lòng cho anh, giúp anh kiếm tiền từ ít lâu nay .

Ai thích món cháo lòng và lòng heo luộc chấm mắm tôm, nên cẩn thận, đừng bao giờ ăn ở tiệm Ba Tàu.

Được gắn huy chương anh dũng

Tình hình chiến sự với Đức tới hồi gay gắt . Một hôm, một hạ sĩ quan Tây tới xưởng hóa chất hỏi tìm một lính thợ (công nhơn việt nam không chuyên môn – ONS) tình nguyện đi với anh ta

về phía cánh đồi trước mặt . Một anh tình nguyện . Hai người ra đi . Một lúc sau, khi bắt đầu leo lên đồi, anh đội Tây đưa khẩu súng mút-cờ-tông (mousqueton) của mình cho anh lính thợ mang dùm để anh ta chỉ còn ống dùm cho tiện quan sát . Khẩu súng quá dài và khá nặng đối với anh lính thợ việt nam trong thế bò lên đồi nên anh ta bò chậm, luôn luôn ở phía sau anh lính tây và vì vậy mũi súng cứ chìa thẳng vài đít anh tây bò phía trước . Anh tây bảo anh lính thợ hãy quay mũi súng lại . Thấy gần tới mục tiêu, anh Tây bảo anh lính thợ bò trước . Bò phía sau anh lính thợ, anh Tây lại thấy mũi súng chìa ngay đầu của anh . Lại không được nữa . Anh bèn thay đổi thế bò, hai người bò ngang hàng nhau .



Lính Việt dưới giao thông hào

Lên tới mục tiêu, anh Tây bảo anh lính thợ giữ súng, nằm ở đây chờ để một mình anh ta bò lên trên kia quan sát . Thấy phía dưới chân đồi bên kia, lính Đức đang đi . Anh Trung sĩ vội lúi vào một bụi cây núp . Anh lính thợ nằm đó ghim súng chờ lệnh .

Bỗng, anh thấy bụi cây rung rinh . Anh sợ hãi . Cái sợ tăng mạnh lên . Tay anh ghi chặt khẩu súng . Mồ hôi toát ra . Không chịu nổi nữa, anh bèn bóp cò đại một phát . Bụi cây hết rung . Anh yên lòng nằm chờ . Nửa giờ sau, không thấy ông Tây trở lại, anh bèn leo lên tới bụi cây xem có gì lạ không .

Anh hoảng hồn vì ông Trung sĩ chết ngum do anh bắn lúc này . Giờ phải làm sao đây ? Anh đành công xác Trung sĩ về giao cho đồn lính .

Anh thật thà kể chuyện lại là do anh bắn . Nhưng vì tiếng tây của anh chỉ có mấy tiếng “ lui ...moi... bùm ...bùm ”, anh cử động tay nhiều hơn . Những người thẩm vấn anh đã hiểu chuyện . Họ để anh thông thả . Mấy hôm sau, trước sân trại, lính đứng thành hàng chỉnh tề trước cột cờ . Có cả giàn nhạc . Anh được mời tới .

Thôi nay tới số rồi, anh nghĩ bụng . Nhưng không làm cách nào khác hơn là nạp mạng . Anh đi theo người lính hướng dẫn . Anh lấy làm lạ sao anh không bị công tay như kẻ phạm tội .

Khi ra tới giữa sân, trước mặt một viên sĩ quan cao cấp thì nhạc trôi lên . Viên sĩ quan lấy tầm mề-đai móc lên ngực anh, đứng thẳng người chào anh, đồng thời tất cả lính tráng đều đứng nghiêm chào . Viên sĩ quan bắt tay anh . Anh ngỡ ngác không hiểu gì hết .

Mấy người lính Tây hiểu là anh bắn lính Đức vì lính Đức đã bắn chết anh Trung sĩ . Anh còn công xác anh Trung sĩ về trại nên anh xứng đáng được tưởng thưởng huy chương anh dũng tại mặt trận .

Người lính thợ anh dũng này chọn ở lại, lấy vợ đầm, sanh sống tại Bergerac cho tới gần đây mới mất ở tuổi gần 90 .

Đôi giày làm lỡ duyên

Nhóm lính thợ dưới sự giám thị của Nguyễn Văn Thành làm việc trong một nhà máy hóa chất ở Bergerac . Nữ công nhân người pháp và công nhân việt nam vì sức yếu được đưa qua làm chung công việc nhẹ nhàng hơn . Họ quen nhau . Một anh công nhân làm quen một cô đồng nghiệp và cả hai đều phải long nhau . Ngày nghỉ, anh được cô bạn đầm mời tới nhà chơi . Anh định bụng sẽ ở lại xứ Bergerac này luôn chớ không hồi hương .

Một hôm đi chợ trời trong làng, anh trông thấy một hộp giày phụ nữ với hình vẽ đôi giày trên hộp rất đẹp và theo hình, thì đôi giày cũng cỡ bàn chân cô đầm, bạn của anh . Giá lại rẻ vừa túi tiền của anh nữa. Không do dự, anh liền mua đôi giày, bảo người bán hãy gói ca-đô . Sung sướng vô cùng, anh liền cầm đôi giày mới mua đi thẳng tới nhà cô bạn để biếu . Quả thật, người nhận quà cũng vô cùng hạnh phúc . Còn chờ đợi gì nữa khi cả hai đều thấy mình đã yêu nhau từ lâu rồi!

Hôm ấy, anh được cô bạn đầm mời cơm nước, với cả rượu ngon . Ăn uống no say, hai người yêu nhau bấy lâu nay không thể kéo dài tình yêu lý tưởng kiểu tình yêu platonique nữa . Mà phải đi vào thực tiễn của tình yêu .

Chiều tới, anh thoải mái ra về . Qua ngày làm việc, gặp lại cô bạn, anh vui vẻ tiến tới bi-dzu (bisou = hôn) như thường lệ . Không ngờ vừa đi tới, cô bạn đầm của anh cầm hộp giày ném thẳng vào mặt anh vừa chửi toai bời . Cũng may, anh không hiểu nhiều tiếng tây, chỉ nghe được vài tiếng quen thuộc “ sa-lô, công (con) ...” . Anh kinh ngạc trước thái độ giận dữ của cô bạn . Khi nhìn hộp giày mở tung ra nằm dưới đất, thấy hai chiếc giày giống nhau, không phải chiếc chơn mặt, chiếc chơn trái, anh liền hiểu tại sao anh bị hành hung . Anh bị cô bạn đầm từ anh .

Cùng làm việc trong nhà máy hóa chất có phụ nữ alsaciennes (vùng Alsac, sát biên giới Đức) . Những người này rất thân thiện với công nhân việt nam bởi ở đây, họ cũng là những người đồng cảnh ngộ xa xứ . Phụ nữ alsaciennes có thân người kịch cỡm, khỏe mạnh hơn phụ nữ ở nhiều nơi khác .

Một hôm, công nhân đang làm việc, Giám thị Thành đi dạo trong sân xưởng hóa chất. Anh tiến về đồng thùng cạt-tông ở cuối sân . Bỗng anh bị một nhóm phụ nữ alsaciennes từ trong đồng thùng cạt-tông ủa ra ôm cứng . Anh cố sức vùng ra nhưng không thể thoát ra khỏi những bàn tay rắn chắc của các bà này . Các bà cởi quần anh ra, cùng xem, mân mê cái của anh . Xong, các bà mặc lại quần cho anh, rồi cùng cười, bỏ đi .

Mục đích của các bà chỉ muốn khám phá sự khác nhau giữa cái của Âu châu và cái của Á châu như thế nào mà thôi . Các bà hài lòng khi thấy Đức Chúa Trời thật công bằng đã tạo ra ông Adam thì ở đâu cũng đều giống hệt nhau cả . Nhưng cái của người việt nam lại hùng dũng hơn vì nhờ đánh với tàu suốt ngàn năm khôi phục được nền tự chủ và đang đánh thực dân pháp giành độc lập ...

“Cậu Ấm” Nguyễn Văn Thành [4]

Cậu Ấm Nguyễn Văn Thành và mối tình son sắc với một thôn nữ

Đổi về Lattes, một làng nhỏ về phía Đông-Nam Montpellier, Thành quen với gia đình cậu Pierre Nayral, kém hơn Thành 2 tuổi . Pierre là một cậu con trai nhà quê, nhúc nhác, hiền lành,

chất phát, không đi chơi xa khỏi nhà, không biết bơi tuy ở không xa biển lắm . Pierre có cô em gái Juliette, 15 tuổi, xinh đẹp, ngoan hiền, cũng nhúc nhác như anh . Cả hai đều nghỉ học sớm để đi làm thuê việc đồng áng trong làng nên hai anh em, mùa lượm hạt dẻ, cùng làm việc chung với nhóm công nhơn của Thành .

Bà Henriette, mẹ của Pierre và Juliette, goá chồng sớm, ở vậy, đi làm lao công cho trường học trong làng để nuôi hai đứa con . Bà lấy cách ứng xử như vậy của bà làm điều tự hào . Trong làng, có cô nào, bà nào, không giữ được « đức hạnh khá phong » thường bị dân làng phê phán và lấy trường hợp của bà đưa ra làm gương .

Thành chơi với Pierre, xem Juliette như cô em gái nhỏ nhỏ dễ thương . Ngày nghỉ, Thành tới giúp Pierre dọn dẹp vườn tược, cây cối hoặc sửa chữa vài món đồ đạc trong nhà . Bà Henriette khâu vá, kết lại nút áo cho Thành . Chỉ ít lâu sau, Thành trở thành người thân trong gia đình . Một sự thân tình rất bình thường .

Một hôm, ngồi ăn cơm tối cùng bàn, Thành nhìn Juliette và bỗng nhớ lại lời nhận xét của công nhơn trong toán của Thành : « Juliette rất dịu hiền, duyên dáng » và Thành bắt đầu nhìn cô em gái nhỏ nhỏ thấy khác hẳn, mới hẳn . Trên đường về trại, Thành thấy trong lòng bắt đầu xao xuyến . Thành báo tin ngay cho Sanh về sự thay đổi nội tâm . Sanh nói chuyện với Thành, đấng đo từng tiếng : « Juliette trẻ, ngoan và dễ vấp ngã ...Tao rất sung sướng biết được mày bắt đầu yêu, nhưng đừng quá vội say mê ...Hãy suy nghĩ chín chắn ... » .

Những ngày mới với Juliette ở Lattes

Sanh và toán của Sanh đổi đi tới làm việc cho một nhà trồng nho và làm rượu ở Gignac, một thành phố cổ của Hérault, nổi tiếng về rượu nho và nhiều thổ sản khác , cách Lattes không xa lắm . Thành liên lạc với Sanh qua thư, kể cho Sanh nghe những xúc động của thể nào là yêu đương , những buổi tối với gia đình nằng tụ họp ngồi chung quanh chiếc máy hát đĩa và quây tay lên giây thiêu cho máy chạy, nghe những bản nhạc xưa .

Sanh trả lời thư của Thành « ...Tao tưởng tượng đến hạnh phúc của mày khi mày ôm Juliette trong vòng tay của mày ... » .

Năm 1943, Thành được tin đổi đi một mình tới La Malle, một làng nhỏ của Tỉnh Bouches-du-Rhône, tăng cường cho số giám thị đã có mặt ở đó để lựa và sắp xếp lại 3000 hồ sơ lính thợ của M.O.I cất giữ từ lâu trong một ngôi nhà lớn nằm cheo leo giữa cánh đồng vắng, có lẽ để tránh bị oanh tạc vì xa những khu kỹ nghệ, thành phố .

Sự thay đổi đột ngột công tác này làm cho Thành rất buồn vì vừa xa Juliette, vừa xa toán công nhơn của Thành . Đây là lần đầu tiên, từ ngày ra đi, Thành bị đổi đi không có Sanh bên cạnh . Trước khi đi, Bà Henriette mời Thành tới nhà ăn tối với gia đình . Ở bàn ăn, không ai nói chuyện nhiều và cười vui như mọi hôm . Juliette im lặng, tránh cái nhìn của Thành . Riêng Thành miên mang nghĩ ngợi về ngày mai, về đời sống của hai người . Thành bỗng thấy đau nhói khi nghĩ tới con người ngoan hiền này, một ngày kia, sẽ rơi vào đôi tay của một thanh niên nhà quê trong làng không biết thương, không biết quý trọng nằng .

Bữa cơm tối kết thúc, Thành từ giả mọi người, bước đi chậm chạp ra cửa . Juliette đứng đây bước ra theo . Một cử chỉ bất thường vì vượt khỏi bản tánh nhúc nhác cố hữu . Ra khỏi cửa, Juliette ngã vào tay Thành . Và Thành đặt lên môi Juliette một cái hôn .

Cái hôn đầu tiên của hai người yêu nhau .

Làm việc ở La Malle, Thành chỉ biết công việc . Ngoài giờ làm việc, Thành không tham dự những trò chơi giải trí với các bạn, dành thì giờ nghĩ tới Juliette, nhớ lại cái hôn vụn vè . Thành giựt mình vì biết mình đã yêu sai đấm Juliette . Nhưng thật trớ trêu Thành lại muốn sớm quên Juliette, không muốn trở lại Lattes . Ngày mai thật mơ hồ . Thành không biết đời mình sẽ trôi nổi tới đâu thì làm sao dám nghĩ tới sẽ bảo đảm được Juliette . Lấy Juliette trong hoàn cảnh này chỉ có làm khổ nằng mà thôi . Mỗi lần Thành hi vọng Juliette sẽ quên Thành vì hai người

sống xa nhau là mỗi lần Thành cảm thấy tan nát cõi lòng . Thành mong sau ba tháng ở đây, Thành sẽ không được trở về lại Lattes .

Nhưng qua tháng bảy, tức đúng ba tháng sau, Thành trở lại Lattes tiếp tục làm việc bên cạnh toán công nhơn của Thành . Và Thành tới thăm gia đình Bà Henriette . Mọi người đều tỏ ra với cùng nồng nhiệt với Thành . Trong bàn ăn, Juliette từ nay tỏ ra dạn dĩ, chọn chỗ ngồi bên cạnh Thành . Hai người tìm cơ hội để ở bên cạnh nhau sau ngày làm việc . Trong ngày làm việc, Thành cũng thường tới lui bên cạnh Juliette . Các bạn việt nam đều thấy sự gần gũi của hai người và họ đều tỏ ra quan tâm hơn . Tuy vậy, Thành vẫn không muốn tìm cơ hội ôm Juliette vào lòng . Gần gũi bên nhau cũng đủ .

Một hôm, trong toán công nhơn của Thành đi hái nho cùng với người pháp và công nhơn làm việc theo mùa người ngoại quốc, có một người cắn ăn thử vài trái nho . Bỗng một thanh niên người pháp sấn tới, giựt chùm nho trên tay người đang ăn, vứt xuống đất, và thoi thẳng vào mặt anh này một thoi, kèm theo những lời chửi bới tục tĩu . Thế là các công nhơn việt nam xáp lại, phía gia đình và bạn bè của thanh niên tây đứng ra sẵn sàng đánh nhau . Nghe tin, tất cả anh em việt nam kéo tới hết . Phía anh kiếm chuyện thấy việt nam đông bèn bỏ chạy . Hôm sau, không thấy những người đó tới hái nho . Anh bị đánh muốn gặp anh thanh niên đánh mình để yêu cầu cho biết tại sao . Ai cũng cho rằng ý kiến này tốt nên nhiều người cùng đi tới nhà thanh niên kia . Không gặp được anh ấy và tuần sau, cả nhà dọn đi mất .

Qua những lời anh thanh niên kia chửi anh việt nam ăn vài trái nho, mọi người đoán hiểu là anh chàng tây kia ghen tức tại sao Juliette không thương người trong làng mà lại đi thương một anh Ba Tàu xa lạ .

GI và Juliette II

Cuối tháng 6/1944, Huê kỳ đổ bộ lên Pháp . Thành và Sanh rời M.O.I nhập vào GI . Hai người được phát quân phục GI đầy đủ, cả súng ống, để đi theo quân đội Mỹ làm việc . Thành có nhiệm vụ dựng trại cho Linh mục làm lễ và dọn bàn ăn cho một Đại tá Mỹ . Chiếc xe chở mọi thứ cần thiết cho đời sống một sĩ quan mỹ trên mặt trận không khác một cái Palace . Thức ăn, thức uống và những nhu yếu phẩm khác, qua ngày, xe di chuyển tới một địa điểm mới, đều bỏ lại hết . Thành lấy làm tiếc khi nhớ tới thời gian dài vừa qua, mọi người sống trong thiếu thốn cơ cực . Nhưng biết làm sao khi đang ở mặt trận ?

Trên đường theo đội quân mỹ tiến lên phía Đông-Bắc, Thành tình cờ gặp một cô gái người pháp, làm quen, tên Juliette . Được biết cô là con gái của một ông Xã trưởng trong vùng và sinh viên ở Đại học Nancy . Mỗi ngày, Juliette tới giúp Thành trong công việc phục vụ cho Đại tá mỹ và chiếc mobile home như tư dinh của ông ấy .

Thành cảm động trước sự ứng xử của Juliette bèn trút hết tâm sự với cô nàng : Thành nói về Việt nam, về gia đình, về thời trẻ đi học, về sự sức mẻ giữa cha mẹ, cha có nhiều thâm chấp, mẹ cũng có tình nhơn, làm cho Thành âm thầm đau khổ, mất niềm tin ở những giá trị đạo đức gia đình tốt đẹp, về tập quán xã hội phức tạp của việt nam, về những câu hỏi ở Thành không có giải đáp, về Juliette ở Lattes mà Thành không muốn gặp lại vì xét thấy không xứng đáng với nàng ...

Juliette theo dõi tâm sự dài của Thành cho tới khuya và nàng không về nhà . Thành mở cái ghé bố nhà binh ra cho hai người ngủ . Juliette gát đầu lên ngực Thành . Hai người nằm như vậy trên cái ghé bố cá nhơn suốt đêm . Thành ngáy ngất với mùi tóc, mùi da thịt, sự ấm áp của thân thể người con gái, nghe tiếng hai trái tim cùng đập . Nhưng Thành chỉ nghĩ ngợi và kể chuyện .

Sáng ra, Juliette phụ Thành dọn dẹp vì Thành phải di chuyển . Trước khi bước lên xe jeep, hai người ôm chặt nhau, nước mắt ràn rụa . Thành né tránh cặp môi của Juliette đang tìm môi Thành .

Một buổi trưa, cơm nước xong, Thành sửa soạn nghỉ trưa thì Juliette từ Nancy tới Marseille gặp Thành vì Thành không trả lời thư của nàng trong đó Juliette có đặt ra cho Thành một vấn đề quan trọng để biết ý kiến của Thành . Hiện cha mẹ nàng có ý định gả nàng cho một thanh niên mà nàng không hề thương . Nghe qua chuyện của Juliette, đầu óc Thành bốc khói . Thành yêu cả hai Juliette . Cả hai đến với Thành đúng vào lúc Thành cần có tình thương yêu, sự dịu dàng, âu yếm . Hai người không giống nhau . Nhưng nhờ ở hai người mà Thành thấy có nghị lực và đời sống của Thành có ý nghĩa đẹp . Thành không thể cân đo tình yêu để nói yêu người này nhiều, người kia ít . Thành thấy không thể chỉ nghĩ tới hạnh phúc riêng bản thân, mà phải nghĩ tới hạnh phúc của cả hai người mình yêu . Thành phải xem xét hoàn cảnh riêng của mỗi người, về mặt vật chất, hiểu biết, khả năng đối phó mọi tình huống nếu muốn có một quyết định trong sáng . Hiểu được tấm lòng chơn thật của Thành, Juliette chấp nhận từ đây sẽ không gặp nhau nữa . Nàng chỉ thốt ra vồn vẹn « Em yêu anh » .

Trước khi trở về Nancy, Juliette yêu cầu Thành được gặp Juliette ở Lattes . Lấy giấy phép đi Lattes đối với Thành không khó . Nhưng phải ăn làm sao, nói làm sao về Juliette này với Juliette ở Lattes . Sau cùng Sanh và Juliette đồng ý một màn kịch : Juliette là bồ của Sanh . Mọi người được Henriette tiếp đãi nồng nhiệt . Nhà chật nên Thành đã dự bị đem theo lều để cắm trại ngủ đêm . Cơm chiều xong, họ đưa nhau ra bờ biển Palavas dựng lều lên . Thành và Juliette ngồi bên nhau nói chuyện tới khuya .

Bỗng Juliette ngã mình vào người Thành, vừa thì thầm trong tiếng nghẹn : « Anh hãy yêu em . Em muốn có một kỷ niệm với anh » . Thành hiểu tình yêu và ý muốn của Juliette đối với Thành nên không giữ được nước mắt . Nhưng Thành phải cẩn thận nhắc lại lời của Thành khuyên nàng lúc ở Marseille : « Em nên quên anh . Em nên ghét anh đi . Em đã hiểu quyết định của anh . Em là người đầy can đảm, đủ sức vượt mọi trở ngại nhờ kiến thức, điều kiện vật chất sung túc của em . Còn Juliette ở Lattes là một cô gái nhà quê mồ côi, tay trắng về kiến thức và cả tiền bạc . Nàng sẽ bất lực khi phải đối phó với dân làng ty hiểm vì anh đã đến với gia đình nàng và nhứt là nàng đã yêu anh từ bấy lâu nay » . Một sự im lặng kéo dài giữa hai người . Juliette dựa đầu vào vai Thành và khóc . Sáng ra, Juliette lấy xe về Nancy .

Khi Thành theo đoàn quân Mỹ tiến tới Nancy, dân chúng chạy tủa ra đường chào mừng đoàn quân giải phóng . Mọi người chen lấn bắt tay, ôm hôn lính Mỹ . Thành lơ là . Bỗng từ trong đám đông, Juliette chạy tới, nhảy lên xe Jeep của Thành, ôm mặt Thành và hun lia lịa, làm rớt mắt kính của Thành . Anh tài xế Mỹ đã có gặp Juliette nên tỏ vẻ thiện cảm với Juliette và để cho Juliette được tự nhiên .

Thành lặng người khi nhớ lại lời của Sanh kể về Juliette sau chuyến Sanh đi gặp Juliette ở Nancy : « Tụi tao nói chuyện về mày . Juliette luôn luôn thương mày . Nó không muốn đem cho cái con gái của nó cho một người mà nó không hề thương, lấy nhau do cha mẹ bắt buộc . Mày còn muốn biết gì thêm không ? Thôi hãy khép lại chuyện tình này . Vì tở lòng kính trọng nàng » . Nhưng trong lòng, Thành làm sao quên được một người con gái đẹp, quyến rũ và đầy nước mắt !

“Cậu Ấm” Nguyễn Văn Thành [5]

Yêu nhau và cưới nhau

Mỗi lần về Lattes thăm Juliette, anh em trong Toán của Thành góp tiền phụ Thành mua vé xe lửa và quà biếu .

Về thăm gia đình Juliette kỳ này, Thành xin phép mẹ của Juliette dẫn Juliette trở lại Predeignes, nơi Thành làm việc trước đây, thăm Bà Germaine mà Thành được phép đối đãi như mẹ . Thành rất cảm động nay gặp lại bà sau thời gian dài Thành bị đày đi xa . Thành giới thiệu Juliette và được bà nhận ngay như hôn thê của Thành . Suốt tuần ở chơi với mẹ nuôi, Thành và Juliette làm phụ bà công việc nông trại . Sau bữa cơm tối vui vẻ, cả nhà ngồi trước lò sưởi lớn, vừa ăn hạt dẻ (Chataigne) nướng trong lò sưởi, vừa nói chuyện với nhau . Nay thật sự mới là dịp để Thành nói về người pháp ở Pháp, người pháp ở Việt nam, chế độ cai trị của người pháp ở Việt nam . Thành giữ thái độ bình tĩnh nhưng không tránh những phê phán nghiêm khắc chế độ thực dân và những người pháp nặng đầu óc thực dân ảnh hưởng xấu đến đất nước việt nam của Thành .

Hai người trở thành người lớn

Bỗng Bà Germaine đứng dậy trước lò sưởi, một tay cầm tay Juliette, tay kia cầm tay Thành . Bà nhìn hai người một cách vô cùng âu yếm . Thành cảm nhận đây là cử chỉ mẹ nuôi nhìn nhận chánh thức Thành là hôn phu của Juliette . Cũng như tuần trước đây, Bà Henriette, mẹ của Juliette, đã đồng ý cho Thành dẫn Juliette đi Predeignes thăm Bà Germaine, mẹ nuôi của Thành . Trên xe lửa trở về Lattes, Thành mạnh dạng với tư cách chồng sắp cưới của Juliette, ôm nàng vào lòng . Thành tiếp nhận sự ấm áp của người con gái, nghe tiếng tim đập mạnh trong lồng ngực của nàng . Hai người dừng lại ở đó ... Thành chỉ có một ý tưởng trong lúc này : Juliette là vợ sắp cưới, người bạn đời, mục đích của cuộc sống của Thành .

Hôm trước khi trở về Marseille, như thường lệ, mẹ của Juliette đi làm rất sớm . Ở nhà chỉ còn hai người . Lần này, họ không còn là « hai đứa trẻ ngoan ngoãn » nữa . Họ muốn thử làm người lớn . Họ đã thật sự làm người lớn . Và quả nhiên, cả hai đã trở thành hai người lớn đàng hoàng .

Về tới Marseille, Thành vội báo tin cho Sanh là chàng đã cụ thể hóa tình yêu Juliette . Sanh nghiêm giọng bảo « Từ nay, mày không còn một thân một mình nữa nghen . Đừng quên điều đó ... »

Từ nay, Thành chia sẻ đời sống trọn vẹn với Juliette . Thành thề với mình là phải lo tạo hạnh phúc và sự an lành cho nàng . Thành không ngớt mơ ước một mái nhà cho hai người . Trước mắt, Thành không thể làm gì khác hơn là dìu Juliette lao mình với Thành vào một cuộc sống đầy phiêu lưu .

Đội 15 của Đội trưởng Sellier đổi về Sorgues, gần Avignon . Đang làm việc ở đây, một hôm, Thành nhận được thư của Juliette, vắn tắt báo tin nàng có bầu . Từ hôm ở Predeignes về, Thành luôn luôn tự cư xử như người sẽ có con và chờ ngày đó . Nay được tin mừng này, Thành vội vàng nghĩ đến phải hợp thức hóa tình trạng của Juliette . Sanh nhận lãnh trách nhiệm lo tổ chức đám cưới ở Thị xã Sorgues trong lúc đó Thành đi Lattes để thưa chuyện với mẹ của Juliette . Sau khi nghe Thành xin cưới Juliette, bà không có gì phản đối cả : « Tôi không thấy tại sao tôi lại phản đối hai người cưới nhau . Điều mà tôi mong muốn là hạnh phúc của con gái của tôi » .

Sự chấp nhận lời xin cưới Juliette của Thành vào lúc đó là cả một sự can đảm phi thường của Bà Henriette . Lattes còn là một làng có không quá 1000 cư dân . Tinh thần dân làng thiện cận, cực kỳ bảo thủ nên để kỳ thị cái gì mới lạ, không phải của mình, không giống mình .

Để làm hài lòng Bà Henriette, Thành xin lễ cưới ở nhà thờ . Cha sở đòi sổ rửa tội . Thành không thể cung cấp được vì mất liên lạc với gia đình do chiến tranh . Không có sổ rửa tội, Cha sở không làm lễ vì không biết Thành có phải công giáo không tuy Thành đã nghiêm chỉnh xác nhận là gia đình Thành đi đạo ngay từ thời các nhà truyền giáo mới qua tới . Như các gia đình quan lại khác . Thành bắt đầu thấy tức giận . Juliette thúc cùi chỏ nên Thành im lặng .

Cha sở bảo nộp một số tiền thì ông sẽ đặc cách cho miễn giấy rửa tội . Thành không thể chịu nổi những đòi hỏi của nhà tu hành này nữa, bèn bỏ đi . Và hôn lễ ở nhà thờ bỏ qua luôn . Mãi tới năm 1951, tình cờ gặp lại Lm Fortier ở Paris, nguyên Giáo sư Trường La Providence ở Huế, Thành kể lại chuyện chưa làm đám cưới đạo được . Lm Fortier bèn thương lượng với một nhà thờ tây và làm lễ cưới cho Thành và Juliette .

Thành chọn Thị xã Sorgues tổ chức lễ cưới chánh thức để tránh những tốn kém phải có với bà con, lán giềng trong lúc hai người không có một xu dính túi . Lễ cưới ở Sorgues là một cách làm bí mật . Chỉ có Sanh là người làm chứng duy nhất .

Tới ngày cưới trước Chánh quyền Thị xã Sorgues, Thành đeo nhẫn cho Juliette, chiếc nhẫn của bà ngoại của Juliette . Tới phiên Thành, Juliette trông vào ngón tay của Thành chiếc nhẫn mà Pierre, anh của Juliette, mua lại của một tù binh Đức năm trước .

Xong lễ cưới ở Thị xã, Sanh đi về trại một mình . Lợi dụng còn ít thì giờ trước khi phải trả phòng khách sạn, Thành chỉ đủ tiền đi mua 1 kg táo (pomme) để cô dâu, chú rể cùng ăn trưa thay cho bữa tiệc cưới . Thành thấy rõ đang dần thân, không phải một mình nữa, vào con đường trước mắt đầy khó khăn, gian khổ .

Trả phòng khách sạn, Juliette và mẹ lấy xe lửa trở về Lattes . Thành không đi theo được vì không có vé . Nhìn ba người, Juliette, mẹ và đứa con trong bụng, lên xe lửa và xe vừa chạy khuất, Thành bắt đầu đi bộ 7 km về trại để hôm sau làm việc . Trên đường đi, cứ mỗi bước chơn nhấc nhờ Thành từ nay phải cố chèo chống, phải xây dựng đời sống gia đình .

Đám cưới ở Thị xã Sorgues được giữ kín nhưng một tuần sau, trong Đội, nhiều người biết .

Ông Đội trưởng Sellier bèn đề nghị cho Thành một tuần nghỉ phép để đi thăm vợ mới cưới .

Anh em công nơn hùn tiền mua cho Thành vé xe lửa và quà cáp để mang đi .

Pierre, anh của Juliette và vợ, cả hai người chỉ giữ sự lịch sự tối thiểu đối với Thành trong thời gian Thành ở chơi trong nhà .

Một hôm, tình cờ Thành nghe được những lời không hay của lán giềng về vợ chồng Thành « Không thể được . Một sự pha trộn máu huyết như vậy chỉ có thể sanh ra những quái thai mà thôi » . Do đó, Thành hiểu Juliette và mẹ của nàng phải sống trong một hoàn cảnh vô cùng gay gắt . Juliette và bụng bầu của nàng là mục tiêu cho những lời biêu riếu của mọi người trong làng . Cả với anh chị của Juliette nữa . Thành lầy làm lo ngại . Trái lại, Juliette vẫn phớt tỉnh, coi như không có chuyện gì hết .

Đang làm việc ở trại Việt nam ở Marseille, Thành được tin Juliette vừa sanh đứa con trai tại nhà thương Montpellier . Sanh vội vàng tổ chức cho Thành đi thăm vợ con còn nằm trong nhà thương . Gặp vợ con, thấy thương quá, Thành không muốn rời vợ con để trở về Marseille . Xe lửa lúc này, vì bị ảnh hưởng chiến tranh nên chưa hoạt động lại bình thường . Thành phải có mặt ở nhà Ga sớm chờ khi có xe là nhảy lên . Khoảng đường Montpellier – Marseille chỉ có 170 km, ngày nay đi xe lửa mất 1giờ 30, nhưng lúc đó, có khi Thành phải mất 12 giờ và nhiều khi còn đi bộ thêm bảy tám cây số nữa. Về tới trại, mọi người xúm lại chung quanh Thành để hỏi thăm đứa bé . Ai cũng bảo từ nay, chúng ta có một « tiểu quốc » trong trại . Thành cảm thấy vô cùng hạnh phúc được anh em dành cho những tình cảm quý báu như tình ruột thịt .

Sanh đề nghị một nhóm nhỏ bạn họp lại để tìm cho đứa bé một cái tên bắt đầu bằng vần ghép « TH » . Có đề nghị THÔNG MINH . Ai cũng tán thành . Riêng Thành cho rằng Thông Minh thì đẹp nhưng hàm nghĩa tự cao . Hay hãy chỉ lấy chữ THÔNG mà thôi ? Thế là mọi người cùng đồng ý tên NGUYỄN VĂN THÔNG .

Bé Thông được 4 tháng, Thành đưa hai mẹ con Bé Thông tới Marseille đoàn tụ gia đình . Vài ngày sau, Đội 15 đổi qua Cuers trong Tỉnh Var, cách đó 50km . Mọi người lên chuyến xe lửa, bên hông treo tám bảng « 8 con ngựa, 40 người ta » . Trên toa xe lửa, Sanh và Cầu nắm giữ chiếc xe đẩy của Bé Thông cho đừng xô dịch vì xe đẩy của bé không có bộ phận giữ xe đứng yên được .

It lâu sau, Đội 15 trở lại Marseille . Đúng như Thành nói với Juliette khi hai người chánh thức yêu nhau là từ đây Juliette sẽ sống với Thành những ngày phiêu lưu, gian khổ .

Thành suy nghĩ thấy không thể để Juliette một mình xoay sở nuôi con được vì Thành như lính quân dịch không có lương đủ sống . Thành quyết định xin ra khỏi tổ chức công nhơn, bỏ vé tàu hồi hương, để tìm việc làm có lương nuôi vợ con . Thành viết thư thông báo Sanh quyết định của mình . Anh em trong toán gom góp giúp Thành vé xe lửa đi Paris . Thành chỉ có vốn vụn hơn chục quan trong túi . Đi xe đêm, sáng ra, Thành tới Gare de Lyon của Paris trong bộ y phục lính thợ : áo va-rơi, quần nỉ xanh dương, bé-ré phủ tới hai tai, đôi giày nhà binh cao cổ . Trời lạnh, bụng đói cồn cào, nhưng không dám mua một cái sắn-quít . Thành nhớ tới khu latin là nơi có nhiều người việt nam sanh sống nên tìm đường tới đó . Trên Đại lộ Saint Michel, Thành trông thấy một tiệm ăn tên Le Dragon, bèn tiến thẳng tới vì biết chắc đó là tiệm của người việt nam . Bước đại vào, gặp ông chủ đang làm sổ sách, Thành khai thật hoàn cảnh của mình, xin làm bất cứ công việc gì trong tiệm để sống qua ngày, tìm việc làm nuôi vợ con .

Thấy Thành đang đói bụng, chủ nhà hàng dọn cho Thành ăn . Một bữa ăn ngon nhứt từ ngày xuống tàu tới nay . Thành được nhận rửa chén, chùi nồi niêu, lau nhà, ...và tối ngủ ở tiệm . Trong bữa cơm với gia đình chủ nhà hàng, Thành nhận thấy những người này tôn sùng Hồ Chí Minh theo cách xưa là không muốn ai xúc phạm tới người lớn . Vì vậy, Thành giữ gìn ý tứ của mình . Một hôm, thấy ông thầy học củ tới ăn cơm, Thành xin phép ông chủ để nói chuyện . Sau khi nhận ra thầy trò và biết hoàn cảnh của Thành, ông Thầy củ hứa giúp Thành ăn và chỗ ngủ ba tháng để Thành có thì giờ thực hiện dự tính của Thành . Từ giả Le Dragon, Thành xách gói theo Thầy . Mỗi ngày, hai thầy trò ăn ở một nhà hàng khác nhau, không bao giờ trở lại chỗ đã ăn qua rồi . Ngủ cũng vậy .

Thành thi đậu vào một khóa huấn nghệ ngành thợ tiện học sáu tháng có lương . Mướn được một phòng trong khách sạn ở Quận XVIII Paris do một công nhơn củ ONS nhường lại, Thành vội rước vợ con lên . Khách sạn dành cho công nhơn lao động nên không có nước, vệ sinh trong phòng . Vợ chồng Thành vẫn thấy vui mừng vì được sống chung với nhau và Thành có lợi tức hằng tháng trang trải đời sống hằng ngày .

Cùng thực tập chung một phống, một học viên người Alsacien bỗng hỏi Thành ăn cơm vào mấy giờ vì thấy, từ mấy hôm nay, Thành không ăn cùng giờ với mọi người . Thành thành thật trả lời là không ăn trưa vì không đủ tiền mua ticket . Qua hôm sau, gặp lại Thành, anh bạn alsacien bắt tay Thành và nói « Kể từ hôm nay, anh ăn một bữa, tôi ăn một bữa . Ticket của tôi, ta chia nhau như vậy . Anh nhận lời cho tôi vui lòng » .

Từ hôm đó, Thành thấy dễ chịu để làm việc hơn nhờ có bữa ăn trưa của bạn chia sẻ .

Mắn khóa, Thành tìm được việc làm ở xưởng Renault và một chỗ ở khác, khá hơn và gần sở làm .

Juliette sanh thêm một cậu trai nữa . Hai con tới tuổi đi học, Thành xin được nhà chánh phủ đủ chỗ cho gia đình . Đời sống của Thành bắt đầu đi vào nề nếp ổn định .

Sanh và bạn củ thường tới thăm gia đình Thành . Trong những người tới chơi, có hai người lớn tuổi hơn, trông có vẻ khá giả hơn . Một người tên Nguyễn Được và người kia tên Hoàng Đôn Trí . Cả hai đều là kỹ sư Trường Centrale và Trotkistes . Nhưng Thành biết vậy, chớ hai người này không hề tuyên truyền cộng sản Đệ IV với Thành .

Năm Hồ chí Minh qua Paris, trong một buổi tiếp xúc kiêu bào, Ông Hoàng Đôn Trí tiên tới hỏi Hồ chí Minh « Tại sao ông giết Ông Tạ Thu Thâu của chúng tôi ?

Hồ chí Minh trả lời « Em còn nhỏ, sau này, em sẽ biết » .

Hai con trai của Thành đều học giỏi . Một người làm bác sĩ và người em làm kỹ sư . Cả hai có gia đình và ngày nay có cháu nội . Đây là trường hợp khá đặc biệt vì con em công nhơn đều đỗ đạt cao . Thường con em gia đình trung lưu, như bác sĩ, kỹ sư, viên chức cấp chỉ huy xí

ngiệp mới đồ đạt bác sĩ, kỹ sư . Đây cũng là nề nếp tiến thân của xã hội pháp . Việt nam ở Pháp là ngoại lệ .

Về hưu, Thành chọn về sống an dưỡng tuổi già ở chốn cũ Lattes, đầy những kỷ niệm xưa, lúc hàn vi.

“Cậu Ấm” Nguyễn Văn Thành [6]

Lòng yêu nước và những ray rứt

Mọi người trong Toán của Thành trở về đoàn tụ đầy đủ ở Marseille vì trước đó bị phân tán do cuộc đổ bộ của Quân đội Mỹ giải phóng nước Pháp . Dân chúng pháp vui mừng chiến thắng . Người việt nam lợi dụng sự nồng nhiệt của dân chúng và những lời tuyên bố của Chánh phủ pháp về những quyền Tự do và Nhỏn quyền bèn tự động đoàn ngũ hóa . Nhiều trí thức, chuyên viên kỹ thuật, sinh viên việt nam đến hướng dẫn anh em công nhơn tổ chức thành những đội ngũ về thể thao, nghiệp đoàn, chống nạn mù chữ,.. .

Bộ Thuộc địa pháp nhìn người việt nam tập hợp thành đoàn thể xã hội không phù hợp với mục tiêu chánh trị của Chánh phủ bằng cặp mắt khó chịu . Vì vậy, liền đó, họ cho những người việt nam khác, được họ tín nhiệm, đứng ra tổ chức những tổ chức tương tự để chia rẽ và làm suy yếu những tổ chức mới này .

Anh em công nhơn lấy làm tự hào và tin tưởng Mặt trận Việt minh sẽ đem lại Độc lập cho Dân tộc . Họ gắng liền thân phận cùng khổ của họ với sự giải phóng giành độc lập ở Việt nam . Họ không hiểu gì xa hơn .

Trong lúc đó, người việt nam tại Pháp hoạt động chánh trị lại bị chia làm hai phe : Staline và Trotsky hiểm khích và chống đối nhau . Sách lược của họ cơ bản khác hẳn nhau về đường lối tranh đấu cho Độc lập xứ sở.

Đại diện Chánh phủ việt nam ở Paris gồm đảng viên cộng sản hà nội . Họ muốn dựa hơi cộng sản pháp đoàn kết tất cả công nhơn việt nam về dưới trướng của họ . Nhưng phía chống đối họ lại đông hơn bao gồm những người trotskistes, có học hơn những người phe Staline . Hai phe chống nhau khá quyết liệt . Phe hà nội được cả Chánh phủ pháp ủng hộ vì ở Pháp lúc bấy giờ cộng sản mạnh và vừa tham gia kháng chiến chống Đức . Phe Staline hà nội lên án phe trotskistes là những người xách động và phản quốc . Họ không ngần ngại xử dụng mọi phương tiện từ nhà tù, vu cáo, đềm chỉ, chỉ để nhằm loại những người trotskistes khỏi vùng đất họ có mặt .

Thành nhận lãnh Ban chống nạn mù chữ . Trước đây, chánh thức xin phép Bộ Lao động tổ chức những lớp học cho công nhơn nhưng bị từ chối . Tuy nhiên Thành vẫn âm thầm dạy được một số ít biết đọc, biết viết trong đó Cầu học khá hơn hết và nay tham gia trách nhiệm Ban An ninh và Thể thao .

Hồ Chí Minh ở Marseille

Người việt nam ở Pháp đã chia phe chống nhau do cộng sản hà nội theo Staline chủ trương nhằm độc quyền lãnh đạo quần chúng . Nay, Hồ Chí Minh ký Hiệp ước 6/3/1946, chấp nhận nhượng bộ cho Pháp trở lại Việt nam đào sâu và khoét rộng sự chia rẽ giữa những người việt nam ở Pháp . Nhiều người không cộng sản chỉ ủng hộ Việt Minh kháng chiến đánh tây giành Độc lập Dân tộc, nhiều người mới gia nhập cộng sản thấy thất vọng khi nghe Hiệp ước sơ bộ sẽ đem lại một Việt nam Tự do nhưng trong Liên hiệp pháp .

Tuy nhiên, người việt nam ở Marseille không vì vậy mà không tổ chức cuộc biểu tình chào mừng Hồ Chí Minh tới Marseille ngày 17 tháng 9 năm 1946 .

Hôm đó, Đại biểu công nhơn và phái đoàn công nhơn, đứng đối diện Hồ Chí Minh, nhơn danh người việt nam ở Marseille, bài tỏ lòng biết ơn đối với đồng bào đang chiến đấu ngoài mặt trận . Đại biểu long trọng xác nhận hoàn toàn ủng hộ cách mạng . Tiếp theo, anh trình bày nỗi lo ngại và hoang mang lớn trước những hậu quả nguy hiểm của Hiệp ước do Hồ chí Minh ký với Pháp . Nghe xong nhưng Hồ Chí Minh im lặng, không một lời . Trái lại, ông kêu gọi kiều bào hãy học nghề chuyên môn :

“Đất nước chúng ta cần thợ chuyên môn và chuyên viên kỹ thuật để tái thiết . Còn chánh trị, hãy để cho những nhà chuyên môn giải quyết ” . Và ông nói tiếp : *“ Tôi nhắc lại với các anh, các chị, đất nước của chúng ta giống như một người nông dân có đất nhưng không có hạt giống . Nước Pháp sẽ đem giống tới cho chúng ta . Hai nước sẽ chia nhau mùa thu hoạch . Các bạn có hiểu tôi không, hỏi đồng bào thân mến ”* .

Hơn 5000 người, đứng theo hàng ngũ nghiêm chỉnh, đều như bị đông lạnh . Cái im lặng kéo dài . Với giọng kẻ cả, Hồ Chí Minh hỏi lại lần nữa : *“ Tôi không có lý à ? Các anh chị hiểu tôi không ? ”* . Cái im lặng vẫn kéo dài . Bỗng từ cuối hàng, có một tiếng nói cất lên : *“ Chúng tôi hiểu ”* . Chắc người này là cán bộ cộng sản đứng vào đó làm cò mồi !

Người trách nhiệm tiếp tân để bài quốc ca La Marseillaise của Pháp hát lên, tiếp theo Quốc ca việt nam và sau cùng, bản Quốc tế ca .

Nguyễn văn Thành vì đứng khuất nên không thấy Hồ Chí Minh có đưa nắm tay lên cao và cùng hát Quốc tế ca hay không ?

Hiểu thế nào những lời ẩn dụ của Hồ Chí Minh để không phải trả lời thẳng câu hỏi nêu lên thối mác và hoang mang của người việt nam ? Cứ theo đó, một cách đơn giản, người ta có thể hiểu kẻ đem đến tiền bạc, phương tiện, còn người khác lo lao động cho sanh lợi . Khi chia lợi nhuận, theo lời của Hồ Chí Minh, thì chia cách nào cho người bỏ công có chút cháo ?

Nguyễn văn Thành nhớ lại chuyện lúc nhỏ, trên lè đường trong thành phố nơi cha làm Tuần vũ, vừa tránh một thanh niên tây thì bị thanh niên này cặp cổ đánh vào mặt và còn chửi toì bời . Và chuyện một người đàn ông học thức, khá giả, tôn trọng luật ưu tiên trong giao thông lúc lên đò, bị một người pháp đánh và chửi thậm tệ vì không biết nhường cho người pháp đi trước . Như vậy, thử hỏi làm sao có thể có được sự phân chia hợp lý giữa người cai trị và người bị trị được ?

Cộng sản hà nội và Chánh quyền pháp hợp tác

Ở các trại, mỗi sáng có lễ chào cờ, tức chào cờ pháp . Công nhơn người việt nam lợi dụng chào cờ, kéo theo cờ đỏ sao vàng, tức cờ của Mặt trận Việt minh . Chánh quyền pháp can thiệp, ra lệnh rút xuống và cấm treo .

Nhưng họ đi vừa khuất là anh em công nhơn lại kéo lên trở lại . Như vậy, anh em tránh được khỏi bị đòn, có khi mang thương tích và chảy máu .

Nhưng sau đó, có lẽ do cán bộ cộng sản được cày trong hàng ngũ công nhơn báo cáo, Đại diện Chánh phủ hà nội ở Paris viết thư cho ban Đại diện công nhơn chỉ thị anh em không được cứng đầu tiếp tục treo cờ nữa.

Trong thư, Đại diện chánh phủ hà nội nhấn mạnh “ ... Để chứng tỏ lòng tin tưởng và tình hữu nghị của chúng ta đối với nước Pháp ” .

Từ đây, anh em công nhơn đành phải vâng lệnh của Hà nội . Mối quan hệ của anh em công nhơn với Đại diện Hà nội ở Paris ngày càng căng thẳng . Phía chánh quyền pháp thường phối hợp hành động với Đại diện Hà nội để đàn áp Ban đại diện công nhơn . Nhiều người phải chịu rút lui, có khi phải lẩn tránh, để khỏi bị chánh quyền pháp bắt bớ, tù đày .

Cộng sản hà nội dễ dàng thương lượng, hợp tác với thực dân nhưng, trong lúc đó, đối với các thành phần yêu nước chơn chánh khác, như các đảng Việt nam Quốc dân đảng, Đại việt Quốc dân đảng, hay những người yêu nước không theo cộng sản,...không bao giờ họ khoan nhượng . Bởi cộng sản hà nội với thực dân pháp có chung ông cố nội . Ông cố nội của họ là

Đế quốc tư bản . Ông này sanh ra Quốc tế cộng sản và Đế quốc thực dân . Quốc tế cộng sản sanh ra cộng sản hồ chí minh và Đế quốc thực dân sanh ra thực dân pháp ở Đông dương . Nên thực dân pháp và cộng sản hà nội là anh em hàng ngang với nhau . Anh em công nhơn vì được tổ chức thành hàng ngũ và tham dự ngày lễ Lao động 1/5 . Sau ngày biểu tình này, dân chúng địa phương bày tỏ cảm tình nồng nhiệt với công nhơn Việt nam . Nhưng vui mừng chưa trọn thì những anh em có uy tín, được anh em công nhơn thương, thấy bắt đầu bị hăm dọa thường xuyên về an ninh . Họ có thể bị tù ở Marseille, ở Sorgues hay ở Sài gòn . Chánh quyền tây và hà nội cấu kết với nhau chặc chẽ trong công tác dòm ngó, theo dõi, vu cáo, lập hồ sơ, âm thầm bắt bớ ...

Những ray rứt

Tháng 2 năm 1975, Thành đưa vợ về Việt nam ăn Tết, sau ba mươi năm xa xứ . Thành đi theo chương trình du lịch về Việt nam do Phái bộ Công giáo Paris (MEP = Missions Etrangères de Paris - Bộ phận truyền giáo sớm tới Việt nam) tổ chức . Ghi danh xong, Thành cảm thấy trong lòng xao xuyến sẽ thấy lại quê hương nhưng cũng có những lo ngại nặng nề .

Điều làm Thành khổ tâm là từ 30 năm nay, Thành có những bất hòa với gia đình ở Việt nam . Sau khi tới Pháp, Thành bắt đầu có xu hướng ủng hộ Việt minh trong công cuộc kháng chiến giành Độc lập Dân tộc . Vì mất những liên hệ tình cảm gia đình, Thành theo đuổi những giá trị qui chiếu xã hội, đất nước . Như năm 1945, Việt minh cướp chánh quyền, Vua Bảo Đại thoái vị chấm dứt chế độ quân chủ lâu đời ở Việt nam, thiết lập nền Cộng hòa ở Miền Bắc, là những điều cho Thành tin tưởng sẽ dẫn tới nền độc lập cho xứ sở . Thành cảm phục và tri ân những người đã dấn thân cho viễn ảnh tốt đẹp này . Trong niềm hân hoan đó, năm 1947, Thành nhận được thư của mẹ báo tin cha mất trong tù Việt minh .

Phản ứng của Thành lúc đó đã làm đau lòng những người trong gia đình vì thấy Thành chấp nhận cái chết của cha là phải . Vì ông làm quan lại và cộng tác với chánh quyền thực dân thì phải đền tội . Thành chỉ bất mãn hoàn cảnh cha chết . Ông không được xét xử đàng hoàng . Ông ở tù kéo dài, bệnh hoạn, kiệt sức, không thuốc men rồi chết . Thành hiểu và bất mãn là ông không chết vì chức vụ đã làm, mà chết vì bị chánh quyền cách mạng cấp địa phương trả thù một cách hèn hạ . Nhưng nếu Cậu Ấm Nguyễn văn Thành ở Việt nam sau ngày 30/04/75, chắc chắn Cậu sẽ không bất mãn, trái lại còn hiểu rõ đó đúng là chánh sách, đường lối chung của cộng sản . Bởi không làm như vậy, không phải là cộng sản . Mà lại là cộng sản hà nội ! Sau khi thân sinh của Thành chết trong phòng biệt giam trong nhà tù cách mạng ở Quảng trị, mẹ và các em của Thành dọn vào Sài gòn .

Cuối năm 1988, bà mất . Sau chồng 40 năm . Cho tới ngày mất, bà vẫn né tránh không nói cho Thành biết về cái chết của cha . Nhiều lần, trong câu chuyện vui vẻ, Thành bắt qua hỏi bà nhưng cứ mỗi lần như vậy, bà đều làm như không nghe . Đây là điều làm cho Thành thắc mắc không giải tỏa được .

Năm 1992, Thành đi về Việt nam một mình vì vợ ở lại săn sóc sức khỏe cho mẹ . Sau vài ngày ở Sài gòn, Thành bỗng có ý nghĩ đi tìm lại Tình, người yêu ngày xưa .

Thành nhờ chú em đưa đi ra Huế vì Tình ở đó . Tới nơi, Thành nhận ra con đường ngoằn ngoèo mà 43 năm trước, Sanh và Thành đã đi xe đạp tới để gặp Tình . Nhưng Thành đứng cách xa lồi 20 m . Tới đúng nhà, nhưng Tình ở Sài gòn để chữa bệnh . Hai người bèn trở lại Sài gòn .

Qua hôm sau, chú em Thành chở Thành đi tìm nhà Tình bằng xe gắn máy . Tới đúng địa chỉ, Thành thấy một người đàn bà lớn tuổi, mặc y phục đen, bèn lễ phép hỏi :

- Thưa Cô, tôi muốn gặp Cô Tình .
- Chính tôi đây, trả lời với tiếng nói rất nhỏ .

- Cô có nhớ Thành không ?
- Nhớ chứ , trả lời nhanh nhẹn, không do dự .
- Tình, Tình có biết không đây là lần đầu tiên, tôi được nghe tiếng nói của Tình ?
- Anh không nói gì hết, không hỏi gì hết . Làm sao tôi có thể nói chuyện chứ ? Với tôi, hôm nay cũng là lần đầu tiên nói chuyện trực tiếp với anh .

Ghi chú :

Loạt bài này được viết dựa theo Hồi ký của tác giả Nguyễn văn Thành “ Saigon-Marseille : Aller simple ” do nhà xuất bản Actes Sud xuất bản, 2012 và nhiều thông tin rải rác khác, những câu chuyện do vài người làm Giám thị-Thông ngôn ở lại Pháp kể lại trong đó có Cự Nguyễn Giáp Thới, người Thanh Hóa .

*** Cự Nguyễn văn Thành mất tháng 12/2012, tại Lattes, quê vợ, hưởng thọ 93 tuổi (tính theo Việt nam) .

Xin trân trọng tri ơn .

&&&

Nguyễn Thị Cỏ May với Nguyễn triều vong thổ

Chiếc Jumbo 747 Air France đáp xuống phi trường Charles De Gaulle.

Một ngày trong cõi ngu lạc trường, trong phiêu lãng quên mình lãng du, phù lãng nhân tôi có mặt trên đường Saint Germain Des Prés, là nơi tao ngộ của Jean Coteau, Van Gogh... Ở đó có quán cà phê vỉa hè Le Café de Flore nổi tiếng bậc nhất Paris, nơi sinh thời Sartre và Beauvoir hay ngồi để viết lách. Đứng trước cửa quán, bên kia là nhà thờ cổ lỗ sĩ có con gà cồ đứng trên tháp chuông. Bỗng nhà thờ điểm hồi chuông báo tử “boong...boong...”, phù lãng nhân tôi chợt nhớ ra Jean Paul Sartre, Simone De Beauvoir đã về với tha ma mộ địa tự hồi nào.



Sau 50 năm trở lại Paris, không biết đi đâu...?

Ma dẫn lối quỷ đưa đường thế nào chả biết nữa, bởi ngụy lặn trong cõi người ta với 50 năm thấy ngắn, nhưng dằng dênh tới nửa thế kỷ lại quá dài. Chẳng nhẽ học thói quân tử hiếu cổ với người Việt lưu vong tại Paris, gần đây họ thường hay mò tới mộ Hàm Nghi ở làng Thonac. Hay phi cổ bắt thành kim, họ tìm đến mồ mả Duy Tân ở nghĩa địa Passy trên đồi Trocadero. Nhưng di hài của Duy Tân mới đây đã được đưa về Huế, chỉ còn lại nắm mộ Hàm Nghi.

Làng Thonac ở đâu? Chắc phải nhờ vả người Việt lưu vong Nguyễn thị Cỏ May quá.

Căn nhà số 11 của người Cỏ May đây rồi, từ lề đường dẫn vào cửa, hai bên trồng hoa gọn gàng, sạch sẽ như...đàn bà với cái bếp. Đón phù lãng nhân tôi ngoài cửa, người dẫn phù lãng nhân tôi qua bếp. Cái bếp ngăn nắp thật với gang tay, tạp dề treo lưng lẳng đầu vào đấy. Tới phòng khách có cái cầu thang xoắn từ thời Louis 13 xoắn vòng vòng thấy muốn chóng mặt. Ngõ được ngồi phòng khách nói chuyện *nhập thế tục bất khả vô văn tự, chẳng hay ho cũng húng hắng một vài* hay *yên ba giang thượng sử nhân sầu* thì người dẫn thẳng tuốt ra vườn.

Ra vườn, chưa kịp mắt đảo tít như lạc rang đây đó. Va vào mắt hàng rào gạch đỏ quanh quách làm theo đất tù túng sao ấy. Ngồi xuống bàn ở mảng xi măng bé con con, trên bàn có hai tách cà phê Carte Noir. Bèn ngẫm ngợi sao không là “Ông già chống gậy” Ba Tri, hay “Nước mắt quê hương” Gò Đen để *quạnh hơi thu lau lách điều hiu, chén quỳnh mong cạn nhớ chiều chúc ti* ngày nào năm ấy ở Thạch trúc gia trang. Hoặc giả để có những giây phút yên sĩ phi lý thuần với tang bồng hồ thủy, để cảm khái *dục phá thành sâu dụng tửu binh*...thì đập vào mắt là bản du ký “Đi thăm mộ Nam Phương hoàng hậu” của người Nguyễn thị Cỏ May. Ngẫu sự này chả ngẫu nhiên tí nào, bởi Nam Phương hoàng hậu người Gò Công, người Cỏ May thành hoàng bản thổ ở Tân Giuộc, qua cầu Ông Thượng là tới ngay...Gò Công, dễ hiểu vậy thôi.

Nhưng chả dễ hiểu chút nào vì khi nghe tôi muốn tới làng Thonac, người ới taxi vì người...không biết lái xe. In hịt như ở miền đất ẩm tình nồng, taxi là xe nhà, xe hiệu Citroen 2CV và “lái xe” là...đàn bà. Vì khi gọi taxi qua điện thoại, người cứ “oui” với “non” riết, vì người lãng tai nên nhà nào đó họ gửi “lái xe” đàn bà chẳng? Ngồi trên xe, tôi buồn môi giữa miệng với người là chỉ biết Hàm Nghi qua ông Phan Trần Chúc. Đại thể Hàm Nghi lên ngôi khi mới 13 tuổi, trở thành vị vua thứ 8 nhà Nguyễn. Sau vụ thất bại tại kinh thành Huế, Hàm Nghi phát hịch Cần Vương. Phong trào kéo dài được 4 năm, Hàm Nghi bị bắt...Ông Phan Trần Chúc là “người đầu tiên” nói đến việc Bùi Viện sang Mỹ. Ông là nhà văn viết tiểu thuyết lịch sử, nên truyện *Hàm Nghi và Cần Vương* của ông đầy rẫy chuyện rất hấp dẫn, như vùng rừng Quảng Bình, cư dân đồng Nghè, xã Thạch Hoá đào được kho báu Hàm Nghi có tới hơn 2 tấn (!?) tiền cổ. Năm thỉnh mười thoảng họ còn nhòm thấy cụ voi tên Quận Công của Hàm Nghi, da mốc meo, lưng còn đeo cái gai rách bươm của vua đi lang thang trong rừng nữa mới rõ khi.

Nghe đến Hàm Nghi bị bắt..., người Cỏ May được thể một sách một chữ rằng:

Rằng cứ theo một bài báo cũ trích từ tuần báo Le Monde Illustré (số 1665 ra ngày 23 tháng 2 năm 1889 tại Paris) nhan đề “Le Roi d’Annam” trang 118-120 do ký giả Jean Locquart tường thuật về việc người Pháp bắt giữ Hàm Nghi và đưa ông sang an trí ở Alger.

Vua An Nam (Le Roi d’Annam) :

Ông bộ trưởng bộ Hải Quân vừa nhận được tin mới nhất thông báo vua Đồng Khánh nước An Nam đã từ trần ở Huế ngày 27 tháng 1 (năm 1889) sau cơn bạo bệnh. Vua Đồng Khánh thọ 25 tuổi, lên kế vị em ông là vua Hàm Nghi ngày 19 tháng 9 năm 1885, người đã được quan phụ chính Thuyết (Tôn Thất) đưa đi khỏi kinh thành sau vụ tấn kích ở Huế ngày mùng 5 tháng 7 năm 1885. Hàm Nghi sau đó bị truất vị đã phải sống một thời gian khó khăn và không chấp nhận những đề nghị thoả hiệp cho đến khi ông bị biệt đội của đại úy Boulanger bắt được.



Một buổi chiều binh đội của viên đại úy được tin cựu hoàng lẫn trốn cùng với Than-Tat-Thiep (Tôn Thất Thiệp), con trai phụ chính Thuyết tại một làng hẻo lánh trong rừng núi cao nguyên Giai (?). Binh đoàn của Boulanger liền bao vây nơi nhà vua ở và khi cửa chính bị đập tung ra thì thấy Thiệp đã thức giấc vì tiếng động của vụ tấn công, còn Hàm Nghi đang ngủ say ở bên cạnh. Cả hai người đều để gươm trần ở bên cạnh và trong tay có khí giới nhưng không chống trả được gì. Thấy chủ soái thất thế, và để tránh cảnh tù nhục khi bị bắt đem đi, Thiệp toan đâm chết ông (Hàm Nghi), nhưng vì quân Pháp dự tính bắt sống nên lập tức nổ súng hạ gục Thiệp. Hàm Nghi phải theo đoàn quân đến một nơi đã định chờ ngày đưa ông đi an trí. *Việc này thể theo ý nguyện của Đồng Khánh là cựu hoàng phải ra khỏi nước*, và Algérie là quốc gia có phong tục và khí hậu thích hợp nhất để tiếp nhận kẻ mới bị bắt. Hàm Nghi được đưa lên chiến hạm Biên Hoà, do thuyền trưởng Caillard chỉ huy, rời Hải Phòng ngày mùng 7 tháng 12 vừa qua và vào cảng Alger khoảng 3 giờ chiều ngày chủ nhật 13 tháng 1 (1889).

Làm như thấy ai trồng khoai cũng vác mai đi đào hay sao ấy, thấy củ khoai “Đồng Khánh muốn Hàm Nghi lưu vong”. Thì tôi đào sỏi với người trồng khoai Cỏ May rằng lịch sử là một quả cầu tròn, mỗi người nhìn một phía...Phía bị che lấp là Đồng Khánh đích thân ra Quảng Bình chiêu dụ Hàm Nghi về hàng nhưng không thành công. Vì vậy Đồng Khánh nói với người Pháp đưa Hàm Nghi đi an trí cho chắc ăn là thế. Lại làm như ăn khoai môn ngựa miệng sao đó, được thể tôi đào sỏi thêm chuyện “Một nhà mà có ba vua: Vua còn, vua mất, vua kia chạy dài”. Câu ca dao này nói về Thiệu Trị có ba người con làm vua: Kiến Phúc làm vua được 8 tháng thì mất. Hàm Nghi chống Pháp nên bị đi đày. Đồng Khánh lên ngôi được hơn 3 năm thì băng hà.

Ngồi trên xe hết hàn huyên chuyện “củ khoai”...đến phù lãng nhân tôi và người Nguyễn thị Cỏ May với cùng một lứa bên trời lặn đặng, lộ sẵn quen nhau, in hệt như Bạch Cư Dị gặp bà kỹ nữ già trên bến Tầm Dương ...Thi loáng một cái đã tới bến sông Vézère phía trung nam nước Pháp thuộc vùng Dordogne. Chiếc xe Citroen 2CV lụm cụp như con cóc cụt lên đồi xuống dốc một hồi cuối cùng cũng tìm ra làng Thonac buồn như trấu cấn. “Lái xe” lái vòng vòng qua làng Sergeac ở bên cạnh tìm chỗ nghỉ qua đêm. Làng nào ở bên Tây cũng có nhà thờ cổ lỗ sĩ với con gà cồ đứng trên tháp chuông, cái cầu đá bắc qua con suối chẳng lớn hơn con rạch là bao, và cũng chẳng thể thiếu hàng cây platane dọc theo bên đường giông như cây hòe bên...Tàu. Hiểu theo nghĩa là chẳng có gì để văn dĩ tải đạo chuyện...đi Tây này.

“Lái xe” lái xe tìm được...“quán trọ làng”. Quán trọ làng cũng là quán ăn, ngoài cửa treo bảng gỗ hàng chữ “Auberge Castel Merle” và cái đèn bão đỏ. Trong khi Cỏ May vào trong nói chuyện với chủ quán, “lái xe” và tôi ở ngoài đốt thuốc. Khi không “lái xe” dòm lên cái cầu thang dốc đứng rồi nháy mắt với tôi. Đang cứng như bùi giời, “lái xe” chỉ đám cỏ khô và nói: “Mày ăn đi”. Đang búi bán không biết đám cỏ khô là cỏ vằn, cỏ thi hay cỏ may thì “lái xe” nói: “Mày ngu như con bò”. Nói xong cun cút đi vào quán ăn, còn tôi leo lên cầu thang thăm thú phòng ngủ. Quán trọ có hai phòng ngủ, bèn vào để “tham quan”, phòng nực mùi ẩm mốc của gỗ thông, phòng có một cái ghế bành to đùng, một cái giường đồng cao lêu nghêu thuộc dạng Luois 15 hay 16 gì đấy và cái bồn tiểu cho đàn ông cũng cao không kém. Tôi nghĩ người Việt ta đến đây thăm mộ Hàm Nghi hơi bị nhiều nên leo lên giường hay đi tiểu chắc phải bắc ghế quá!

Xuống lại quán ăn đã thấy “lái xe” ngồi riêng một bàn đang chơi ô chữ trong tạp chí mang theo, Cỏ May ngồi ở góc quán. Bởi chuyến đi này là thăm mộ Hàm Nghi, ngồi xuống tôi hành ngôn hành tỏi với Cỏ May rằng không thiếu những vua, quan, sư, hoạn quan, thầy bói, đàn bà con gái bị bắt hoặc đem đi cống và đã từng rơi vào cảnh “nước non ngàn dặm ra đi”. Nhưng ít ra những nhân vật của lịch sử đó cùng lấm chỉ lặn lội sang Tàu là cùng. Chưa có ai bị đưa đi xa tít mù khơi tới bên kia quả địa cầu như các vua nhà Nguyễn. Vì vậy gần đây có một loạt chuyện “Đi tìm dấu tích ba vua lưu đày” trên mạng lưới với Nguyễn triều vong thổ là thế.

Vì cùng chống Pháp, Thành Thái và Duy Tân bị đày ra đảo Réunion, sau nhờ con rể (*) vận động, Thành Thái được về quê nhà. Duy Tân bị tử nạn máy bay, gần đây di hài cũng được đưa về an táng bên cạnh Thành Thái, tại Huế. Tiếp đến tôi bấm búi với những năm tháng lưu vong của ông và những người đi theo ông làm gì, ăn uống ngủ nghỉ ra sao, có... nước mắm và cơm không? Bởi hình dung đến hai cha con Thành Thái, Duy Tân lẫn quần bên ven đảo bắt ốc, câu cá, trên là trời, dưới là nước thấy quạnh quẽ chi đâu! Thêm một lần, người Cỏ May một sách ăn giấy qua cô Amandine Dabat, là con của công chúa Như Lý, cháu ngoại Hàm Nghi. Hiện cô đang làm luận án tiến sĩ về cuộc đời và sự nghiệp của ông ngoại cô tại Sorbonne. Cô cho biết, đi theo ông ngoại cô có một thông ngôn, một người hầu, một đầu bếp. Và chuyện là:

Là khi tới Alger, Hàm Nghi được toàn quyền Tirman của Algérie và đại úy Henri de Vialar tiếp đón. Ngày đầu tiên Tirman đãi tiệc như một thượng khách chứ không phải là một người đi đày. Trong bữa tiệc, Vialar được lệnh tìm nhà cho ông. Ngôi nhà có tên là “Biệt thự cây thông” (Villa des Pins), ở El Biar, trên một ngọn đồi cách Alger 5 cây số.



Villa des Pins

Những năm đầu tiên, Hàm Nghi sống trong ngôi nhà mà người Pháp thuê cho. Chỉ sau khi kết hôn với một phụ nữ Pháp, họ mới xây một ngôi nhà có tên là “Biệt thự Gia Long”. Ông sống trọn đời tại đây cùng với gia đình. Mục đích của chính phủ Pháp khi đưa ông đến Alger, trước hết là Hàm Nghi vẫn là người kế nghiệp và vẫn có thể kế ngôi nếu Đồng Khánh băng hà. Vì vậy, ông được đối đãi tử tế để cho ông có thiện cảm với nước Pháp.



Chân dung Hàm Nghi những năm tháng cuối cuộc đời lưu đày. (Ảnh tư liệu gia đình)

Hơ! Tôi đang cách rách với quân vương 17 tuổi được ăn cơm Tây. Chả hiểu quân vương vật lộn với “phóng-xét” (fourchette), “cùi-rìa” (cuillère) vất vả thế nào. Vừa lúc chủ quán bước ra giới thiệu quán có món “Poulet de Bresse”. Ông phẩm phở là “gà quý phái” vùng Bresse, thịt ăn rất mềm và đậm đà vì được nuôi như gà đi bộ này kia kia nọ. Thế là tôi ới cái Coq au vin và chả thể thiếu món foie gras và rượu vang vùng Domme. Còn người Cỏ May làm đĩa sa lát vì...ăn chay. Trộm nghĩ cứ theo đức Lạt Ma dạy những người sống mà không biết hưởng mùi đời thì người đây đã chết khi còn đang sống chứ còn khi gì nữa. Cơm nước xong ra ngoài để *nhớ nhà châm điếu thuốc*. Lực đực dòm đám cỏ khô trong bóng tối u u minh minh và cũng quảng chả hiểu sao mình lại...ngu như con bò. Trở vào quán thấy Cỏ May và “lái xe” đã biến từ hồi nào không hay. Leo lên cầu thang, đi qua cái phòng không có bồn tiểu đàn ông. Thấy cửa đóng im ỉm mới vỡ nhẽ ra lý sự gì người Cỏ May ới taxi mà chị “lái xe” vūm vūm là...đàn bà.

Sáng hôm sau, “lái xe” còn ngủ, Cỏ May rủ tôi qua làng Thonac. Vừa thả rong nghe chim rùng hót líu lo, ngắm gà đi bộ...tung tăng đi bộ, Cỏ May vừa cho tôi hay làng Sergeac có Chateau de Losse của hoàng tộc nhà Nguyễn khi xưa.



Chateau de Losse

Vì Thonac là quê vợ nên ông bà đã mua Chateau de Losse lúc sinh thời. Rồi ăn mắm ăn muối gì chả biết nữa, khi không tôi quần quả tới đám cưới của vương quân Hàm Nghi.



Mặc dù...ăn chay, Cỏ May được thể ăn mồn bát vạt đũa chữ nghĩa thiên hạ thế này đây...

Hàm Nghi đính hôn với Marcelle Laloe, con gái của ông Laloe, Chánh án toà Thượng Phẩm Alger. Buổi sáng hôm ấy, từ Biệt thự Rừng Thông, ông lên xe song mã đi thẳng đến nhà Chánh án Laloe ở trung tâm thủ đô. Ông với áo quần dài và khăn xếp đen bước xuống xe đón Marcelle từ tay thân phụ và rước người yêu lên xe đến nhà thờ làm lễ cưới. Cảnh tượng ông vận áo dài đen, đầu quấn khăn đen, cấp bên mình một cô đầm Pháp mặc áo cưới trắng, trắng muốt ngồi trên xe song mã đã làm xao động phố phường Alger.

Trong suốt 40 năm chung sống (1904-1944), theo lời kể của công chúa Như Lý, hai ông bà rất hạnh phúc. Dù phải sống xa quê nhà, ông vẫn giữ được nề nếp gia đình, dòng họ. Mặc dù chả bắt thế kỷ nhân nhưng tôi chắc như bấp luộc Như Mây là “Như Mai” vì cô em là...Như Lý. Vì các cụ ta xưa đặt tên cho con với câu “Mai, Mơ, Lý, Mận mận mà cả cả tư”. Với tư là 4, ông lên ngôi năm 1884, bà cũng sinh năm 1884, Vị quân vương lập gia đình năm 1904, 40 năm sau, Hàm Nghi mất năm 1944. Làm như Trần Đoàn với lý số, tôi xoi xói như thầy bói mức canh là: Tất cả cuộc đời ông nổi trôi cùng một dòng sinh mệnh với...số 4 với tứ hành xung, ngũ hành tương đắc với mất cái này, được cái kia qua một kiếp nhân sinh.

Làng Thonac chỉ có khoảng 500 cư dân, nơi Như Mai đưa hài cốt cha mẹ mình từ Alger về quê ngoại chôn cất năm 1965. Tôi vào nghĩa trang, đi tìm những mộ to, cứ nghĩ mộ vua phải lớn. Tìm hơi lâu mãi không thấy nên hơi lo, bỗng Cỏ May từ xa kêu đã tìm được mộ. Bia mộ bị thời gian soi mòn, rêu phong mọc trên lớp đá vân cẩm thạch, nhưng vẫn nhìn ra 4 hàng chữ:



Tên họ Hàm Nghi (và tên thánh)
Quốc vương An Nam
Sinh tại Huế 1871,

Mất tại Alger 1844.

(Dưới hầm mộ có hài cốt của 5 người: Hàm Nghi, Marcelle Laloe, Như Mai, Minh Đức và Marie Jeanne Delorme).

Thấy mất phù lãng nhân mất tròn đầu hỏi với hàng chữ Marie Jeanne Delorme? Cỏ May mượn mặt ấy là tên bà quản gia của dòng họ. Cỏ May eo óc thêm công chúa Như Lý có chồng là Công tước Labesse sống tại làng Chabrignac gần Limoges. Hai người sống ở lâu đài phía bên kia đường làng Chabrignac, cách nhà bà Nam Phương 500 m mà hai bên không bao giờ gặp nhau. Nhưng ngày bà Nam Phương mất, hôm ấy Như Lý cũng có mặt để tiễn đưa. Khi Như Lý nằm xuống, cả hai nằm chung một nghĩa trang làng. Như Lý nằm ở phía trái từ cổng vào, bà Nam Phương nằm bên mặt. Cách nhau theo chiều ngang chừng 50 m. Cỏ May rù rì không biết giờ đây hai bà đã gặp nhau chưa? Gặp nhau chưa là nói cho có chuyện vậy thôi, bởi ba ông Hàm Nghi, Duy Tân, Bảo Đại có gặp nhau trên đất Pháp bao giờ chẳng? Trăm tội chỉ vì mấy cụ vua nhà Nguyễn lấy quá nhiều vợ, sinh con nhiều quá (Minh Mạng 78 con trai, Thiệu Trị 29 con trai). Thêm hai ông vua bắt lặc (Tự Đức, Khải Định) nhận cháu làm con nuôi nên mới rách chuyện. Chỉ có một cái ghé cũ sì mốc meo mà con nuôi, con đẻ, bác, cháu thay nhau trèo lên trèo xuống đến chóng mặt. Chỉ tội cho người đọc sử thời “Nguyễn Mạt” cứ lộn tung phèo cả lên. Hơ! Lạ một nhẽ sử ta có Lê Mạt, Trần Mạt, người đọc sử chả thấy hai chữ...Nguyễn Mạt đâu? Có thể cụ Sử thần Trần Trọng Kim thời Bảo Đại quên chẳng? Dám lắm ạ!

Trên đường ra cổng nghĩa trang, bị mằn mò bởi mộ bia Hàm Nghi vừa đơn giản, vừa rêu phong ẩm mốc, tôi lênh đênh tới mộ phần cụu hoàng Bảo Đại được chôn cất tại nghĩa trang Passy thuộc hạt Trocadero Paris 16e xây dựng từ đầu thế kỷ XIX, nơi chôn cất nhiều nhân vật thành danh từ Tổng thống Pháp Alexandria Millerand, đến tài tử phim hài hước Fernandel... Ông không tiền và cũng không có thể lặc để được chôn cất tại đây, đây là phần mộ của một thương gia giàu có ở Paris, rất kính trọng cụu hoàng, khi nghe ông qua đời đã hiến phần đất này cho ông. Rồi tôi lụi đụi tới Nguyễn Phước tộc, một thời hết lãng xăng chăm bón bà đầm Monique Baudot và Bảo Đại tới hoàng tử Bảo Long có thanh kiếm “Nguyễn triều chi bảo”. Nên chả hiểu họ có ngó ngàng tới phần mộ Hàm Nghi hay không? Hay nói khác đi: *Hàm Nghi là một ông vua bị bỏ quên bên bờ lịch sử*. Với Nguyễn triều thất thổ, tôi muốn “Đi tìm dấu tích ba vua lưu đày” trong đó có một Hàm Nghi, vì vậy mới lọ mọ với bài văn sử này.

Với những ông vua lưu vong thì chẳng quên chuyện bên bờ lịch sử: Khải Định trích quỹ công mua nhà cho Bảo Đại. Thành Thái bị đi đày, Pháp đưa Khải Định lên thay, Khải Định cũng gửi tiền giúp đỡ Thành Thái. Khải Định mất, Duy Tân gửi trướng liễn phúng điếu: “Ông vội bỏ đi đâu, bỏ bạc, bỏ tiền, bỏ con, bỏ *hát bội*, bỏ hết trần duyên trong một lúc” “Tôi nay còn lại đó, còn trời, còn đất, còn non, còn anh hùng, còn nhiều vận hội giữa năm châu”

Với Khải Định, phù lãng nhân tôi chẳng thể thiếu vắng câu đối đi vào văn học sử của ông...

“Xuân xanh tuổi ngoài đôi chục, chơi đực trần ai, khi bài khi bạc, khi tài bàn vác, khi tổ tôm quanh, khi năm canh ngồi nhà hát, khi gác cổ ả đào, *khi ghê tàu con đĩ xác, khi nằm rạp thuốc phiện tiêm*, rạng ra rỗng, ngông ra phết, cóc biết chi tòi, miệng én đưa qua mùi gió thoảng”.

“Quốc gia lịch sử thiên dư, do truyền nhân vật, như Tô như Duật, như Phật Tử Quân, như Trần Quốc Tuấn, như Phạm Công thượng tướng quân, như Bạch Vân phu tử, như ngự sử Lê Cảnh Tuân, như công thần Nguyễn Công Trứ, tài chi tuấn thời chi tuế, thế chi ư, khí nhưng nhiên phủ, thần long đắc vũ tiện vân đằng”.

Ý đồ tôi là Khải Định tài hoa, nào khác gì Hàm Nghi. Nhưng chưa kịp vẽ vệt thì “lái xe” lái xe tới đón, đành phải về lại Paris trong một ngày ít gió nhiều mây. Xuống xe rất sành điệu củ kiệu, tôi móc túi trả tiền, cũng vừa lúc “lái xe” móc ví đưa tôi 10 Euro. Đang bật rật vì gì mà lạ quá thể thì...thì “lái xe” nghiêm và buồn nói: “Đẻ mày mua...cỏ khô”. Hôm qua mới sợi gà đi bộ Coq au vin, ực rượu vang vùng Domme nên phù lãng nhân tôi tê tái con gà mái kể gì.

Cùng mây chiều gió sớm qua một thoáng mây bay với 50 năm trước, phù lãng nhân tôi có một thời lẩn la ở trường Beaux Arts tại Paris, ăn đong ăn vay với cái nghiệp vẽ nên tạm cho là quen thuộc với tranh Pierre-Auguste Renoir, tượng Auguste Rodin với trù tượng, ấn tượng. Nên tôi hiểu là chả phải cứ ấn cái tượng vào tranh là tranh...ấn tượng. Nên trên xe tôi nuốt câu nhả chữ gọt cốt vừa giầy với người Cỏ May những gì về hội họa và điêu khắc...

Chuyện sau này tôi mới biết trong 55 năm lưu vong, Hàm Nghi đã trở thành một họa sĩ và một nhà điêu khắc. Tác phẩm của ông đã được trưng bày năm 1926 tại Paris. Tất cả bằng vào tờ trình của viên thông ngôn Trần Bình Thanh gửi cho toàn quyền Pháp Tirman: Ông đại uý de Vialar tới xem và thấy những phác họa của Hàm Nghi, tuy không theo trường phái nào của hội họa Âu châu, nhưng rất có nét nên de Vialar đưa họa sĩ Marius Reynaud tới để dạy hội họa cho ông. (họa sĩ Reynaud theo trường phái phương Đông, khi ấy đang sống tại Alger)



Điêu khắc gia Aristide Maillot
Hàm Nghi với những tác phẩm điêu khắc

Thế là ông say mê lao vào hội họa. Mỗi tuần, Reynaud (giải nhất Roma) tới dạy hai lần, vào thứ ba và thứ sáu. 10 năm sau, ông sang Paris xem cuộc triển lãm của Eugene Henri Paul Gauguin, tranh của ông chịu ảnh hưởng Gauguin từ đấy. Năm 1904, ông học điêu khắc với Auguste Rodin và điêu khắc gia Aristide Maillot. Nếu như con người thường vắng mặt trong các tác phẩm hội họa của ông vì ông có khuynh hướng vẽ phong cảnh, thì trong điêu khắc, ông tìm cách thể hiện những khuôn mặt phụ nữ Tây phương, qua những bức tượng bán thân. Tuy nhiên nói vãi thì lại nói vơ, tôi vơ bèo vạt tép ngẫu sự ông chịu ảnh hưởng Gauguin? Có thể vì cuối đời Gauguin sống Tahiti, khoảng thời gian này, tranh phong cảnh, người và màu sắc của Gauguin rất gần gũi với phương Đông. Lại nữa, có thể ông chịu ảnh hưởng Gauguin qua bức tranh nổi tiếng có cái tên đầy ấn tượng là: Chúng ta từ đâu đến - Chúng ta là ai - Chúng ta đi về đâu". Và có thể đó cũng là khắc khoải của ông trong những ngày tháng lưu vong.

Ngoài mỹ thuật, với văn chương ông có những mối giao tình gần gũi trong giới văn học nghệ thuật Pháp đương thời. Tiểu sử về ông của bà Judith Gautier ghi: Nhà thơ Pierre Louys là người đã giới thiệu ông với nhà văn nữ Théophile Gautier, bà là một nhân vật nổi bật trên văn đàn thời ấy. Bà viết tiểu thuyết, làm thơ, dịch thơ Đường và nặn tượng...Điều ít được biết, là khi quen biết ông, bà đã sáng tác một truyện ngắn mà chủ đề là cuộc chiến của Hai Bà Trưng. Truyện ngắn này đã được đăng trên bán nguyệt san "La Revue de Paris" (số đề ngày 15-12-1897). Bà làm nhiều bài thơ về "ông hoàng An Nam" (Le Roi d'Annam) và... "điêu khắc chân dung" ông. Một bài thơ dài, rất dài, nói lên tình cảm và sự trân quý đối với ông qua hai câu tiêu biểu: *Ôi, quân vương niên thiếu lên ngôi - Rong quần quại dưới thêm, hấp hối.*

Trong cuộc gặp gỡ năm 1902, bà Sepkina-Kupernhic kể lại rằng ông đã thổ lộ những điều mà ông đã và sẽ không nói với ai, những điều ông dồn nén trong lòng và chỉ đợi dịp trào ra. Đó là mục đích cuộc đời của ông...". Theo sử gia Fourniau: "Không ai biết ông đã ghi chép những gì trong hơn nửa thế kỷ lưu đày, điều đó mãi mãi sẽ là điều bí ẩn". Tất cả ghi chép bằng chữ Nho và cất trong một cái hòm, một ngày kia cái hòm đã bị cháy. Ông không được may mắn như Duy Tân viết văn, làm thơ đăng trên các báo Pháp như Le Peuple, Le Progrès, và đoạt

giải nhất văn chương của Viện Hàn Lâm Khoa học và Văn chương của đảo Réunion năm 1924, với tiểu luận "Variations sur une lyre brisée" (Những biến tấu của một cây đàn lyre đổ vỡ).

Năm 2010, nhà Drouot tổ chức bán đấu giá bức tranh sơn dầu "Sur la route d'El Biar" (Trên đường El Biar), tên khác là "Chiều tà" (Le Déclin du jour) do Hàm Nghi vẽ vào năm 1915.



Chiều tà (Le Déclin du jour)

15 năm sau...

Mười lăm năm sau với nước chảy qua cầu, năm 2030, nhằm vào cái tuổi tịch dương vô hạn hảo, tôi trở lại Paris một lần nữa. Thả bộ tới quán Le Café de Flore, chả cần nhà thờ cổ lỗ sĩ bên kia đường điếm ba hồi chuông "boong...boong...", tôi cũng biết thừa bừa Sartre, Beauvoir đã chết mất đất rồi. Ngồi xuống ghế, thành thơ giờ tập bản in đã vàng ó có tựa đề: "Cậu Ấm Nguyễn Văn Thành" của Cô May.

Đọc để có "cảm giác" yên sĩ phi lý thuần rồi gặp...người Nguyễn thị Cỏ May sau.

Người Cỏ May viết về một nhân vật tên Thành, 17 tuổi gia nhập lực lượng lính thợ theo lời kêu gọi của Bảo Đại: "Không phải đánh giặc, mà làm việc trong công binh xưởng". Anh Thành tới Marseille năm 1939 và được đưa về xưởng hoá chất. Tình hình chiến sự với Đức tới hồi gay gắt. Một hôm, ông đội Tây tới hỏi tìm người tình nguyện đi với ông về phía cánh đồng trước mặt. Anh tình nguyện. Hai người leo lên đồi, ông đội Tây đưa khẩu súng mousqueton của mình cho anh Thành mang dùm để ông đội Tây bò vào bụi cây trên đồi dùng ống dòm cho tiện quan sát.

Đột nhiên anh Thành thấy lính Đức đang đi nên vội lủi vào sau tảng đá núp. Bỗng, anh thấy bụi cây rung rinh. Tay anh ghi chặt khẩu súng. Mồ hôi toát ra. Anh bóp cò đại một phát. Bụi cây hết rung. Anh yên lòng nằm chờ. Nửa giờ sau, không thấy ông Tây trở lại, bèn leo lên tới bụi cây xem và anh hoảng hồn ví ông Tây chết ngum do anh bắn lúc nãy. Giờ phải làm sao đây? Anh đành công xác ông Tây về giao cho đồn lính. Anh thật thà kể chuyện lại là do anh bắn. Nhưng vì tiếng Tây của anh chỉ có mấy tiếng "lui ...moi... bùm...bùm".

Hôm sau, trước sân trại, lính đứng thành hàng chỉnh tề trước cột cờ. Thời nay tới số rồi, anh nghĩ bụng. Khi ra tới giữa sân. Viên sĩ quan lấy tầm mè-đai móc lên ngực anh, đứng thẳng người chào anh, đồng thời lính tráng đều đứng nghiêm chào. Viên sĩ quan bắt tay anh. Anh ngơ ngác không hiểu gì hết. Nhưng mấy người lính Tây hiểu là: lính Đức đã bắn chết ông đội Tây. Anh bắn lính Đức. Nên anh được thưởng huy chương tại mặt trận. Sau anh Thành lấy vợ đầm, sinh sống tại Bergerac. Ông mất năm 2012 tại Lattes, quê vợ, hưởng thọ 93 tuổi.

Đang giảng giảng câu chuyện qua ngày tháng đắp đổi, tôi quay quắt với những năm tháng Hàm Nghi cũng lấy vợ đầm ở Alger và nằm xuống ở quê vợ làng Thonac giống như ông Thành. Như sử gia Fourniau viết: "Không ai biết Hàm Nghi đã ghi chép những gì trong hơn nửa thế kỷ lưu đày, mãi mãi sẽ là điều bí ẩn". Theo tôi chẳng có gì bí ẩn: Hàm Nghi theo Càn Vương năm 13 tuổi thì đơn giản như đan rổ là ấu vương được quần thần dẫn đi chạy trốn để chống Pháp. Ấu vương bị lưu đày, rồi nhằm vào cái tuổi bất chí lão tương chi sẵn cái mạch quê hương bản quán vạn kiếp tha hương nghìn đời thâm ấy: Hàm Nghi viết lại mảnh đời

lưu dày của mình như ông Thành vậy. Nào khác gì tác giả Nguyễn thị Cỏ May, một người di tản buồn mượn giấy khô mực nẻ qua ông Thành với nỗi sầu vong gia thất thổ, gửi gắm cho mai hậu nỗi cô liêu trầm luân trong bể phù sinh. Vì chuyện “Cậu Ấm” Nguyễn Văn Thành là chuyện có thật. Cỏ May viết truyện dựa theo hồi ký của tác giả: “Saigon-Marseille: Aller simple” do nhà xuất bản Actes Sud xuất bản năm 2012. Cỏ May đã dàn trải khúc kết như thế này đây: Năm 1947, Thành nhận được tin cha mất trong tù Việt Minh ở Quảng Trị. Thành bất mãn vì ông không được xét xử đàng hoàng. Ông ở tù kéo dài rồi chết như những người tù cải tạo năm 75 sau này.

Đùm đậu với chuyện người di tản buồn với vong gia thất thổ, phù lãng nhân tôi ăn đơng ăn vay thì tôi: “Bắc kỳ mắm tôm”, Cỏ May: “Nam kỳ mắm ruốc” đặng đầu cái năm 75 dứt phim nên bỏ của chạy lấy người. Người miền Bắc sau hai lần di cư: Năm 54 trôi dạt vào miền Nam, đợi hai năm sau thống nhất hồi cố quận. Năm 75 lại chạy mất đất một lần nữa nên mang cái tâm trạng buồn trôi dạt đai ruộng vườn với những u hoài *quê ta xa mãi bên kia biển, chỉ thấy tôi bởi mây trắng vương*. Để rồi bối rối nhìn trời nhìn đất nỗi hoài cố quận *ai ra bến nước trông về Bắc, chỉ thấy mây trời chẳng thấy làng*, nào khác gì ngày qua tháng lại với hôm nay sẽ là quá khứ của ngày mai. Ngày ngày cứ chồng chất lên mãi để thành một chuỗi quá khứ nặng nề.

Vô hình chung, những người miền Bắc đang là con ốc chuyền chở quá khứ, nhưng quá khứ nhiều lúc muốn cởi bỏ không phải là dễ. Như chuyện con ốc già sống cô quạnh trong một vũng đầm lầy với chuỗi tháng ngày cứ day dứt nó mãi. Cứ mỗi một ngày, trả một ngày cho quá khứ, quá khứ vì thế chồng chất trên lưng con ốc. Một hôm nó nhất định mang quá khứ đi chôn, chỉ có thể mới có được những nhẹ nhàng thanh thản. Khi con ốc chở quá khứ đến mé đường, bên kia là nghĩa địa, nó thấy băng qua bên kia không phải là dễ. Dòng xe như mắc cửi không chừa một khoảng trống để chậm như nó có thể vượt qua. Nó sẽ bị bánh xe nghiền nát trước khi bò qua bên kia đường vì nó đã già rồi. Vì thế nó đành cõng quá khứ trở về nơi đầm lầy nước đọng xưa kia, nó thâm nhủ suốt quãng đời còn lại, đành ôm những quá khứ cho riêng mình...

Quá khứ chồng chất trên lưng con ốc của người miền Nam khác người miền Bắc. Ngẫu sự không phải qua một đời người từ 54 đến 75, mà kéo dài theo chiều dày của lịch sử với một biểu hiện khác. Từ ngày những người Đảng Ngoài theo chân chúa Nguyễn vào Đảng Trong. Tổ tiên họ trong lớp di dân có những nhà nho, với chữ Hán họ để rơi rớt dọc đường hồi nào không hay, Nên người Nam không sính chữ Hán như người Bắc, như...phù lãng nhân tôi. Nhưng họ đã quang gánh mang theo gia tài văn hóa trong đó chữ Nôm. Họ đồng hóa người Chiêm Thành, họ nuốt chửng Thủy Chân Lạp. Tiếng nói lưu dân vùng đất mới theo môi trường địa lý mới. Những hội nhập này khiến chữ Nôm trong Nam có những dị biệt về phát âm như "chun, chiền", thay vì "chung, chiếng". Những biến thái cấu trúc về chữ viết, phát âm và thành ngữ đã tạo nên phương ngữ miền Nam cùng phong thái đặc thù của giọng nói của người miền Nam lưu dân.

Với giọng nói, đến tao đoạn tối như đêm dày như đất này, thì vào thời khai sơn phá thạch, họ theo chúa Nguyễn Hoàng vào Thuận Hoá, va chạm với người Chăm để có tiếng Trung. Vào đến đất Đồng Nai, gần gũi với người Miên, họ có tiếng nói riêng của họ: Ấy là giọng nói miền Nam. Thêm bà Từ Dũ vợ Thiệu Trị, mẹ Tự Đức, là người Gò Công. Bà thích ăn mắm Gò Công làm bằng tôm, mắm chở bằng thuyền ra Huế cả tháng nên bị chua vì vậy mới có “mắm tôm chua”. Lại nữa, bà cấm cung phi và người hầu trong cung nói tiếng Trung mà phải là tiếng Nam. Bởi nhẽ đó người Huế ngày nay có nhiều “thổ ngữ Nam kỳ” mà “Ngũ Quảng lưu dân” không có.

Có hay không thì phong thổ, địa chí mập mờ nhân ảnh mịt mùng gió mây đã tạo nên phong thái, phong cách con người ta cho mỗi vùng đất. Bắt qua chữ nghĩa, từ phong thái đây đưa đến văn phong cũng khác. Người Bắc viết văn mang cái bệnh đều, nói cay, nói đắng, lấy

cái gia vị của gừng, của tỏi làm cái ngon miệng. Vì thức ăn chẳng có gì, như chén cơm sống trộn tỏi với nghệ. Vậy mà người đọc cứ khen hay. Nhưng...”hay” ở chỗ với thế sự thăng trầm quân mạc vấn, với cái miệng nói rần trong hang cũng phải bò ra, họ nấp sau hậu trường làm...thầy dùi. Lớp di dân trên con lộ sinh tử qua chặng đường lịch sử mà Quảng Trị như cái cổ họng thất lại đến nghệt thờ. Người Trung từ mảnh đất này mang thi ca biến thành cuộc đời là làm thơ hay đi...tu. Đất đai càng khô cằn càng nhiều nhà tu, họ tu vì thất chí với cuộc đời nên làm...thơ.



Với phong thái, qua 108 anh hùng Lương Sơn Bạc ở xe hủ tiếu của Tàu, họ mang cái hào khí của thủ lĩnh Tống Giang nên thích làm...tướng đeo sao với túy ngọa sa trường quân mạc tiếu. Làm báo ở quán cóc hay quán nhậu, họ không quên mang cái hào sảng bỏ đào mỹ tửu dạ quang bơi với một...Lỗ Trí Thâm, hay cái trung dũng khí tiết của một...Võ Tòng đã hổ.

Trở lại thời khai sơn phá thạch, từ thưở xa xưa ông tằng bà tổ của họ theo các chúa Nguyễn vào đây khai phá. Qua những năm tháng họ gây dựng lên mảnh đất trù phú thế nên năm 75 miền Nam mất với họ như mất nước. Thế nên người miền Nam mang nỗi niềm *nhớ nước đau lòng con quốc quốc, thương nhà mỏi miệng cái gia gia*. Họ như mất tất cả nên mang cái tâm thái vong gia thất thổ như Hàm Nghi đắm chìm trong Nguyễn triều vong thổ. Nhằm vào vận nước nổi trôi *hà tất tiêu dao bốn bể luân lạc tha phương* thì người mắu ruốc với *chí ta ta biết lòng ta ta hay* hơn ai hết để mai này quang phục, quang gánh trở về quê hương. Người mắu tôm chỉ búng ghét đuổi ruồi làm quân sư và không hơn. Người mắu chua cấm đầu tụng kinh gõ mõ, bó bẫy ngày không ra một Phan Bội Châu, một Phan Khôi. Với Phan Khôi làm báo, chẳng thể không nhắc đến nhà báo Cỏ May, người không đợi *đời lưu vong không cả một ngôi mộ, vui đất lạ thịt xương e khó rã, hồn không đi sao trở lại quê nhà*. Mà Cỏ May nín thờ qua sông, qua chữ nghĩa để mai này chèo thuyền ra biển, đi mãi đi mãi cũng trở về cặp bên cửa Khâu, vòm Láng, bến Vựa, chợ Giồng ông Huê. Nếu như Hàm Nghi mượn hội họa, điêu khắc để giải tỏa những ẩn ức, Thì Nguyễn thị Cỏ May “Đi thăm mộ Nam Phương hoàng hậu” hoặc với “Hồn ở đâu bây giờ” để đợi...một ngày.

Gấp tập lại cảo “Cậu Ấm...” đã cũ kỹ rồi, đã trở thành cổ kính như món đồ cổ. Trong cái tâm thái để hồn đi hoang, vất vưởng cùng “Hồn ở đâu bây giờ”, chẳng qua với nhân sinh, nhân bản cùng một dòng sinh mệnh, sinh phần thì Đông và Tây cũng gặp nhau ở sinh ký tử quy vậy thôi. Trộm nghĩ với “tịch dương vô hạn hảo, nhân gian trọng văn tình”, tạm hiểu lơ mơ lỗ mỗ là *nhằm vào cái tuổi chiều chiều bóng ngả về tây, với nhân sinh chỉ còn chút tình cơm cối*...Thôi thì hãy ghé tiệm lưu niệm bên bờ sông Seine, hãy mua một món quà nhỏ bỏ vào túi xách cho người họ Nguyễn tên Cỏ May. Tiếp đèn lấy Metro tới nghĩa trang Passy, làm như muốn trở lại nghĩa trang ở làng Chabrignac năm nào, công chúa Như Lý con Hàm Nghi nằm ở phía trái từ cổng vào, Hoàng hậu Nam Phương nằm bên mặt. Cách nhau 50 m...Phù lẫm nhân tôi đang phiêu lãng quên mình lãng du trong cõi ngu lạc trường đến đây...Tình cờ gặp người gác nghĩa địa đi đến hỏi có phải đi tìm ngôi mộ của “Sa Majesté Bảo Đại” không thì ông ta chỉ cho: Đó là một ngôi mộ nằm trên đám cỏ lác đã vàng úa. Trong gió thổi lay lắt qua bụi cỏ gà khô cằn, tôi nhìn không thấy có bia (***) để khắc tên, chỉ tro trọi hai tấm “đơn” xi măng sần sùi. Cùng hồn

ma bóng quế qua *lời nào của cây lời nào cỏ lạ* với *trăm năm vô biên chưa từng hội ngộ*, tôi chợt ngộ ra mộ phần Bảo Đại nằm cùng một nơi chốn với Duy Tân xưa kia trên đồi Trocadero.

Thế nhưng như Từ Thức về trần, phù lãng nhân tôi đến đây để tìm cái mình muốn tìm...Nhìn đâu đây, thả bộ trên lối mòn ngập cỏ vắn, hay cỏ may lát phát trong nắng hạ chùng chùng bước có nắm mồ. Đứng trước nắm mồ còn mới, giản dị như mộ bia Hàm Nghi. Nhưng không như Hàm Nghi với ngày sinh, năm mất cùng quê hương bản quán...

Vì mộ bia đây chỉ có một chữ:

Nguyễn

Trong một ngày nhạt nắng gần gập bóng ngả đường chiều. Phù lãng nhân tôi lấy trong túi xách ra con ốc đặt lên chữ..."Nguyễn". Ngược nhìn lên chốn không, đất trời âm ỉ như chậu nước gạo đục, mây xám mỏng tang như bánh tráng trứng. Trong chốn vắng, vắng xa, vắng vắng âm vọng từ trăm năm một cõi đi về ba hồi chuông triều mộ "boong...boong...boong...".

Thạch trúc gia trang
Đông tận, Ất Mùi 2015
Ngộ Không Phí Ngọc Hùng

Nguồn: Cao Đắc Vinh, Nguyễn Duy Chính, Trà Lũ
Ngô Công Đức, Lê Văn, Nguyễn Duy Vinh, Trùng Dương
Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn Văn Lục, Nguyễn Vy Khanh.

Chú thích:

(*) Thành Thái được con rể là Luật sư Vương Quang Nhường can thiệp với người Pháp nên mới được trở lại Việt Nam.

(**) Mộ Bảo Đại khởi đầu do bà Monique Baudot dựng lên, vì thiếu tiền nên không có bia. 10 năm sau nhờ con trai Bảo Đại là Bảo Ân nên mới được tu bổ lại ghi khắc tên tuổi của cựu hoàng với hình ảnh kim khánh bốn chữ "Bảo Đại Sắc Tú".

